

TỪ NỤ ĐẾN HOA

TỪ NỤ ĐẾN HOA

Biên dịch: Thích nữ Thuần Bạch
Ngọc Bảo

LỜI NGƯỜI DỊCH

Thiền sư Soko Morinaga sinh năm 1925. Sau khi tốt nghiệp trường Cao Đẳng, xuất gia năm 1948 với thiền sư Thụy Nham Tông Thạc (1879-1965) thuộc thiền phái Bạch Ẩn Huệ Hạc, tông Lâm Tế. Từ 1949 Sư tu tập ở chùa Đại Đức và được sư huynh là thiền sư Sesso Ota ấn chứng. Sư giảng pháp, viết sách báo, đồng thời là Viện Trưởng Đại Học Hanazono của dòng Lâm Tế ở Kyoto. Thường cộng tác với Hội Phật Giáo Luân Đôn, Sư đến Anh quốc du hóa hằng năm để giảng dạy khóa tu mùa hạ do nhiều tông phái Phật giáo bảo trợ. Sư viên tịch năm 1995.

Những gì chúng ta học được từ người xưa và cả người nay dĩ nhiên không phải trên những danh xưng, tiếng tăm hay bài giảng thơ văn để lại cho đời, mà chính ngay nơi những bước chân của người, như trong tự truyện này, đang đạp trên khắp nẻo đường đời từ chập chững non nớt như chồi nụ đến chững chạc vững chãi như hoa nở ngát hương.

Như Sư đã viết, đây không hẳn là cuộc đời riêng của Sư, mà hiện nay đang xảy ra cho mọi người ở khắp nơi. Đúng hơn, đó là bài toán bức thiết của mỗi chúng ta.

Thuần Bạch

MỞ ĐẦU

Cách đây ít lâu tôi có đến thuyết giảng tại một trường Đại Học. Thuyết trình viên trước tôi nói khoảng hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, quá giờ quy định. Khoảng thời gian nghỉ ngơi giữa hai buổi diễn thuyết bị thu hẹp lại, và tôi bị gọi lên bục giảng ngay sau đó. Để tỏ sự quan tâm đến thính giả, tôi mở đầu bài nói chuyện với câu hỏi: «Quý vị đã có thì giờ đi tiểu hết chưa?»

Cử tọa rõ ràng bị bất ngờ trước câu hỏi của tôi. Lại càng ngạc nhiên hơn nữa, khi họ thấy người đang đứng trước mặt nói về chuyện tiểu tiện, lại là một vị sư. Mọi người cười âm lên.

Bắt đầu như vậy rồi, tôi lại tiếp tục lái vào tiêu đề: «Tiểu tiện không là việc người khác làm giùm bạn được. Chỉ có mình mới đi tiểu cho mình được thôi.»

Câu này thật sự đã phá vỡ khoảng cách, và họ cười càng tận tình hơn nữa. Nhưng thực sự ta phải thấy rằng, *chỉ có chính mình mới đi tiểu cho mình được thôi, không ai khác có thể làm thế được*; là một nhận định hoàn toàn nghiêm túc.

Thời xa xưa bên Trung Hoa, có vị tăng nhập chúng tu thiền nhiều năm trong thiền viện của ngài Đại Huệ, nhưng dù đã hết sức tinh tấn vẫn không chứng ngộ. Một hôm thầy ra lệnh cho vị tăng đem lá thư đến một nơi xa

xôi thuộc vùng Trường Sa. Chuyển đi và về có thể mất đến nửa năm như chơi. Tăng nghĩ: «Ở thiền viện thường không có thì giờ tu tập. Ai mà rảnh rỗi đi làm một công việc như thế!» Tăng bèn hỏi ý kiến một sư huynh về việc này, sư huynh bật cười đáp: «Dù đang du hành, đệ cũng vẫn tọa thiền được cơ mà!» Thế là hai người bắt đầu cuộc hành trình.

Một hôm, trên đường đi, sư đệ bỗng bật khóc, than thở: «Em đã tu bao nhiêu năm nay rồi mà giờ chưa thấy đạt được gì cả. Rồi bây giờ, lang thang khắp nơi như thế này làm sao mà em chúng ngộ được chứ.»

Nghe vậy, sư huynh cố nói thật mạnh bạo phũ phàng như tát nước: «Ta sẽ làm tất cả những gì có thể làm được trong chuyến đi này. Nhưng có năm điều mà ta không làm thế cho đệ được. Đó là: *Ta không thể mặc quần áo thế cho đệ. Ta không thể ăn thế cho đệ. Ta không thể đại tiện thế cho đệ. Ta không thể tiểu tiện thế cho đệ. Và ta không thể vác đệ lên vai mà sống cuộc đời của đệ thế cho đệ được.*»

Khi nghe những câu này, vị sư đệ bỗng bừng tỉnh khỏi cơn mê và đại ngộ.

Tôi hy vọng khi đọc những lời này, bạn sẽ nhận ra rằng những gì tôi nói ở đây không phải chỉ là về tôi hay về việc xảy ra ở đâu đâu. Không phải như thế, những điều tôi nói ở đây chính là những vấn đề khẩn thiết của các bạn.

Phần Một

BƯỚC ĐẦU

- I -

VIỄN ẢNH CÁI CHẾT

Nếu có thể tóm tắt lại bốn mươi năm cuộc đời của tôi, kể từ khi bắt đầu xuất gia, tôi phải nói rằng đó là một sự tiếp diễn không ngừng những điều ngu dại. Khi nói về sự ngu dại của mình, tôi không có ý nói đến một điều gì sẵn có từ cha sanh mẹ đẻ, mà phần lớn về những ấn tượng hư dối tôi đã huân tập, hết lớp này qua lớp khác, trong trí tưởng tượng của tôi.

Bất cứ lúc nào du hành ngoại quốc để thuyết giảng, bao giờ tôi cũng được yêu cầu phải nhắm vào một vấn đề chủ yếu: Ngộ (*satori*) là gì, thế nào là giác ngộ? Điều gọi là Ngộ này, tuy thế, là một trạng thái ta chỉ có thể hiểu qua chứng nghiệm, không thể đem ra giải thích hay nắm bắt chỉ bằng ngôn ngữ thuần túy.

Tỷ dụ, có câu ngạn ngữ “Khi có con mới biết được lòng cha mẹ.” Dù bậc cha mẹ cố gắng diễn đạt tâm tư đối với con đến thế nào, đứa con cũng không thể nào hiểu được hoàn toàn. Chỉ khi chính đứa con trở thành cha mẹ, mới hiểu đầy đủ tấm lòng mẹ cha. Sự thông hiểu ấy có thể ví như giác ngộ vậy, tuy rằng giác ngộ là một điều gì sâu xa hơn nhiều.

Bởi vì không có ngôn ngữ nào có thể diễn đạt được kinh nghiệm giác ngộ, ở đây tôi sẽ chỉ bàn tới những điều cốt yếu cho sự giác ngộ và tu tập Thiền.

Tu tập Thiền không phải vấn đề nhớ nằm lòng những lời lẽ kỳ diệu trong kinh sách hay ngữ lục các vị tổ thời xưa. Thực sự, những lời lẽ này sử dụng như một phương tiện để phá vỡ những ấn tượng sai lầm trong trí tưởng tượng của con người. Mục đích tu tập không phải làm tăng thêm kiến thức, mà cạo bỏ những lớp vảy che mắt, vớt ra ngoài những chiếc mũ che tai.

Qua tu tập, ta có thể thấy được sự thực. Và tuy nói không có một thứ thuốc nào có thể chữa được chứng bệnh khờ dại, điều làm cho ta nhận ra “tôi đúng là một kẻ khờ dại” thực sự chính là phương thuốc ấy.

Cũng có câu nói “thuốc đắng già tật,” và buồn thay, thứ thuốc làm cho ta nhận ra được mình ngu dại chắc chắn rất cay đắng. Nhận thức được cái ngu của mình thường hay đi kèm với những thử thách và rồi phải trả giá bằng những trắc trở và buồn rầu. Tôi đã trải qua một nửa đời người vật vã với những hậu quả cay đắng của phương thuốc này.

Tôi sinh ra ở thành phố Uozu, thuộc quận Toyama. Trong lúc Thế Chiến Thứ Hai đang sôi sục, tôi đang học chuyên ngành văn chương, dưới chế độ giáo dục cũ của Nhật, tại trường trung học Toyama. Các học sinh trung

học, theo luật được chính thức hoãn dịch cho đến khi tốt nghiệp xong đại học. Nhưng khi chiến tranh leo thang, có lệnh ban xuống rằng những học sinh nào học về văn chương sẽ phải đi ra chiến trường. Người ta thường giả dụ rằng sinh viên khoa học sẽ tiếp tục những môn học về y khoa hay khoa học và như vậy sẽ cung cấp cho nhiệm vụ hậu cần trong chiến tranh, trong khi sinh viên văn khoa thì chỉ đọc sách, đấu khẩu, và thường hay kích động tinh thần quốc gia.

Dù sao, học sinh văn khoa, bị đối đãi như không phải là những học sinh, đã phải qua kỳ khám sức khỏe để nhập ngũ vào lứa tuổi hai mươi và rồi bị đẩy vào quân đội, không có ngoại lệ. Đã vậy, tuổi quân dịch lại bị hạ thêm một tuổi nữa, và dường như vì nhu cầu nóng bỏng, tôi với tuổi mười chín đã bị lôi vào quân đội một cách phũ phàng.

Chúng ta ai cũng biết rằng sớm hay muộn gì mình sẽ chết. Cái chết có thể đến ngay ngày mai, hay có thể đến hai mươi năm, ba mươi năm nữa. Chỉ vì không biết cái chết sẽ chờ đợi ta lúc nào trên con đường dài sắp tới, ta mới có được một chút an bình nơi tâm, mới có thể tiếp tục đời sống bình thường. Nhưng với tôi, sau khi đã qua kỳ khám sức khỏe và chờ đợi lệnh nhập ngũ đến bất cứ lúc nào, cái chết bỗng nhiên hiện ra thật bất ngờ trước mắt. Tôi có cảm tưởng như mình đang di động qua một khoảng trống không, ngày này qua ngày khác. Thức hay

ngủ, tôi đều vẽ ra trong trí óc những cách chết khác nhau sẽ đến với tôi trong chiến trường. Nhưng dù đang ở trong cơn lốc mù mịt những ý tưởng về cái chết, tôi vẫn không có thì giờ để tìm hiểu vấn đề một cách triết lý hay tìm phương tiện tu tập tôn giáo nào.

Những người đi vào quân đội thời ấy cảm đầu nào đến phía trước, hăng say tin tưởng rằng đây là cuộc chiến công bằng, một cuộc chiến thật quan trọng để họ có thể hi sinh mạng sống không chút luyến tiếc. Từ tinh thần ấy, chúng tôi được trang bị với một biện giải tạm bợ cho viễn ảnh cái chết trước mắt mình – hay ít nhất đó cũng là trường hợp của tôi.

Giữa những con người, có những kẻ chuyên bóc lột và những kẻ chuyên bị bóc lột. Điều đó cũng áp dụng cho sự liên hệ giữa các quốc gia và các chủng tộc. Trong suốt lịch sử, những quốc gia phát triển về kinh tế đã thống trị những nước kém phát triển hơn. Cuối cùng thì bây giờ, Nhật Bản đã vươn lên được và thoát ra khỏi xiềng xích sự bóc lột đó! Vì thế, đây là một cuộc chiến tranh chánh đáng, một cuộc chiến có ý nghĩa! Làm sao chúng tôi có thể tiếc rẻ mạng sống nhỏ nhoi của mình cho quốc gia, dù cho mạng sống đó có bị nghiền ra thành từng mảnh đi nữa? Kiểu lý luận hồ đồ này đã cho phép chúng tôi đóng chặt lại tâm trí của mình.

Và thế là những học sinh chúng tôi lên phi cơ, vũ trang chỉ với một cái chết chắc chắn và nhiên liệu cho chuyến đi không ngày về, để vài quyển sách triết lý đặc ý nhất hay cuốn kinh Tịnh Độ bên cạnh tay lái, những quyển sách chắc chắn sẽ không được đọc tới. Có nhiều người đã lao vào tàu chiến của địch, cũng có nhiều người đã ngã xuống trong ngọn sóng biển cao ngất hay máy bay bị bắn rơi trước khi thi hành nhiệm vụ.

Thế rồi, ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện. Cuộc chiến tranh mà tất cả chúng tôi đã tưởng như là công chính, cuộc chiến mà chúng tôi sẵn sàng vui vẻ hi sinh mạng sống của mình, bỗng phút chốc, chỉ trong một đêm, trở thành một cuộc chiến xâm lược, một cuộc chiến ác độc – và những kẻ chịu trách nhiệm cho cuộc chiến đó phải bị xử tử.

*

- II -

KHÔNG CÓ GÌ CHẮC CHẮN

Dù gì đi nữa, tôi cũng đã trở về sống sót từ quân ngũ. Qua làn sóng ngắn phát thanh của chiếc radio, một thứ cực kỳ hiếm hoi vào thời bấy giờ, tôi lắng nghe số phận những vị lãnh đạo Đức Quốc Xã đã đầu hàng chỉ trước Nhật có một bước. Khi nghe tòa án Quốc tế Nuremberg đọc to lên câu phán quyết rằng, “Xử tử bằng cách treo cổ”, chỉ một chữ – *treo cổ* – đã đập mạnh vào tai khiến tôi vẫn còn nghe được âm hưởng. Và rồi (*có lẽ qua chính sách của quân đội Mỹ đang chiếm đóng?*) một cuốn phim tài liệu được chiếu lên. Tôi xem cuốn phim này ở nơi hiện thời là cửa hàng bách hóa, trên lầu năm một tòa nhà đổ nát đã tránh được không bị tiêu hủy trong khu phố chính đầy vết tích chiến tranh tàn phá của Toyama.

Có cảnh một vị tướng lãnh người Đức bị lôi lên đoạn đầu đài và rồi bị treo cổ trước một đám đông tụ tập tại quảng trường. Trong một cảnh khác, vị lãnh đạo Ý Mussolini bị đám đông đập chết và rồi treo ngược lên trên hàng rào dây thép gai cạnh xác người yêu của ông. Cuốn phim tiếp tục với cảnh những xác người bị kéo lê trên đường phố trong khi đám đông kêu gào chửi rủa và ném đá lên họ.

Trong những bộ đồng phục quân đội bị phế bỏ, tôi và những bạn học lần lượt trở về trường. Chúng tôi trở về, những thanh niên đã mất hết niềm tin và đầy khắc khoải với câu hỏi thế nào là trái và phải. Tuy rằng trên nguyên tắc lớp học đã bắt đầu lại, nhưng thực tế không ai học hành gì cả. Nếu có một vị giáo sư nào bước vào lớp, sách vở trong tay, ông ta sẽ được yêu cầu ngồi vào một bên trong khi những thành viên quân đội trở về thay nhau lên nói trên diễn đàn.

“Dù may mắn hay không, chúng ta cũng đã trở về nhà, và chúng ta đã đi học lại được. Nhưng điều chúng ta nghĩ là *phải* chỉ trong phút chốc đã biến thành *trái*. Chúng ta có thể còn sống bốn mươi, năm mươi năm nữa, nhưng có thể nào chúng ta còn tin tưởng được điều gì nữa không – thế nào là một điều *phải*, một điều *trái* mà không bị thay đổi, biến hóa đi? Nếu chúng ta không giải quyết được vấn đề này, dù có học nhiều đến đâu cũng sẽ không giúp chúng ta tin tưởng vào thứ gì được nữa. Sao, các bạn nghĩ thế nào?”

Cứ như thế, ngày này qua ngày khác.

Trong những ngày đó, chúng tôi có một vị giáo sư triết lý tên là Tasuku Hara, sau này trở thành giáo sư khoa triết trường Đại Học Tokyo. Ông là một giáo sư thật xuất sắc, và tôi thường luyện tiếc cho ông đã chết thật trẻ. Một ngày nọ, vị giáo sư Hara này, chúng tôi thường coi như một người anh, đã đứng lên và nhất định yêu cầu cho ông được lên tiếng.

Khi lên diễn đàn, ông nói với chúng tôi, “Kant, một triết gia người Đức mà tôi đã nghiên cứu, có nói rằng: Những con người chúng ta có thể suy nghĩ cả đời về ý nghĩa của *thiện* và *ác*; nhưng chúng ta sẽ không bao giờ nghĩ ra được. Điều duy nhất mà người ta có thể làm được là dùng một cái thước để đo *thiện* và *ác* mà thôi.”

“Hãy nghĩ như thế này”, ông tiếp tục, “nếu chúng ta dùng thước đo của người Nhật, cuộc chiến này là một cuộc thánh chiến, trong khi với tiêu chuẩn của người Mỹ, đó là một cuộc chiến tranh xâm lược. Vì thế công việc của chúng ta trong đời không phải là dán nhãn lên cái này là *thiện*, cái kia là *ác*, nhưng phải tìm kiếm một tiêu chuẩn có thể áp dụng được bất cứ nơi nào trên thế giới này. Nhưng tiêu chuẩn đo lường này không phải là thứ gì có thể bắt gặp được chỉ trong một ngày. Mỗi người trong các anh phải vượt qua thời gian và không gian để tìm một tiêu chuẩn có ý nghĩa đối với càng nhiều người càng tốt. Và để làm được điều này, tôi đề nghị, trước hết là các anh hãy tiếp tục học chương trình trung học của các anh đi.”

Sau khi nghe lời khuyên đầy trung thực và thiện chí này, chúng tôi học trở lại. Tuy nhiên, chúng tôi cũng vẫn tiếp tục những cuộc thảo luận đầy tính cách lý thuyết. Và, riêng tôi vẫn bị bế tắc trong câu hỏi về thiện và ác; vấn đề này đã nằm sâu trong tiềm thức của tôi.

Tôi nghĩ, thật ra đây là một vấn đề nan giải của thời cuộc Nhật Bản, không chỉ thường thấy trong giới thanh niên như chúng tôi, mà còn với những vị trung niên và lão niên. Chúng tôi đã không còn biết được thế nào là đạo đức bình thường. Tôi tin rằng Nhật Bản đã rơi vào một tình trạng người ta không còn biết noi theo tiêu chuẩn nào, kể cả việc nuôi dạy con cái.

Không những thế, trong cuộc đời riêng tư của tôi lại có những thay đổi lớn lao. Đầu tiên là, năm trước khi chiến tranh chấm dứt, tôi mất cả cha lẫn mẹ cùng một lúc: trong khi mẹ tôi đang hấp hối, cha tôi bị đứt mạch máu não và mất ngay sáng hôm sau, ngày 24 tháng 8, trong cơn mê man mà không một lần tỉnh dậy.

Tôi có ba người chị lớn, tất cả đều đã lập gia đình và ở xa. Họ sống ở Moji, Thượng Hải, và Mãn Châu. Trong tình trạng di chuyển bất tiện thời ấy, không người chị nào của tôi có thể về dự đám tang. Tôi trở thành người con duy nhất còn lại trong gia đình phải lo việc ma chay, và tôi đã hoàn tất mọi việc trong hai ngày với sự giúp đỡ của họ hàng thân thuộc. Thế rồi, trước khi tôi có thể sắp xếp được việc gì, lệnh nhập ngũ tới và tôi phải đi vào quân đội.

Trở về nhà sau chiến tranh, tôi phải đương đầu với hai vấn đề một lúc, vấn đề bất động sản và thuế đất. Gia tộc tôi từ lâu đời vốn là địa chủ, và số đất ít ỏi chúng tôi có hiện giờ đang cho thuê. Cha tôi luôn luôn dạy tôi là,

“Không có gì bền vững hơn là đất. Dù có bị hỏa tai, đất cũng không cháy được. Dù có bị lụt lội, đất cũng không trôi mất. Nếu có kẻ trộm vào cũng không đem đất đi đâu được. Dù con có làm gì khác trong đời, cũng không nên để mất miếng đất này.”

Nhưng rồi, sự việc đã xảy ra, mặc dù tôi không làm gì cả, mảnh đất của gia đình tôi đã bị tịch thu trong chương trình cải cách đầy tham lam của chính phủ. Bây giờ cả đất cũng mất đi, tôi còn gì để tin tưởng nữa? Tất cả những điều tôi cho là chắc chắn trước đây đã không còn chắc chắn nữa.

Cuộc chiến tranh tôi cho là thánh thiện đã trở thành cuộc chiến xấu xa. Tôi không nghĩ là cha mẹ tôi sẽ chết đột ngột như vậy, nhưng rồi họ đã ra đi, người nọ theo người kia ngay sau đó. Số tiền bảo hiểm cha tôi đã để riêng phòng hờ cho các con trong trường hợp có điều bất trắc xảy ra cho ông đã bị phong tỏa lại, và không một xu nào cho tôi cả. Và miếng đất vốn dĩ đã làm nền tảng cho gia đình xưa nay bỗng chốc mất đi.

Đồng thời lúc đó vật giá lên cao liên tục. Món hàng mua với giá một *yen* ngày hôm nay tăng vọt lên thành mười *yen* hôm sau, và trước khi người ta kịp biết, phải cần đến tờ giấy bạc một trăm mới mua được! Thời đó thực tế là không hề có chuyện đi làm bán thời gian đối với các sinh viên học sinh. Do đó tôi không có một chút kinh nghiệm gì trong việc đem hai bàn tay trắng ra

đi làm nuôi thân. Ngoài vấn đề tiêu chuẩn đạo đức, còn có câu hỏi nan giải trước mắt là làm sao tôi có tiền để sinh sống đây.

Nhìn lại những ngày ấy, tôi nhận ra nếu như tôi có gia nhập một đám băng đảng nào cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Và cũng không có gì lạ nếu tôi nhảy vào đường rầy xe lửa tự tử. Mỗi buổi sáng tôi thức dậy cảm thấy thật thống khổ, mỗi một ngày qua đi trong sự vô vọng. Đêm đến tôi thiếp ngủ tinh thần xuống dốc hơn lúc nào hết, để rồi sáng hôm sau thức dậy càng cảm thấy đen tối hơn.

Vòng luẩn quẩn ác nghiệt này tiếp tục ngày này qua ngày khác, nhưng rồi tôi vẫn tốt nghiệp được trung học. Tuy nhiên, vì không có một chút ý định nào muốn ghi tên vào trường đại học hay học một ngành gì cả, tôi chỉ vất vưởng qua ngày một cách lười biếng. Rồi, giữa lúc tinh thần đang đau khổ cao độ như thế, một ngày kia tôi nhận ra rằng: từ xưa tới giờ, tôi chẳng làm gì ngoài việc chỉ biết đọc sách, thâm thập kiến thức và xoay quanh những lý thuyết. Lý do khiến tôi không biết phải làm gì với tôi hiện nay, hóa ra là tôi chưa từng biết sử dụng thân mình một cách có kỷ luật bao giờ cả.

*

- III -

**CUỘC GẶP GỠ
TRONG BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG**

Thế rồi, sự kết hợp kỳ bí những nhân duyên nào đó đã khiến tôi lê bước đến gõ cửa các thiền viện. Tôi vẫn còn cảm thấy thật biết ơn, sau khi đến viếng thăm vài ba ngôi chùa, tôi được giới thiệu đến chùa Daishuin ở Kyoto, mà ngày nay tôi vẫn còn ở, dưới sự hướng dẫn của Đại Sư Zuigan Goto (*Thụy Nham Tông Thạc*). Đại sư Zuigan trước đây đã trụ trì chùa Myoshin-ji (*Điều Tâm Tự*) và lúc bấy giờ đang trụ trì chùa Daitoku-ji (*Đại Đức Tự*), là con người vĩ đại vô cùng.

Tôi xuất hiện nơi ngưỡng cửa Đại sư, mái tóc để dài bết lại, rối bời, một chiếc khăn vắt vẻo nơi bụng, chân đi đôi guốc gỗ nặng nề. Câu đầu tiên con người vĩ đại này nói với tôi là: “Tại sao anh đến đây?”

Để trả lời, tôi nói lan man một tiếng rười òng òng, kể lể hoàn cảnh của tôi từ trước tới giờ và tình trạng hiện nay ra sao. Đại sư im lặng lắng nghe, không tỏ vẻ muốn nói chen vào một tiếng nào.

Sau khi tôi đã nói xong, ngài nói: “Nghe anh nói từ nãy giờ, tôi có thể thấy được rằng anh đã tới tình trạng

không còn tin tưởng được ở điều gì nữa. Nhưng trong việc học đạo, không thể làm được gì nếu không tin tưởng nơi thầy của mình. Anh có tin tôi không? Nếu anh tin được, tôi sẽ nhận anh ngay bây giờ, ngay trong tình trạng này. Nhưng nếu anh không thể tin tưởng được tôi, thì anh có ở đây cũng chỉ phí thì giờ, và tốt hơn là anh nên trở về chốn cũ của mình.”

Zuigan đại sư, ngay từ đầu, đã khẳng định một cách kiên quyết về điều luật phải tin tưởng hết lòng nơi thầy mình, nhưng tôi lúc đó chưa đủ hiểu biết để có thể nói một cách sẵn sàng và thành thực rằng: “Dạ được!”

Đại sư lúc đó đã bảy mươi tuổi, và tôi tự nhủ thầm: “Ông già lắm lắm! Ông ấy là hòa thượng trụ trì chùa Diệu Tâm hay chùa Đại Đức thì đã sao. Thiếu gì *nhân vật quan trọng* trên đời này cũng chẳng ra cái gì. Nếu tin tưởng dễ dàng, không điều kiện như vậy vào một người mới chỉ gặp lần đầu, thì tôi đã tin được vào một điều gì trước khi đến đây rồi! Chẳng phải là tôi đến đây chỉ vì tôi không thể nào tin tưởng dễ dàng được một điều gì sao?”

Tất cả những ý tưởng chạy băng qua trí óc tôi, nhưng ngay từ đầu tôi đã biết là nếu tôi nói ra, tôi sẽ bị trả lời thẳng thừng là: “Nếu vậy thì anh đến đây chỉ mất thì giờ vô ích. Hãy trở về đi!”

Tôi tự nghĩ, dù cho có nói láo nhưng miễn là nói những lời ấy ra, vị thầy sẽ cho tôi được ở lại, nên nói: “Con tin tưởng nơi thầy. Xin thầy hoan hỉ nhận con.”

Lúc ấy, tôi không hề biết chút gì về sức nặng của chữ “Con tin tưởng”, nhưng đó là một bài học mà tôi được dạy ngay sau đó, trước khi hết ngày.

*

- IV -

KHÔNG CÓ GÌ LÀ RÁC

“Hãy đi theo ta,” đại sư ra lệnh, và ngài giao cho tôi công việc đầu tiên là quét dọn vườn. Đi cùng với lão sư bảy mươi tuổi ra ngoài vườn, tôi bắt đầu làm việc quét dọn với cây chổi tre. Vườn thiền trong khuôn viên các chùa thường bố trí cẩn thận với những loại cây cho lá rụng quanh năm. Không những mùa thu cây phong lá rụng đầy, mùa xuân cây sồi và cây khuynh diệp cũng thay lá. Khi tôi vừa đến vào tháng tư, mảnh vườn đã rải rác đầy lá rụng khắp nơi.

Con người (hay có lẽ là tâm tôi thì đúng hơn) thật sự rất xấu tính. Tôi đứng đây, trong tâm đang rửa thềm “ông già lâm cầm” này và chống lại ngay cả cái ý tưởng có thể tin tưởng dễ dàng vào một điều gì như vậy; nhưng cùng lúc đó, tôi lại muốn ông già này chú ý tới tôi, nên tôi cầm chổi lên quét lia quét lịa. Chẳng mấy chốc tôi đã vun đấm lá rụng thành một đống lớn. Hăng say tỏ vẻ chăm chỉ, tôi hỏi: “Đại sư, con vứt đống rác này đi đâu?”

Lời nói vừa ra khỏi miệng tôi, thầy đã mắng ngay: “Không có rác gì hết!”

“Không có rác à, thế sao, thầy xem cái đống này,” tôi gắng chỉ cho thầy thấy đống lá trước mặt.

“Vậy là mi không tin ta hả! Có phải không?”

“Không phải thế... nhưng... con phải vớt mấy chiếc lá này đi đâu bây giờ?” Tôi chỉ còn biết nói như vậy.

“Mấy chiếc lá ấy không vớt đi đâu cả!” Thầy lại gầm lên.

“Vậy con phải làm gì?” Tôi hỏi.

“Đi ra nhà kho đằng kia lấy cho ta cái túi đựng than,” thầy ra lệnh.

Khi tôi trở lại, thầy đang cầm củi cào núi lá kia, sàng cho lá nhẹ ngoi lên trên mặt, và đất cát sỏi đá nặng hơn sẽ rơi xuống dưới. Sau đó thầy bắt đầu nhồi lá vào trong chiếc túi tôi đem ra từ nhà kho, lấy chân dậm cho lá xẹp xuống. Sau khi đã nhét chặt tới chiếc lá cuối cùng vào trong túi rồi, thầy nói: “Đem túi này ra nhà kho. Mình sẽ dùng để đun nước tắm.”

Trong lúc đi ra nhà kho, tôi thậm chí công nhận túi lá tôi đang mang trên vai này có lẽ chẳng phải là rác; tôi cũng nhủ thậm chí đồng lá còn lại ngoài vườn kia rõ ràng chỉ là rác, và không có gì khác hơn là rác cả. Nhưng khi trở lại, tôi thấy thầy đang ngồi xôm trên đồng rác còn lại, lượm ra từng viên đá. Sau khi thầy đã cẩn thận nhặt lên viên đá cuối cùng, ông nói: “Lấy mấy viên đá sỏi này ra trải dưới ống máng nước mưa.”

Khi tôi trải những viên đá trộn lẫn với sỏi đã có sẵn ở đó, và lấp đầy những chỗ bị xoáy bởi nước mưa, tôi nhận thấy những lỗ này không những được lấp đầy, mà trông còn đẹp hẳn lên. Tôi lại phải công nhận rằng những viên đá này cũng không xếp loại là rác được. Nhưng chưa hết: vẫn còn những miếng đất, những mảnh rêu sót lại từ đồng rác hồi nãy. Ai có thể làm gì được với những thứ đó, tôi tự hỏi.

Tôi thấy thầy đang lúi húi nhặt những miếng này lên và để vào lòng bàn tay, từng cái một. Thầy đảo mắt tìm kiếm những cái khe, những chỗ lõm trên mặt đất, rồi trám chúng vào đó và đập chân lên cho bằng. Rốt cuộc, chẳng còn lại một chút gì từ đồng lá hồi nãy cả.

“Sao?” thầy hỏi. “Mi có hiểu hơn được một chút nào chưa? Từ nguyên thủy, dù là người hay vật, chẳng có thứ gì là rác cả.”

Đấy là bài pháp đầu tiên tôi được nghe từ Đại sư Zuigan. Tuy bài pháp có gây cho tôi ấn tượng, nhưng tiếc thay, tôi không có đủ trí tuệ để đạt ngộ khi nghe những lời lẽ đó.

“Từ nguyên thủy, dù là người hay vật, không có thứ gì là rác cả.” Những lời lẽ này chỉ thẳng tới chân lý căn bản của Đạo Phật, một chân lý tôi chưa thể nhận ra được trong những ngày tháng đó.

“Kỳ diệu thay! Mọi chúng sanh vốn đều là Phật, đều có sẵn trí huệ và đức hạnh nơi mình. Chỉ vì chấp chặt những vọng tưởng sai lầm nên chúng sanh không thể nhận ra được.” Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thốt lên câu này trong giây phút giác ngộ. Nói một cách khác, mọi chúng sanh nguyên thủy vốn đã toàn hảo, nhưng bởi vì bám víu vào những khái niệm si mê, nên họ không thể nhận thức được Phật tánh có sẵn nơi mình.

Trong giây phút chớp nhoáng, màn sương che phủ trước mắt ngài tan biến, và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thấy được chân lý hiện tiền. “Từ đó tới giờ, ta đã nghĩ rằng tất cả chúng sanh trong thế giới này chỉ sống trong sự đau khổ và khốn cùng, trong những bất hạnh sâu xa. Nhưng thực ra chẳng phải tất cả mọi chúng sanh, ngay nơi hiện thân của họ, đều đang sống trong tánh Phật, đều đang có sẵn sự toàn hảo tuyệt đối đó sao? Và chẳng phải điều này không chỉ áp dụng cho những người đang khỏe mạnh an vui nơi thân và tâm, mà còn với những kẻ mù lòa, những kẻ tật nguyền không có tay chân, phải kéo lê thân xác mình một cách khó khăn đó sao? Chẳng phải mỗi người trong chúng ta, ngay trong trạng thái hiện tại của mình, đều là một thực thể toàn hảo, không khiếm khuyết đó sao?” Lòng đầy cảm kích và kinh ngạc, Đức Phật đã thốt lên như vậy trong giây phút giác ngộ.

Mỗi năm, tôi đều đi Hokkaido thuyết giảng. Có một năm, sau khi nghe tôi nói chuyện, một thiếu phụ xin đến gặp. Cô vốn là người rất sùng mộ đạo Thiên chúa, nói như sau: “Nghe thầy nói chuyện hôm nay, con thấy tất cả những điều Đạo Phật muốn khuyên người ta làm chỉ là buông bỏ hết dục vọng. Trong khi đạo Thiên Chúa nói ‘Hãy hỏi xin, người sẽ được cho. Hãy tìm kiếm, người sẽ được thấy. Hãy gõ cửa, cửa sẽ mở ra cho người.’ Những lời dạy đó đáp ứng kỳ vọng của giới thanh niên trẻ tuổi như con đây. Thầy nghĩ sao về vấn đề này?”

Tôi trả lời cô ta bằng một câu hỏi khác: “Nói như thế có nghĩa không cần biết cô gõ cửa như thế nào, tìm kiếm ra sao, cô cũng sẽ được ban bố, cũng sẽ được mở cửa ư? Chẳng phải là trừ khi người ta tìm kiếm và gõ cửa cách nào để có thể cảm ứng được với Tâm của Thượng đế, cửa mới mở ra được, và điều ước nguyện mới được ban cho sao?”

Tôi đã nghe câu nói của đạo Thiên chúa rằng: “Ta làm ra con đường của mình, nhưng Chúa sẽ định hướng những bước đi trên đó.” Một cách tóm tắt, ta có quyền ước muốn và lựa chọn, tìm kiếm tha hồ, nhưng Thượng đế mới định đoạt những nguyện vọng của ta có thể thành tựu được hay không.

Cũng vậy, Đạo Phật không chỉ nói là phải vứt bỏ hết mọi ước muốn, dẹp hết mọi tìm kiếm. Nhất là trong

tu tập Thiền, chúng ta gõ vào cánh cửa qua sự hành trì thật gặt gao, hầu như có thể mài dũa tới tận xương tủy vậy. Tuy nhiên, đạo Phật chỉ ra rằng, sau khi đã tìm kiếm tất cả, điều chúng ta đạt được lại là sự nhận thức những gì tìm kiếm vốn đã luôn luôn có sẵn nơi mình, rằng sau tất cả những công phu miên mật, chúng ta thức tỉnh thấy được thật ra cửa đã mở sẵn từ trước khi chúng ta bắt đầu gõ vào.

Như vậy, các bạn thấy Đại sư Zuigan đã chỉ ra sự thật căn bản nhất từ đầu khi ngài nói, “Từ nguyên thủy, dù cho ở người hay vật, không có gì là rác cả.” Đáng tiếc là tôi đã không hiểu được ngài. Tôi tiếp tục làm ra vẻ như mình là một đệ tử đang tin tưởng hết mình vào thầy, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn thường chê bai và chống đối lại. Nói trắng ra, gần như hầu hết những lời thầy nói đều làm tôi cảm thấy bực bội.

*

- V -

CHỈ CÒN BIẾT LAU CHÙI

Nhiều người thường khinh rẻ những hoạt động cần thiết cho nhu cầu căn bản hằng ngày, nhưng đối với tôi, những việc đó không được xem là lam lũ chân tay. Nếu bạn muốn nhìn phong cảnh bao quát toàn diện ở ngoài, bạn phải trèo lên một địa điểm cao mới thấy được rõ. Nhưng nếu bạn muốn thấy tâm con người, bạn phải bước xuống mà nhìn từ một chỗ thấp.

Ngay sau khi vào thiền viện, tôi đã phải làm điều đó qua công việc lau dọn hằng ngày. Từ sáng đến tối, tâm trí tôi không còn có gì khác hơn là chỉ biết lau chùi. Điều đó dẫn đến một kinh nghiệm oái ăm, phát hiện ra một khía cạnh gai góc trong sự tu tập.

Nếu có người nào biết rằng họ sẽ hiểu được phần nào chân lý qua việc quét dọn lau chùi, họ có thể bị vướng mắc trong sự thực hành này và rồi nhận ra rằng thực sự họ đang xa rời khỏi sự nhận thức chân lý ấy. Tâm của họ đã bị chướng ngại bởi chính sự thực hành.

Một buổi sáng, sau khi tôi đã dọn bữa điểm tâm và mời ngài ra dùng, Zuigan đại sư chậm rãi bước ra phòng ăn nói rằng: “Này, đi vào phòng của ta, đứng ở chỗ cái bàn nhìn về phía bệ thờ xem.”

Thường thường, tai của một sa-di mới nhập viện hay nghe thấy giọng nói của thầy mình như là đang tức giận. Vì thế, khi nghe thầy nói vậy, tôi giật mình nghĩ thầm: “Chết rồi, mình lại quét dọn hổng gì nữa đây,” và rồi lập tức chạy vào trong phòng thầy.

Phòng của thầy rất nhỏ hẹp, chỉ độ bốn chiều rưỡi (*diện tích chừng 3m x 4m*). Khoảng cách giữa bàn của ông với bệ thờ chưa đầy hai mét, nhưng mặc dù tôi đã xem xét cẩn thận khu vực này, tôi cũng không tìm ra được một vết bụi hay một giọt nước nào nhỏ xuống. Tôi bò ra sàn nhà tìm khắp nơi, nhưng chẳng thấy chỗ nào có vẻ có vấn đề cả.

Tôi ngồi thừ người ở đấy, cố tìm hiểu tại sao thầy lại giận dữ với mình, nhưng không thể nào nghĩ ra được. Thôi cũng đành, lại phải ra chịu đựng sự mắng mỏ thôi, tôi vừa nghĩ vừa đi trở lại phòng ăn. “Con không hiểu con đã làm gì sai trong việc quét dọn phòng thầy,” tôi bứt rứt nói, “Xin thầy dạy cho con biết.”

“Đồ ngu!” Ông quát lại. “Ai bảo là mi làm gì sai trong việc quét dọn đâu? Sáng nay ta vừa cầm một bông hồng *Sharon* ở trong cái lọ. Trông nó thật hài hòa với tấm liễn ở trên, thật là đẹp mắt, nên ta bảo mi đi vào đó xem. Mi có thấy cái bông hồng chứ?”

Tôi chợt nhận ra rằng, sự thực là tôi chẳng để ý thấy cái bông hồng nào cả. Tôi trở lại phòng thầy để nhìn. Bệ thờ được đặt trước một bức tường xưa đã ở đó

từ hơn hai trăm năm mươi năm nay, màu sắc đã sẫm lại. Trên bức tường mờ tối đó, một tấm liễn treo dọc xuống, vẽ theo kiểu thư pháp một chữ *Lộ* (sương) duy nhất.

Khi một vị thiên tăng viết chữ *Lộ*, ông không có ý muốn nói đến một hiện tượng thiên nhiên, mà ngụ ý đến sự hiển lộ trực tiếp. Không có gì có thể che dấu ở đâu được. Chân lý, hay Pháp, đều lộ ra ở khắp mọi nơi, khắp mọi vật. Phật tánh đều lộ ra trong tất cả vạn pháp. Nếu ta để cho những lớp vẩy che mắt rơi xuống, chúng ta sẽ nhận ra rằng tất cả mọi thứ, trong tất cả mọi nơi, đều hàm chứa chân lý tràn đầy; mọi thứ mọi nơi đều tràn đầy tính Phật, mọi thứ mọi nơi đều tự có chân giá trị. Đó là ý nghĩa chữ *Lộ* của tấm liễn treo trên tường.

Bên dưới tấm liễn, một đóa hoa lớn màu trắng tinh khiết dường như đang nổi lên từ bức tường vôi cổ, chan hòa một vẻ đẹp huyền diệu trước mắt người xem. Chỉ mấy phút trước đây thôi, tôi đã không thấy được đóa hoa đó. Mắt của tôi đã đóng chặt lại không thấy. Đó chính là cái khó khăn gặp phải trong sự tu tập.

Sự bỏ sót ấy trở thành một đề tài cho những bài giảng dạy của thầy. Sau khi tôi đã phạm phải lỗi lầm này, Zuigan đại sư thường hay nói trong những câu chuyện là: “Nếu tâm bị vướng mắc, bị chướng ngại, ta sẽ không thể thấy được ngay cả những vật mắt ta đang nhìn đến. Có biết không, hôm trước đây, có một tên ngu muội ngồi kia...”

- VI -

LỜI RĂN DẠY CỦA KHỔNG TỬ

Vị lão sư bảy mươi tuổi của tôi đã học hành chuyên cần ở trường Đại học Tokyo và tốt nghiệp thủ khoa trong khóa; ông thấu tỏ con đường thiền đang đi và đã là viện trưởng hệ thống các thiền viện Đại Đức. Đó là tiểu sử thân thế của ông, trong khi tôi đây – tuổi xấp xỉ đôi mươi, chẳng có gì để phô trương ngoài học vấn trung học thời xưa cũ, chẳng bao giờ lên đại học – tôi đã là đệ tử của ông. Với vị trí thấp kém của mình, tôi ngưỡng vọng lên thầy như một người ở dưới ngược lên nhìn núi Hi Mã Lạp Sơn.

Và thế là tôi, trong những ngày mới vào tu tập, chưa chi đã thấy tuyệt vọng khi nghĩ đến tương lai, cảm thấy như chẳng có ích lợi gì để tiếp tục, và tự hành hạ mình với ý tưởng là không thể nào mình xứng đáng để có ngày bước vào thay thế bước chân của thầy được. Thịnh thoảng, khi tiếp được một vài sự ngợi khen của thầy, tôi thấy mình như bay vút lên trên mây cao, nhưng rồi sau đó lại rơi ngay xuống vực sâu tuyệt vọng.

Sự khó khăn của tôi không phải riêng biệt. Có lẽ gần như tất cả mọi người, từ thời xa xưa cho tới nay, khi bắt đầu học đạo đều phải trải qua những tình huống như

vậy. Một thí dụ là Tử Lộ, học trò của Khổng Tử ở Trung Hoa ngày xưa. Tử Lộ đã sống một cuộc đời phóng đãng cho đến khi ông tình cờ đâm bổ vào một lớp học trong đó Đức Khổng Tử đang dạy Đạo cho đệ tử của ngài. Bị thu hút bởi cá tính của vị thầy, Tử Lộ đã trở thành học trò của ngài. Tử Lộ vốn là một người rất tự tin nơi sức mạnh thể lực của mình, nhưng rồi ông sớm nhận ra rằng Khổng Tử không những là người dạy Đạo bằng sự ôn hòa và đức hạnh của mình, mà còn có sức mạnh mà Tử Lộ không thể nào sánh bằng. Khổng Tử thông hiểu sâu xa tâm lý tầng lớp dân chúng hạ lưu, khiến Tử Lộ phải tự hỏi không biết trước đây Ngài đã có đời sống như thế nào. Kiến thức của Khổng Tử sâu rộng đến nỗi các đệ tử của Ngài đều không ai hiểu được ngài như thế nào. Tuy là một đệ tử rất chuyên cần, Tử Lộ cũng e ngại mình sẽ không thể theo kịp thầy.

Trong một dịp, Đức Khổng Tử buông lời khen ngợi một trong những đệ tử của ngài là Nhan Hồi, rằng: “Hay thay Hồi sinh! Chỉ sống với một bát tre, một ngụm nước, ở trong một ngõ hẻm chật hẹp. Những người khác chắc sẽ thấy đời sống đó buồn chán không chịu nổi, nhưng Hồi lúc nào cũng vẫn lạc quan, vẫn giữ vững tinh thần như thường. Thật đáng ca ngợi!”

Ý của Khổng Tử muốn nói là: “A, đệ tử Hồi của ta, nó thật là người phi thường. Nó ăn thức ăn tồi tàn

nhất, uống nước lạnh không thôi” – ở bên Tàu vì nước xấu, cho nên uống trà là sự thường tình, nếu trong cuộc sống chỉ uống nước lạnh không quả là một điều đáng chú ý! – “và ở trong một căn nhà lụp xụp. Hầu hết mọi người sẽ thấy đó là khổ hạnh không chịu nổi và sẽ cảm thấy tuyệt vọng. Nhưng Nhan Hồi thì không thế! Dù cho có cuộc sống như vậy, cũng không có gì ngăn cản được anh ta hoan hỉ đi theo con đường Đạo. Thật là con người kỳ diệu thay!”

Lúc đó, Nhiễm Cầu, một đệ tử đang có mặt, nêu lên rằng: “Không phải là con không tin vào Đạo mà thầy và các vị sư huynh tiền bối như Nhan Hồi đã thực hành. Nhưng có điều là có những người trong chúng con không đủ khả năng để làm được như vậy.”

Khổng Tử khi ấy, thật khác với lúc thường, đã trách mắng Nhiễm Cầu một cách nặng nề về sự giải đãi này, “Thiếu khả năng là một duyên cớ cho những người ít nhất đã từng thử một lần, đã đi được một phần đường. Nhưng người! Ngay trước khi bắt đầu thử người đã tự giới hạn khả năng của mình rồi!”

Khổng Tử đã răn dạy cho Nhiễm Cầu một bài học đích đáng.

Tất cả mọi người chúng ta đều có những lúc muốn thốt lên những lời như vậy, muốn trốn tránh trách nhiệm

của mình. Ngay cả tôi, khi đang kể lại câu chuyện răn dạy Nhiễm Cầu này, cũng đã từng cảm thấy y như ông ta khi còn là một đệ tử. “Không thể nào được. Thầy làm được những điều ấy vì thông hiểu Phật pháp, vì thầy là một người vĩ đại. Nhưng tôi, tôi chỉ là một người tầm thường...” đây không phải là khiêm nhường mà bào chữa vì đã tự nuông chiều mình!

Và bây giờ, tôi nhận ra rằng các đệ tử của tôi sẽ có những hình ảnh thế nào về tôi. Có thể là họ không ngưỡng vọng tôi như tôi đã ngưỡng vọng Zuigan đại sư, nhưng họ dường như vẫn nghĩ rằng họ không thể nào có khả năng sánh bằng với tôi được.

Nếu thực như vậy, từ đó tới giờ tôi đã hoàn thành được những gì? Tôi không có hứng khởi muốn vào học trường Đại học Tokyo và tốt nghiệp như đại sư Zuigan. Tôi cũng không trở thành Viện trưởng một thiền viện nào. Điều tôi làm được chỉ là: khi đến lúc phải làm việc trong bếp, tôi đã dùng hết sức mình làm việc trong bếp.

Trên đời bạn không thể nỗ lực làm gì mà không kể đến giá trị của chính sự nỗ lực đó. Trong mỗi thứ và trong tất cả đều thể hiện tâm của mình, đều là Phật hiển lộ, là Pháp biểu thị. Khi mới bắt đầu bước vào tu viện, đại sư Zuigan đang đứng quét vườn bên cạnh tôi, đã chỉ ra cho tôi điều đó khi ngài nói rằng: “Sao, mi đã hiểu

chưa? Từ nguyên thủy, dù ở người hay vật, cũng không có gì là rác cả.” Tuy vậy, tôi đã phải mất thời gian đi một đường vòng xa thực hành tu tập mới hiểu được.

“Khi cầm chổi lên, hãy trở thành cái chổi; khi bưng bát cơm, hãy trở thành bát cơm.” Đó là những câu nói thông thường ở trong Thiền, nhưng vấn đề là: làm sao thực hành được trong đời sống hằng ngày?

*

- VII -

VIỆC PHẢI LO

Trong thiền tự, bữa điểm tâm bằng cháo được tiếp theo với tuần trà trong phòng vị thiền sư. Thiền sư duyệt qua công việc phải làm hằng ngày trong khi một ấm trà xanh bột được khuấy kỹ rồi dâng lên cho ông đầu tiên, và những người khác tiếp theo. Khi tôi mới đến học đạo với lão sư Zuigan, có một nữ nhân, tên là Okamoto, cũng đang sống trong chùa Daishuin. Người đàn bà lớn tuổi này đã tốt nghiệp trường nữ đại học Ochanomizu dưới triều đại Taisho và làm việc trong ngành giáo dục nữ sinh nhiều năm, cả ở Tokyo lẫn Kyushu. Khi đã ngoài 40 tuổi, cô trở thành một đệ tử nghiêm túc của thầy. Cô xin nghỉ việc và dọn đến ở gần với thầy, và, lúc nào cũng trong bộ quần áo lao động thùng thình, cô đã chăm nom săn sóc thầy cho đến khi ngài viên tịch. Vào lúc ấy, ở chùa chỉ có ba chúng tôi, và trong khi dùng trà Đại sư thường nói chuyện với cô Okamoto, nhưng ngài chẳng bao giờ thêm nói với tôi tiếng nào.

Một hôm cô Okamoto, có lẽ vì thương hại, đã đem tôi vào câu chuyện. “Còn con nghĩ thế nào, Morinaga?”

“Không, không,” Lão sư nói chen vào. “Nó chưa đủ tư cách để nói trước mặt ai hết.”

Theo quan niệm của Lão sư, muốn nói chuyện trước người khác, ta phải tự biết mình hoàn toàn mới được. Sự nhận biết bản thể chính mình được gọi là *Kiến tánh* trong thiền môn. Những người chưa kiến tánh được coi như chưa đủ tư cách nói chuyện trước mặt người khác.

Sự việc này làm tôi tức tối, và một lần nữa tôi lại rửa thềm trong bụng, “Ông già đáng ghét! Ông ấy nói chẳng có người nào, vật nào là rác cả, nhưng ông ấy đối xử với mình có khác gì rác rến đâu?”

Tôi chỉ nghĩ thầm như vậy thôi. Nhưng nếu tôi dám tỏ lộ thái độ ra ngoài, chắc mọi sự sẽ chấm dứt ngay! Lão sư chắc sẽ nói thẳng với tôi không ngần ngại: “Thế à, vậy thì mi trở về nhà đi. Không ai có thể học đạo với một vị thầy mà không tôn kính và tin tưởng vị thầy ấy.”

Qua kinh nghiệm tuần trà này, tôi hiểu rằng tin tưởng thực sự tức là chấp nhận mà không có quyền thắc mắc. Tôi phải đồng ý nhận bất cứ công việc gì, cho dù khó khăn vượt bực đến đâu. Cho dù tôi có được bảo phải làm ba việc cùng một lúc, cho dù tôi được bảo phải làm điều gì tôi chưa từng làm, tôi cũng không bao giờ, dù bất cứ hoàn cảnh nào, được nói rằng: “Con không làm được. Điều đó không thể làm được.”

Nếu vậy, tôi phải làm sao bây giờ? Sống chết, tôi cũng phải dồn hết mọi nỗ lực tập trung vào công việc – đó là điều duy nhất tôi có thể làm được. Điều đầu tiên mà Đại sư đã nhồi nhét vào đầu tôi là phải tin tưởng nơi vị thầy. Điều đó có nghĩa là tôi phải lo làm công việc của chính mình, qua sự cố gắng toàn diện, và không được than phiền chút nào.

*

- VIII -

KHÔNG THỂ LÀM ĐƯỢC

Khi xưa lúc cha mẹ tôi còn sống và khỏe mạnh, tôi thường cần nhằn suốt ngày, và câu nói “Con không thể làm được” lúc nào cũng sẵn sàng trên đầu môi chót lưỡi của tôi. Tuy vậy, tôi để ý thấy rằng câu “Con không thể làm được” lúc nào tôi cũng nói luôn mồm, thực sự không phải lượng định vô tư về thiếu khả năng một cách khách quan, mà thiếu khả năng do lượng định đầy chủ quan của tôi về năng lực của mình vào thời điểm đó.

Khi bạn nghĩ rằng bạn có khả năng, tỷ như tới 10,0 chẳng hạn, tất cả những gì lên đến 9,9 là có thể làm được; cảm tưởng “Không thể làm được” khởi lên đúng vào lúc bạn được giao một công việc lên đến 10,1. Người nào mau chóng cho rằng một công việc nào đó không thể làm được sẽ không bao giờ làm được một việc gì quá 10,0. Người đó sẽ chẳng bao giờ khá hơn được. Vì vậy, bạn không bao giờ nên nghĩ rằng, “Tôi không làm được”.

Không cần biết thầy của mình đòi hỏi mình tới mức nào, bạn phải luôn luôn làm tròn nhiệm vụ. Bạn phải cố gắng không ngừng để lo cho xong việc, và trong khi bạn leo thang – từ 10,1, 10,2, 10,3 – bạn sẽ dần dần

phát triển, lần đầu tiên, một khả năng mà bạn không bao giờ ngờ là mình có thể có được.

Giả tử bây giờ thầy tôi ra lệnh, “Giết!” hay “Chết đi!” Tôi có sẽ phải giết, hay chết thực không? Tôi sẽ phải làm gì bây giờ? Nếu nhận những lệnh như vậy, làm sao ta có thể tin tưởng được vị thầy đó?

Trước hết, phải nhận biết rằng người thầy chúng ta tin tưởng sẽ không bao giờ bảo chúng ta làm một điều gì vô đạo đức. Do đó, khi vị thầy dùng đến chữ *giết* hay là *chết*, những chữ này phải có ẩn ý sâu xa mà đệ tử chưa thể hiểu được.

Và rồi, chấp nhận những ngôn từ được dùng có một ý nghĩa khác sâu xa hơn, nhưng không hiểu ý nghĩa ấy như thế nào, đệ tử thấy mình bị dẫn dắt bởi mối nghi lớn. Đeo đẳng mối nghi này trong tâm, thường xuyên bị thúc đẩy nghi đến nan đề trước mắt, đệ tử dồn hết sức lực tập trung tu tập. Nhà thiền gọi là *đại tín căn*.

Những câu như “Giết Phật, giết Tổ” và ngay cả “Giết cha, giết mẹ” xuất hiện nhan nhản trong những văn bản Thiền. *Đại tín căn* trong Thiền là làm tới nơi tới chốn những gì được giao cho, đúng với ý nghĩa chữ này. Bất kỳ bạn có nghe nói gì, bất kỳ bạn có được giao việc gì, bạn cũng làm việc đó một cách siêng năng, không một chút phàn nàn. Siêng năng là đặc điểm nổi bật trong thời gian đầu tiên học đạo của tôi.

Điều đó, tuy nhiên, không có nghĩa tôi thi hành những việc được giao phó một cách đáng tin cậy hay thành thạo gì. Ví dụ như, có lúc trong ngày đầu tiên của tôi, khi được sai đi lau nhà, tôi quỳ gối xuống sàn nhà, cầm giẻ lau trong một tay, lau qua lau lại từ phải sang trái. Tuy nhiên, sàn gỗ một ngôi thiền tự thật bao la lớn rộng hơn nhà thường rất nhiều.

“Đồ ngu! Mi tính ngồi đó lau nhà tới bao nhiêu ngày mới xong hả? Phải lau như thế này này.” Khi tôi thấy thầy quỳ xuống cả hai tay lẫn hai chân, mông chổng lên, lấy hai tay đè lên miếng giẻ trên sàn rồi kéo lê thoăn thoắt suốt dọc hành lang, tôi cảm thấy như những lớp vẩy che lấp tầm mắt mình đang rơi xuống đất.

Khi học khoa văn ở trường trung học, những bạn đồng học và tôi thường đọc sách triết rồi thảo luận với nhau suốt đêm. Toàn là những câu chuyện lý thuyết! Tôi đã bỏ biết bao nhiêu thì giờ trong những hoạt động đó rất lâu trước khi bước chân vào cổng Thiền. Nhưng tất cả chỉ là lý thuyết, và trong thực tế, tôi còn chưa biết lau nhà cho đúng cách nữa! Tôi cảm thấy thật xấu hổ với mình khi nhận ra điều này, và tự quyết định rằng từ đây tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình. Nhưng tôi vẫn chưa biết cách hướng nguồn năng lượng của mình đến đúng nơi đúng chỗ.

Ban ngày thường có một nhóm thanh niên trẻ đến chùa làm công quả. Nếu một người trong họ cầm cây chổi lên và bắt đầu quét vườn, tôi sẽ nhảy bổ vào nói: “Đưa đây, để tôi làm!” Và giằng lấy cây chổi trên tay anh ta. Nếu một người khác đi lau nhà, tôi cũng sẽ nhào đến, giựt lấy giẻ lau, “Đưa đây, để tôi làm!” Nếu ai đó đi nhóm lửa để đun nước tắm, tôi cũng sẽ chạy bay vào dành lấy việc, tuyên bố “Áy để tôi làm!” Cuối cùng, tất cả bọn họ đều kêu lên với tôi, “Bộ thầy không tìm được việc gì làm mà không phải dành lấy việc của người khác hả?”

Lúc ấy, quả tình tôi không hiểu được đã làm gì sai. Có lẽ bởi vì tôi không thể tự xoay sở được điều gì bằng nỗ lực riêng của chính mình.

Bây giờ, khi các thiền sinh đến chùa của tôi để tập tọa thiền, việc đầu tiên tôi giao cho họ làm là đun nước tắm. Biết rằng đôi khi họ có thể nhóm lửa dưới một bồn tắm trống không, tôi thường bắt đầu hỏi dò họ vài câu.

“Anh sắp phải sửa soạn đun nước tắm. Việc đầu tiên anh làm là gì?”

Rất nhiều khi câu trả lời là: “Nhóm lửa.”

“Anh không định đốt tôi đấy chứ?” tôi hỏi.

“Ồ không, đầu tiên con phải cho nước vào đầy bồn đã,” thiền sinh sẽ nói vậy.

“Anh chỉ cho nước vào bồn như vậy thôi à?” Câu hỏi này làm họ bối rối vì họ không hề có ý nghĩ là phải cọ sạch bồn tắm trước. Sau khi duyệt qua với họ những cái cần bản – cọ sạch bồn tắm, bơm nước vào đầy bồn, kiểm soát lại mực nước, đẩy nắp lên, rồi nhóm lửa – tôi trở lại để thấy họ đang loay hoay khó xử bên cái lỗ nhóm mồi. Nhìn vào trong lò, tôi thấy vài khúc củi to nằm chắn lên trên đồng giấy báo đang cháy rụi.

“Làm thế này lửa sẽ không bắt được, có phải không? Sao không dùng mấy que củi nhỏ hơn?” tôi hỏi.

“Nhưng bạch thầy, không có que củi nào nhỏ hơn.”

“Thế thì chẻ nó ra cho nhỏ hơn được không?”

“Con không biết cái rìu ở đâu.”

“Nếu không biết, tại sao không hỏi?”

Cuối cùng sau đó, người thiên sinh trẻ tuổi bắt đầu đi chẻ củi. Nhưng đó không có nghĩa sẽ có ngay ngọn lửa bùng lên. Khói tuôn ra từ cái lỗ nhóm mồi, mà lửa vẫn nhất định không chịu cháy. Khi đến thanh tra mọi việc, tôi thấy đám tro tàn từ ngọn lửa trước vẫn chưa được bốc đi. Tôi bèn hỏi, “Này, cái gọi là lửa thực ra là gì nhỉ?”

“Dạ, đó là một hỗn hợp của oxygen và vật.”

“Oxygen ở đâu?”

“Ở trong không khí.”

“Nếu vậy, sao anh không hốt cái đồng tro này đi để cho không khí có thể vào được dễ dàng? Và nếu ống khói bị nghẽn, anh cũng phải thông cho sạch luôn nữa.”

Nếu tôi nói như vậy, người thiên sinh sẽ trèo lên trên mái nhà để thông ống khói, nhưng khi trở xuống thế nào họ cũng đạp chân lên làm vỡ mất vài miếng ngói. Nhưng tôi không thể cười những người trẻ tuổi này, bởi vì tôi cũng đã có thời giống y như họ!

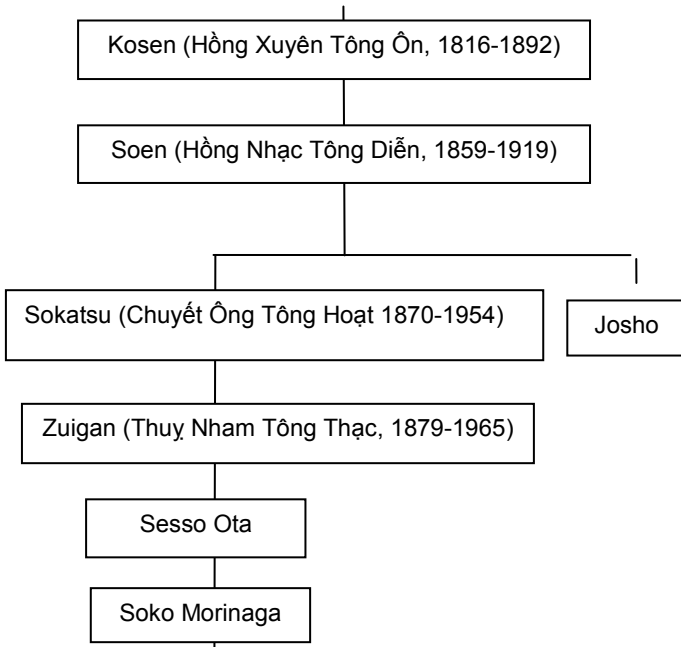
*

- IX -

GIỮA THẦY VÀ TRÒ

Một buổi sáng trong thời kỳ tôi còn mới vào tu, cô Okamoto hỏi đại sư Zuigan trong khi dùng trà: “Bạch thầy, nếu so sánh đại sư Kosen và Soen, ai giỏi hơn?”

Có lẽ tôi cần phải giới thiệu một chút về tông phái của tôi qua đồ biểu dưới đây để trình bày rõ ràng hơn:



Tôi là *Soko* ở dưới cùng của bảng này, và *Sesso* là sư huynh của tôi trong hệ phái. Cả hai chúng tôi cùng là đệ tử của đại sư *Zuigan*, và sư phụ của thầy chúng tôi là đại sư *Sokatsu*. Nếu đi ngược dòng cho tới tận nguồn gốc cuối cùng, sẽ đến ngay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong Thiên tông sự truyền thừa các bậc đại sư đã giác ngộ trong quá trình tu tập rất là minh bạch. Kinh nghiệm tâm linh phải được vị thầy xác nhận, và chỉ những ai được ấn chứng mới chính thức gia nhập vào tông phái. Tất cả mọi người đều biết rõ ràng ai là người được thầy truyền tâm ấn, và sự kế thừa được giữ gìn rất cẩn trọng. Trong tông Lâm Tế, danh hiệu “lão sư” (*Roshi*) được dùng để tôn xưng những người kế thừa trong hệ phái.

Kosen Roshi, người đứng đầu trong hệ phái ở trên, tức là *Kosen Imakita*, một bậc đại sư xuất chúng đã từng trụ trì chùa Viên Giác (*Engakuji*) ở *Kamakura* suốt từ những ngày cuối cùng của thời đại Đức Xuyên trải dài cho đến thời Minh Trị trong thế kỷ thứ 19. Trong những ngày đen tối Phật giáo bị đàn áp, ngài đã vượt lên phân chia phe phái và nỗ lực bằng mọi cách để phục hưng lại đạo Phật. *D.T. Suzuki*, một cư sĩ nổi tiếng, đã rất ngưỡng mộ ngài và viết một quyển sách nói về ngài.

Người truyền thừa sau Kosen Roshi là Soen Shaku Roshi, người đầu tiên phổ biến đạo Phật ở Mỹ Quốc, đã trụ trì chùa Viên Giác ở Kamakura. Soseki Natsume là một trong vô số người học Thiền với ngài. Chính hai vị này cô Okamoto đã hỏi thầy ai là người giỏi hơn.

Lão sư Zuigan, trông rất khắc khổ và không hay nói đùa, đã trả lời với bộ mặt thật nghiêm nghị, “Đại sư Kosen giỏi hơn.”

“Nếu vậy, giữa đại sư Soen và đại sư Sokatsu, ai là người giỏi hơn?” cô Okamoto tiếp tục.

Đại sư Sokatsu đang nói đến là người đã từ chối không sống trong một tự viện danh tiếng sau khi đã được truyền thừa, mà về sống ẩn dật tại một am nhỏ gọi là Ryoboan, trong khu vực Yanaka thành phố Tokyo; nơi ngài đã dạy Thiền cho những cư sĩ. Những phụ nữ đầu tiên nổi danh với lập trường đòi nữ quyền ở Nhật Bản nằm trong số rất nhiều đệ tử của ngài. Nhưng lão sư Zuigan vẫn trả lời rằng: “Lão sư Soen giỏi hơn.”

“Ồ, thầy ơi! Thế thì tệ quá! Chẳng lẽ tông phái này càng ngày càng xuống dốc tới mức không còn gì sao? Thế thì bây giờ, thầy nghĩ sao, ai giỏi hơn, Sokatsu đại sư hay Zuigan đại sư?” Cô Okamoto nhất định hỏi.

Lão sư Zuigan, đáp lại sự quan tâm của cô về tông phái càng ngày càng xuống dốc, đã trả lời mau mắn, “Ta giỏi hơn.”

Suốt từ đầu cho tới lúc ấy, luôn luôn vẫn là người thầy giỏi hơn, nhưng khi được hỏi về vị trí của chính mình trong tông phái, ông lại bảo rằng, “Tôi giỏi hơn thầy của tôi.”

Điều này làm cô Okamoto vô cùng hoan hỉ, sau đó cô lại hỏi tiếp, “À, nếu vậy thì, Lão sư ơi, thầy với đệ tử của thầy, Sesso, ai là người giỏi hơn?”

Nghe vậy, tôi muốn bật cười lớn lên. Lão sư Zuigan, người đã từng trụ trì các thiền viện Diệu Tâm và Đại Đức, là một đỉnh cao trong thế giới Thiền tông. Trong khi đệ tử của ngài, Sesso, còn chưa có chùa để trụ trì, còn đang sống như người quản tự giữ một ngôi chùa nhỏ trong hệ thống thiền viện Diệu Tâm, mà việc làm chỉ là giữ gìn vườn tược sạch sẽ. Bởi vì tôi chưa thể nhìn thấu được những giá trị ẩn tàng trong con người mà chỉ phán xét dựa trên vị thế xã hội, tôi đã nghĩ rằng so sánh lão sư Zuigan với thầy Sesso giống như là so sánh mặt trăng trên cao với con rùa vậy. Không thể nào nói đến chuyện đo sức giữa hai người ở đây được, và tôi gằn như muốn phá lên cười.

Lão sư Zuigan, không cần ngừng lại một giây nào để suy nghĩ, nói ngay: “Cái đó còn phải xem.”

Khi những lời nói này đập vào tai tôi, bộ mặt tôi, lúc đó đang sẵn sàng để cười phá lên, lập tức nghiêm chỉnh lại, và bây giờ dù là ngoài ý muốn, tôi cũng vẫn

cảm thấy rung rung như muốn khóc. Tôi thật có phước mới được một vị thầy như thế này. Ngài có thể mắng tôi thật phũ phàng, gọi tôi là đồ vô dụng, và nói rằng tôi không xứng đáng để nói trước mặt ai cả, nhưng ngài vẫn luôn luôn để mắt đến tương lai các đệ tử của mình. Tôi nhận ra rằng, dù bây giờ phải đương đầu với sự non kém của tôi, ngài cũng đã tin tưởng tôi sẽ trở thành người như thế nào trong một năm, hai năm, mười năm, hay hai chục năm nữa. Từ bấy lâu nay làm việc với tôi, ngài vẫn luôn luôn mang trong tâm hình bóng tiềm năng của tôi tương lai cũng như hiện tại. Tôi cảm nhận mãnh liệt được điều đó khi ngài nói: “Cái đó còn để xem.”

Và rồi sự việc xảy ra là, vài năm sau đó, thầy Sesso đã tỏ ra xứng đáng với câu nói ấy, đã trở thành người truyền thừa của đại sư Zuigan và rồi trở thành viện trưởng thiền viện Đại Đức. Theo lời dạy của đại sư Zuigan, tôi đã ở bên cạnh sư huynh Sesso trong nhiều năm và sau này trở thành người truyền thừa của ngài. Trong giây phút thị tịch, Đại sư Sesso đã đạt được trạng thái siêu xuất của tâm, không kém gì vị thầy của ngài.

Và thế là, câu chuyện trong tuần trà một buổi sáng ấy, cuối cùng, đã làm cho tôi tin tưởng được thầy của mình tự đáy lòng. Nhưng mặc dù vậy, tôi cũng vẫn chưa đi đến đâu trong đường tu của mình.

*

- X -

CHUYỆN CỦA NÓ VÀ TÔI

Có một câu chuyện nữa cũng miêu tả được tương quan tin cậy mật thiết giữa thầy và trò. Đại sư Soen có một người đệ tử tên là Josho Ota. Người đệ tử này sau đó đã trở thành viện trưởng thiền viện Viên Giác và rồi viện trưởng thiền viện Đại Đức, nhưng câu chuyện tôi kể ra sau đây xảy ra khi ông vẫn còn tu tập dưới trướng của lão sư Soen.

Một ngày mùa hè, có một đạo hữu đến chùa Viên Giác ngỏ lời mời đại sư Soen rằng, “Đại sư, thường ngày ngài vẫn dùng những thức ăn do các vị sư ở đây nấu, nhưng hôm nay nóng nực như thế này, con muốn mời ngài đi ăn tối, một sự cúng dường nho nhỏ để giúp ngài quên cái nóng phần nào.”

Vốn là người rất phóng khoáng, Đại sư Soen trả lời, “Thế à, người sắp cho ta ăn tiệc hả?” Ngài bèn gọi đệ tử Josho theo hầu cận, và rồi đi đến tiệm ăn.

Vì lúc đó là mùa hè, nên những liếp cửa bằng tre chắn ngang những phòng riêng lót chiếu tatami được kéo qua một bên, khiến các thực khách từ phòng này có thể nhìn qua các phòng khác được. Lão sư Soen ăn uống rất tận tình và trở nên hoàn toàn cao hứng. Ông gắp mấy

miếng cá sống lên nói, “A, mấy cái rau này quý hiếm quá! Sao mấy ông sư không trồng rau này trong vườn của chùa nhỉ?” và rồi cứ tiếp tục đùa giỡn như vậy cho đến khi, y phục trên người bung ra gần hết, gần như trần truồng, ông nhảy múa um sùm.

Vị lão sư là người rất nổi tiếng, tên ngài được biết đến kể cả ở nước ngoài nữa. Chẳng mấy chốc các thực khách ở những phòng kế bên bắt đầu xô xao, “Có phải thầy viện trưởng chùa Viên Giác đang nhảy múa trần truồng ở đó không nhỉ?” Josho liền đi ra kéo cánh cửa tre ngăn lại.

Bất ngờ, đại sư nắm lấy cổ áo Josho, mắng ngay: “Ê! Bộ mi chê bai hành vi của ta hả? Mi đóng cánh cửa đó có phải vì mi nghĩ là ta đã làm sai phải không?”

Josho, trong một lúc lung lay niềm tin nơi thầy, tự nhiên đã thấy mình bị đâm đá toi bời.

Các vị thiền tăng thường qua một quá trình tu tập dựa trên cơ sở hành động nhiều hơn lời nói. Nhưng mặc dù vậy, trong tình trạng ma men thế này, và không thấy có cơ hội gì chấm dứt sau năm sáu cú đâm đá, Josho, từ đó tới giờ vẫn im lặng và ngoan ngoãn chịu đòn, bây giờ không muốn chịu đựng thêm nữa. Nắm chặt lấy tay thầy, ông nói: “Dù có là đại sư hay không đại sư, thầy cũng không được tiếp tục như thế này.”

Soen đại sư dang tay ra và trở về chỗ ngồi. Làm như không có gì đã xảy ra, ông tiếp tục uống rượu cho đến khi trở về chùa Viên Giác, vẫn trong tình trạng cao hứng tột độ.

Mặc dù câu chuyện đã chấm dứt ở đó, người đạo hữu đã mời họ đi ăn tối đó cảm thấy rất ái ngại. Biết rằng quan hệ giữa thầy trò nơi thiền viện rất là nghiêm khắc, ông lo lắng không biết lão sư có đuổi Josho đi sau khi họ trở về chùa không. Cảm thấy không thể nào yên tâm được với tình trạng này, ông vội vàng đi đến chùa Viên Giác để làm người trung gian hòa giải.

“Xin cảm ơn thầy đã hoan hỉ nhận bữa cơm cúng dường nhỏ nhoi của con và đã cho con được hân hạnh dùng bữa với thầy,” ông nói với lão sư, “Nhưng con cũng muốn nói thêm rằng, mặc dù Josho đã không được lễ độ với thầy trong bữa ăn, nhưng con tin chắc rằng thầy ấy không có ý xấu gì đâu. Cúi xin thầy, vì nể tình con, mà bỏ qua mọi sự và tha thứ cho thầy ấy.”

“Cái đó là việc của tôi với nó,” lão sư trả lời cộc lốc.

Xin đừng hiểu câu nói có nghĩa vấn đề giữa thầy và đệ tử người ngoài không nên xen vào. Thực sự ý của ông là thầy trò ông có thể đâm đá lẫn nhau, nhưng giữa hai người không bao giờ có một khoảng cách nào dù nhỏ

như sợi tóc. Đối với một người tu thiền, được nghe thầy mình nói như vậy quả là điều đáng mừng, nhưng đối với vị thầy, có được một đệ tử xứng đáng để nói điều ấy ra cũng thật là hạnh phúc lớn lao. Tôi đã nghe kể lại rằng, sau đó, người đạo hữu đang tính xen vào quan hệ thầy trò kia đã đổ mặt ngượng ngùng và rút lui ngay khi nghe câu trả lời cộc lốc đó.

Câu chuyện này nhắc nhở tôi đến quan hệ giữa những võ sĩ sumo và cái vòng đai. Lý do khiến hai người võ sĩ to béo khổng lồ, mà hợp với nhau lại có thể cân đến trên năm trăm pounds Anh, đến đấu chiến với nhau, dùng hết sức lực để đánh bại người kia, là vì có một vòng đai ở dưới họ; vòng đai ấy, như sợi dây nối liền thầy và đệ tử, tuyệt đối sẽ không được phá vỡ. Nếu một võ sĩ, dù có khéo léo đến đâu, mà phải đi đấu trong một vòng đai vẽ trên băng đá, chắc hẳn ông ta sẽ cố hết sức mình để làm cho băng đá ấy không tan vỡ mất, phải vậy không?

*

- XI -

BA LOẠI ĐỆ TỬ

Trong sự tu thiền, có một điều cần làm là phải “phá vỡ bản ngã” – không cách nào có thể né tránh được. Hơn nữa, nếu rụt rè không dám phá vỡ bản ngã của mình – thường hay chống trả lại dữ dội khi có nguy cơ bị phá vỡ – sẽ chẳng có hi vọng đạt tới Đạo. Người không biết nghiêng rãng chịu đựng, nhất quyết không sờn lòng dù là bị đá đấm bầm dập, bị đánh đuổi tàn nhẫn, sẽ không thể tồn tại được trong việc gọi là tu thiền này. Vì lý do đó, có thể nói rằng những đệ tử học thiền được chia làm ba loại, tùy vào mối liên hệ của họ với vị thầy: “Người xuất sắc nhất ràng buộc với thầy trong sự căm ghét, người tầm thường trung bình trong lòng thương xót, và người yếu kém nhất trong sự khuất phục quyền lực.”

Những người xuất sắc nhất là đệ tử hạng nhất, hay người có đức hạnh lớn. Nếu nhìn bề ngoài, những đệ tử này trông còn có vẻ hèn học nữa. Thầy càng đối xử với họ nghiêm khắc chừng nào, họ càng cố gắng tiến sâu hơn, thế quyết phải vượt qua cho bằng được, để tỏ cho thầy họ thấy khả năng của họ đạt được như thế nào. Không có điều gì làm họ buông lơi ra được.

Những đệ tử tầm thường trung bình là người thực sự gặp khó khăn trong sự tu tập và muốn rút lui, nhưng cảm thấy không thể bỏ cuộc được khi thầy đã hết sức tử tế và yểm trợ cho họ. Những đệ tử loại này được lôi cuốn nhờ tình thương của vị thầy.

Sau hết, loại đệ tử yếu kém nhất, khi cảm nhận thấy quyền lực độc tôn của người thầy họ muốn nương dựa vào “bóng mát cây cổ thụ” ấy. Điều đó có nghĩa, đối với họ, nếu phải nương tựa vào một người nào, tốt nhất người ấy phải có nhiều quyền lực. Câu nói, “Những kẻ thấp kém hay bị hấp dẫn bởi quyền lực” – không chỉ dừng lại ở trong cánh cổng một thiền viện mà còn đúng với xã hội nói chung.

Tất cả những điều trên nhắc tôi nhớ lại một trong những lỗi lầm tôi đã phạm phải khi tôi vào tu được một thời gian. Một dịp có người nêu ra một trong những khuyết điểm của tôi, và tôi nổi dóa lên: “Anh biết gì mà nói!” rồi mắng anh ta một trận. Tôi đã biểu lộ tâm ngã mạn đôi khi chúng ta gặp phải trong bước đường tu, một loại “đầu óc đã bị rỉ sét trong tu tập.”

Khi chuyện này đến tai thầy tôi, người gọi tôi vào phòng ngay lập tức, thầy đuổi tôi ra khỏi chùa bằng cách nói: “Thu dọn hành lý đi.”

Áp trán xuống đất, trong ba mươi phút tôi khẩn khoản xin lỗi hết lời, nhưng những lời van xin tha thứ của tôi chẳng có công hiệu.

“Con làm điều đó vì con đã không suy nghĩ kỹ càng. Việc này xảy ra chỉ vì con trót lỡ trong một phút sơ xuất của con thôi.” Tôi nạt có ra bào chữa như vậy.

“Nếu đó là điều mi làm sau khi suy nghĩ kỹ càng, rồi sau đó thấy sự sai lầm của mình, điều đó sẽ không xảy ra lại,” thầy đáp lại, “nhưng nếu ‘xảy ra vì trót lỡ’ trong một phút sơ xuất của mi, tức là đã khởi lên từ điều gì thâm căn trong tâm của mi, trong tánh khí của mi. Nếu thật như vậy lại càng không đáng để được tha thứ!”

Tôi đã dùng hết cách để xin lỗi mà vẫn không được. Cuối cùng, tôi ngẩng người lên, thân hình mà từ nãy giờ đã quỳ mọp xuống như một con nhện đang bám lấy sàn, và rồi tôi nhìn thẳng vào mặt lão sư. Mắt của người vốn đã to, khi thầy nhìn trừng trừng vào tôi lúc đó trông như cả bộ mặt chỉ còn hai con mắt khổng lồ. Tôi trừng mắt lại, không chịu thua chút nào.

“Không có chỗ nào cho con đi cả, chỉ có chỗ ở với thầy thôi. Thầy có ném con ra ngoài một ngàn lần hay mười ngàn lần, con cũng tuyệt đối không bao giờ rời thầy ra đâu!” Tôi hét lại.

Đáng ngạc nhiên thay, nước mắt bỗng dâng lên trong mắt thầy, và tôi tưởng chừng những giọt lệ to long lanh sắp rơi xuống má người. Rồi tôi nghe thầy nói, “Ta tha cho mi đó. Đi ra ngoài lo công việc đi.”

Khi nhớ lại chuyện này, tới bây giờ, tôi vẫn còn rung rung nước mắt.

Người thầy đem sự khắc nghiệt ra đối với đệ tử để khơi động ý chí chống trả, kể cả sự căm ghét, nghĩ rằng làm như vậy đệ tử sẽ bằng cách nào đó vượt qua được và tới đích cuối cùng. Nhưng thật sự không phải thế, khi áp dụng sự đối xử nghiêm khắc với đệ tử, người thầy luôn luôn cầu nguyện cho đệ tử mình sẽ có thể vượt qua hết mọi sự. Nếu ngày nay có một đệ tử nào đến nói với tôi rằng: “Dù cho có giết con, con cũng không bao giờ rời xa thầy,” chắc chắn tôi cũng sẽ khóc.

Vì vậy, bạn có thể thấy được tại sao tôi cảm thấy biết ơn khi nghĩ đến cung cách vị thầy hiện nay đã ra người thiên cổ đối xử với tôi. Từ đầu đến cuối, thầy đã hành xử như thể tôi, một kẻ không ra gì, xem là một loại đệ tử xuất sắc nhất vậy. Nếu Lão sư lượng định về tôi một cách khác, nếu người đã nghĩ rằng, “Nếu mình không nương tay, chắc người này sẽ bỏ cuộc”, có lẽ ngài đã đối xử với tôi nhẹ nhàng hơn.

*

- XII -

CHO TIỀN MAI TÁNG

Tôi đã kể lại câu chuyện làm sao tôi, một kẻ vụng về chẳng biết làm gì cho đúng cách, đã được huấn luyện trở thành một người ít nhất có thể nấu cơm trên bếp lửa, đun nước tắm, cọ nhà vệ sinh, và làm việc trong vườn được. Và rồi, đúng thời đúng lúc, tôi cũng được dạy những điều khác, như là đọc kinh điển và cử hành những lễ nghi thích hợp đối với một vị tăng sĩ.

Rồi một ngày kia, sau khi tôi ở chùa Daishuin hơn một năm, Lão sư nói với tôi, “Một người, nhất là người đã xuất gia làm tăng sĩ, cần phải có những giao tiếp với người khác. Mi không thể sống cô lập được. Mi phải có những liên hệ với nhiều người khác. Tuy rằng một đệ tử học đạo chỉ với một người thầy thôi cũng có thể gọi là đủ, nhưng vì mục đích phải có những liên hệ xã hội khác, mi cần phải đi đến một thiền đường để tu tập.”

Có hai loại thiền viện. Thường thường chư tăng khi mới xuất gia ở trong một loại thiền viện cho đến khi tốt nghiệp đại học. Ra trường rồi, những vị tăng trẻ này gia nhập một thiền viện để chuyên tu tọa thiền một cách triệt để. Tôi đã được thầy định đoạt cho gia nhập vào thiền viện Đại Đức để tu trì như loại sau này.

Một tăng sĩ trên đường đến thiền viện chuyên tu đem theo trong mình một cái rương nhỏ đựng quần áo. Theo truyền thống, rương làm bằng giấy dày phết lên một lớp sơn mài cho cứng, lớn hơn cái hộp đựng sách một chút. Bát ăn cơm, đũa, dao cạo và đá mài để cạo đầu, kính sách, đồ lót, và áo mưa được gói thành hai gói và cột lại bằng một sợi dây để vị tăng có thể quấy hết những đồ dùng lên trên lưng. Tăng vén áo lên giắt vào lưng quần, nai nịt hai bắp vế, cột chặt lại đôi giày rom, đội nón tre lên đầu, rồi lên đường đến thiền viện.

Tôi đang sắp xếp lại rương quần áo của tôi thì Lão sư đi vào hỏi, “Thế nào? Mi đã cột cái rương lại chưa?”

“Chưa, con đang sắp làm đây.”

“Thế thì đúng lúc quá. Đem cái nắp rương vào phòng thầy.” Thầy ra lệnh.

Rương này, trông giống như một cái hộp nhỏ đựng thuốc, có nắp đóng chặt lại. Không hiểu Lão sư có ý định gì, tôi đem nắp rương vào trong phòng người. Lão sư cầm nắp rương và để vào dưới đáy ba tờ giấy một ngàn yen. *(Vào thời buổi đó, tờ giấy một ngàn yen vẫn còn có giá lắm.)*

“Mi có hiểu ý nghĩa của cái này không?” Lão sư hỏi sau khi người đã bỏ tiền vào.

“Có phải tiền cho con tiêu không?” tôi định hỏi, nhưng đã kịp ngăn lại trước khi thốt ra lời, vì biết sẽ bị mắng ngay lập tức nếu nói điều gì ngu dại.

Lão sư đã quá bảy mươi tuổi khi tôi đến đó xin làm đệ tử của ngài. Lúc đó ngài đã cảnh cáo tôi là, “Ta không biết còn sống bao nhiêu lâu nữa. Nếu thầy của mi chết nửa chừng, mi sẽ bị đứt gánh nửa đường tu. Nếu không có ai để nương tựa vào để sống, mi sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Tốt hơn là nên đi tìm một vị thầy khác trẻ hơn.”

“Con vẫn còn ít tiền cha con để lại. Con sẽ không là gánh nặng tài chánh cho thầy đâu,” tôi năn nỉ.

Với lời hứa đó, tôi đã được Lão sư thâm nhận vào làm đệ tử dưới trướng. Theo sự thỏa thuận trước này, ông chưa bao giờ cho tôi một xu để tiêu. Bây giờ, khi sắp rời chón này đi đến thiền viện, tôi nghĩ chắc Lão sư, dù luôn luôn có vẻ chắc nịch, cũng có thể cho tôi một ít tiền để tiễn đưa. Tuy nhiên, trái ngược với sự trông đợi của tôi, ngài cho biết là, “Đây là tiền Niết Bàn.”

Hình ảnh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nằm nghiêng một bên khi ngài nhập diệt được biết đến như là “hình ảnh Niết Bàn.”

“Mi sắp đến thiền viện đem thân mạng phó thác ở đó. Nếu không may mắn, mi sẽ thất bại và rồi sẽ chết giữa chừng trong lúc tu. Để mi không là gánh nặng cho bất cứ ai, ta cho tiền này để mai táng cái thân.”

Lão sư bình thường rất nghiêm khắc và không hay nói đùa. Nghe người nói, với bộ mặt nghiêm trọng, “tiền này là để mai táng người,” làm cho tôi ớn lạnh xương sống. Với một quyết tâm mới, tôi tự thề với mình, “Ta sẽ làm được điều đó!”

Tôi đã từng nghĩ về cái chết trước đây, khi còn là một học sinh phải đi ra trận tuyến, tuy nhiên cái chết Lão sư đã ám chỉ trong câu – “Tiền này để mai táng cho người” – có một ý nghĩa hoàn toàn khác hẳn. Cái chết ngài nói đến không phải cái chết của thể xác, mà là cái chết của bản ngã.

Không cần biết chúng ta có khéo léo biện hộ đến thể nào, khi đi thẳng đến cội gốc vấn đề, động cơ chính mọi sự vẫn là nâng niu bản ngã quý giá của chúng ta. Trừ khi tu tập vượt qua được sự vương mắc ngoạn cố vào cái ngã của mình, chúng ta sẽ không mở mắt ra được. Những lời lẽ của Lão sư đã đánh thức tôi như vậy. Tôi cảm thấy lời người nói về sự mai táng thân tôi như là thôi thúc ở bên sườn vậy. Ngày nay, tôi cũng gửi các đệ tử đến thiền viện với một tờ giấy bạc mười ngàn *yen*, để mai táng thân họ.

Ngày hôm sau, khi trời vẫn còn đen như mực, tôi đến phòng Lão sư từ biệt, rồi rút lui ra cửa sau, bước xuống nền đất trên lối ra vào. Một vị tân sa-di không

được phép dùng cửa trước. Khi với tay lấy đôi giày rom, tôi nghe tiếng Lão sư bước ra đằng sau. Bởi vì Lão sư luôn luôn là người giữ cung cách uy nghiêm, không phải kiểu có thể đến tiền đưa đệ tử, tôi ngạc nhiên thấy người đi ra qua cửa bếp phía sau. Hơn thế nữa, người lại còn bước xuống thêm đất, ngồi xổm dưới chân tôi, và lấy dây cột đôi giày rom cho tôi.

Ngượng ngùng, tôi vội vàng rút chân lại và phản đối, “Áy, thầy đừng làm như vậy. Con làm lấy được mà.”

“Đây, đưa chân đây cho thầy,” thầy giục, kéo chân tôi về phía người. Sau khi đã cột mấy sợi dây gọn gàng lên đôi giày, người gõ tay vào mấy cái nút và nói, “Đừng có cầu thả mà làm lỏng mấy sợi dây này.”

Dĩ nhiên, khi tôi đến thiền viện và được nhận vào đây, tôi cũng sẽ tháo dây của những đôi giày rom này ra. Điều thầy muốn nói, tôi hiểu là, đừng bao giờ sơ xuất làm rơi lỏng sợi dây của lời nguyện trong đường tu. Một lần nữa, tôi run người trong ý chí quyết tâm của chính mình, cúi rạp xuống chào Lão sư rồi cất bước ra đi trong bóng tối của buổi sáng sớm tinh mơ đến thiền đường của thiền viện Đại Đức ở Kyoto.

*

- XIII -

Ý NGHĨA CỦA SỰ CAN ĐẢM

Khi một vị tăng xin đăng nạp vào một thiền viện để tu tập, lúc đến tiền điện của thiền viện, vị tăng bỏ nón ra cất đi trong một góc nhà, trèo lên bậc thang, và lên tiếng gọi. Trong một đại thiền viện, thường có tiền điện lớn mênh mông và một bậc thang dẫn lên một dãy hành lang rộng lớn ngoài xa. Tuy rằng có thể có đến khoảng mấy tá tăng sĩ đang tu tập ở trung tâm thiền viện, chung quanh bốn bề đều không một tiếng người, không khí im lặng như nhà mồ. Vị tăng gọi lớn, giọng ngân dài, “Quý thầy ơi! Xin mở cửa cho tôi!” một thủ tục đã được lập ra từ thời xa xưa đến giờ.

Vị tăng xin đăng nạp cảm thấy như giọng nói của mình bị hút vào khoảng không gian sâu thẳm của thiền viện. Bây giờ, có tiếng trả lời từ đằng xa: “Ai đấy?” Một vị sư xuất hiện, mặc y áo bằng vải thô và trông có vẻ rất kinh nghiệm. “Anh đến từ đâu?” ông tra hỏi.

Vị tăng trẻ đứng trên bậc thềm đưa tay ra trước mặt lễ phép trình giấy tờ mang theo, trong đó có đăng lục tiểu sử cá nhân, thơ giới thiệu vào thiền viện, và thỉnh nguyện thư với lời nguyện hi sinh cuộc đời mình cho đạo pháp, tất cả đều viết tay với bút lông và cho vào một phong bì.

Một cách thật trịnh trọng, người mới đến xưng danh tính và nói rõ xuất xứ của mình đến từ quận huyện, thành phố nào, ở chùa nào, và đã học với vị thầy nào. Vị tăng thừa muốn đến đây để được gia nhập chúng và xin treo y bát, gậy của mình trong thiền đường nơi đây. Sau đó tăng cầu xin lời thỉnh nguyện được chấp nhận.

Vị sư bảo thí sinh đợi ở đây rồi biến mất vào phía trong. Một lúc lâu sau trở lại, theo đúng nguyên tắc, vị sư sẽ không nói rằng: "Xin đón chào anh đến đây. Mời đi vào trong." Thay vào đó, thế nào vị sư cũng đưa lệnh ra là lời thỉnh nguyện của thí sinh đã bị từ chối. Ví dụ như, vị sư có thể nói rằng thiền viện đã đủ chỗ rồi, hay lúc này phương tiện rất eo hẹp, không thể nào kham nổi thêm một người nữa.

Trường hợp của tôi, bây giờ tôi cân tới 150 cân Anh, nhưng hồi ấy tôi chỉ nặng chưa đến 90 cân và trông toàn là da bọc xương khi đến đó xin vào thiền viện. Tôi bị từ chối với lý do là, "Trông anh có vẻ yếu ớt quá. Sẽ không thể đủ sức theo kịp sự tu tập gặt gao ở đây. Xin hãy đến thiền viện khác mà nạp đơn."

Có khoảng chừng bốn mươi thiền viện chuyên tu trong cả nước, nhưng bất cứ đến chỗ nào, vị tăng cũng sẽ bị từ chối ở đó. Bị bác rồi, vị tăng cầm phong bì bị ném vào mặt lúc này, rồi rút lui vào một xó để không cản trở người qua lại. Đứng một chỗ trên bực thêm, tăng phủ

phục xuống, trán áp sát đất trong tư thế khẩn cầu cho tới khi nào được chấp nhận gia nhập thiền viện.

Bồ Đề Đạt Ma, sơ tổ Thiền tông Trung Hoa, một tăng sĩ xuất thân từ Ấn độ trong thế kỷ thứ 6, cũng là vị tổ chân truyền đời thứ hai mươi tám kể từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tục truyền rằng Huệ Khả, người sau này kế thừa Bồ Đề Đạt Ma làm vị tổ thứ hai thiền tông Trung Hoa, khi đến xin học đạo, Tổ Đạt Ma đã hoàn toàn không thèm biết đến. Huệ Khả đứng ở cổng và nhất định không chịu di chuyển cho đến khi được Tổ Đạt Ma nhìn tới. Mấy ngày liền, Huệ Khả đứng yên vị một chỗ. Đến ngày 9 tháng 12, tuyết bắt đầu rơi phủ kín đến đầu gối, nhưng ngài vẫn đứng yên không nhúc nhích. Cuối cùng, Tổ Bồ Đề Đạt Ma quay ra nhìn Huệ Khả và hỏi: “Người làm gì ở đây?”

Khi nghe được tiếng của thầy sau bao nhiêu ngày chờ đợi lâu dài, Huệ Khả, giọt lệ biết ơn tuôn trào trên má, trình bày ý nguyện đến cầu đạo giải thoát. Bồ Đề Đạt Ma trả lời một cách phũ phàng, “Đạo vi diệu, vô thượng của Phật chỉ có thể đạt được qua nỗ lực vô tận, qua hành trì điều không thể hành được, chịu đựng điều không thể chịu đựng được. Nay người chỉ có một chút đạo hạnh, một ít trí tuệ nhỏ nhoi, tâm nông cạn và đầy ngã mạn, làm sao có thể mong đạt chân pháp?”

Như vậy, Huệ Khả đã bị nói thẳng rằng chỉ với một ít trí tuệ, một ít khả năng và một tâm si mê dao động, sẽ không thể nào mong đạt sự giác ngộ chân lý và an lạc được. Để trả lời sự khích bác của Tổ Bồ Đề Đạt Ma và chứng minh ý chí quyết tâm cầu đạo của mình là hoàn toàn chân thật, tương truyền rằng ngài đã rút dao chặt mất cánh tay của mình. Chỉ khi ngài dâng lên cánh tay bị chặt đẫm máu ấy, Bồ Đề Đạt Ma mới chịu chấp nhận cho ngài vào học đạo.

Bắt nguồn từ truyền thống này, những nghi thức để nhập thiền viện tu tập thật cực kỳ cam go, ngay cả bây giờ vẫn áp dụng sau một ngàn năm trăm năm. Tôi đã biết ngay từ đầu là tôi cũng sẽ phải tuân theo những luật lệ truyền thống này. Do đó, đầu tiên tôi đã bò qua cổng, sửa soạn tinh thần để chịu đựng thủ tục không thể tránh khỏi này.

Mặc dù chỉ là thủ tục, điều tôi phải chịu đựng cũng thật khó khăn. Chẳng bao lâu sau khi đơn xin của tôi bị từ chối, một vị sư khác xuất hiện, cầm theo một cây gậy bằng gỗ. “Mặc dù đã bị từ chối không cho nhập viện, ngươi vẫn ngoan cố chường mặt ở đây làm phiền người khác, làm cản trở lối ra vào thiền viện,” ông nói, “yêu cầu ngươi phải đi ra khỏi đây ngay lập tức.”

Từ trước, tôi vẫn còn được nghe những lời nhã nhặn, nhưng bây giờ thì những câu mắng chửi bắt đầu,

mặc dù vậy, tôi vẫn không chịu rút lui. Tôi cứ tiếp tục ở yên chỗ của mình, không động đậy chút nào.

“Ê! Tên kia! Bộ người điếc hay sao?”

Vị sư tiếp theo câu chửi mắng kia với những cú đấm, cú đá, và nguyên rửa hết lời, và chỉ một lúc sau tôi đã thấy mình bị đá văng ra khỏi cổng. Khi tôi ngẩng lên thấy vị sư đã đi vào trong rồi và lối vào đã trống trải, tôi lại len lén đi vào, như một con mèo đang rình mồi, và lại tiếp tục tư thế phủ phục trên bậc thềm. Sau đó, cảnh trên lại tiếp tục xảy ra nhiều lần.

Sự nhẫn nhục của tôi khởi đầu còn tồn tại là vì tôi biết rằng đây là một thử thách mà tôi phải chịu đựng, nhưng dần dần, khi cứ kéo dài, tôi bắt đầu thấy bực dọc. “Họ không thấy là họ đã quá đáng một cách không cần thiết sao, khi mình không hề có một chút chống trả lại?” Tuy nhiên, đến tối, những ý tưởng này cũng chẳng còn, và tôi chỉ cảm thấy khốn khổ và tủi nhục. Rồi tôi càng lúc càng thương xót cho mình. “Tại sao mình lại để cho họ đối xử như một cái giẻ rách vậy? Tại sao tôi phải ở trong tư thế khốn nạn này trước cánh cổng đáng ghét này? Cha mẹ của tôi chết rồi, nhưng dù sao tôi cũng vẫn còn trở về Toyama được mà. Tôi vẫn còn họ hàng ở đó, tôi vẫn có thể sống được mà không phải bị đối xử tàn nhẫn như thế này.”

Tất cả những điều đó và nhiều điều nữa đã băng ngang tâm trí tôi lúc đó.

Khi được thọ giới xuất gia, tôi đã phần nào mang một quyết tâm muốn tu hết sức mình. Sau đó, khi Lão sư nói với tôi, “Đây là món tiền Niết Bàn để mai táng thân người,” tôi đã lại lạnh mình trong một quyết tâm mới. Rồi, khi Lão sư cột lại dây giày rom cho tôi và khuyến cáo rằng, “Đừng có lơ là mà làm lỏng những dây này,” chẳng phải là lúc đó tôi đã càng thêm quyết chí, nhất định phải đi đến cùng đó sao? Nhưng bây giờ tôi ở đây, chỉ chưa đầy một ngày sau đó, tâm đã đầy dao động, tự hỏi mình tại sao lại ở đây, sao lại phải chịu cảnh khổ cùng như thế này.

Tôi nghĩ rằng con người rất là yếu đuối. Nếu không biết tự kỷ luật mình, ta sẽ không thể tin vào ý chí của mình được, rất dễ dàng để bị lung lạc. Khi tôi thấy mình đang bị lung lạc, lần đầu tiên tôi đã hiểu được sự hệ trọng của việc tiếp tục bò lại vào trong tiền đường. Sự tiếp tục bò lại chỗ cũ này được gọi là “bị giữ đứng ở ngoài vườn.” Trong tình trạng bị giữ ở ngoài vườn và đứng đó, vị tăng bắt buộc phải làm tươi mới quyết tâm ban đầu, phải tăng cường quyết tâm đó, phải quyết tâm trở lại, và củng cố sự quyết tâm càng xa hơn nữa. Chính vì lý do này mà vị tăng bị bắt ở ngoài cửa ra vào tiền đường của thiền viện.

Tất cả răng của tôi – vốn chẳng mạnh khỏe gì – bắt đầu cảm thấy như đang long ra, máu nóng trào lên mặt. Tôi nghĩ chắc đôi mắt mình như muốn nổ ra khỏi xương sọ, và lưng tôi, với vị thế phủ phục lâu dài như vậy, cũng muốn sụm xuống. Trời vẫn còn lạnh khi tôi đến tiền đường vào đầu tháng ba, vì năm đó tiết mùa đông thật khắc nghiệt ở Kyoto. Khí lạnh bắt đầu từ mấy ngón chân, thấm qua chân tôi trong đôi giày rom ướt đầm, và dâng lên đến đầu gối, khiến đôi chân tôi tê dại, không còn một cảm giác.

Trực diện với con người bất an của mình, trong bất cứ điều kiện nào, và rồi trở về với tâm ban đầu, tự mình đứng dậy sau khi tâm đã thay đổi, suy yếu, và sụp đổ, để rồi củng cố trở lại quyết tâm muốn hoàn thành tới nơi lời nguyện ban đầu – phải chăng đây chính là ý nghĩa của sự can đảm?

*

- XIV -

TÔI ĐANG LÀM GÌ Ở ĐÂY?

Trong lúc chờ đợi ngoài cổng chùa, tôi bắt buộc phải định nghĩa lại thế nào là sự dũng cảm. Khi còn nhỏ, tôi thường hay phô trương sự dũng cảm của mình bằng cách tấn công người khác, nhưng đó không phải là dũng cảm. Sự hung hăng đó có thể ví như con chó nhỏ mà hay sủa thật to. Dũng cảm đích thực là chấn chỉnh lại tinh thần đã sa sút và kiên tâm theo đuổi mục tiêu ban đầu của mình. Để có thể giữ vững được như vậy, phải tự đặt câu hỏi với mình là: “Tôi đang làm gì ở đây?”

Trong khi bị giữ ngoài vườn, nhiều tư tưởng khác nhau đã trôi qua trong tâm trí tôi. Tôi nghiệm ra rằng mỗi con người được vào tu trong thiền viện này đều bẩm sinh khác nhau. Mỗi con người đi vào cuộc đời này đều có những khả năng khác nhau, kinh nghiệm và học vấn khác nhau, suy nghĩ những tư tưởng khác nhau; không ai giống ai cả. Trong tất cả những sắc thái dị biệt ấy, nếu ai nấy ở trong thiền viện đều muốn làm theo ý mình, đều khẳng khái rằng, “Tôi nghĩ như thế, tôi làm như thế đấy,” thì việc tu hành rồi sẽ ra làm sao?

Có câu ngạn ngữ rằng, “Rượu mới đổ vào bình mới.” Nếu muốn chuyển hóa bản thân mình bằng cách

đem thân đến thiền viện để tu tập, đó cũng có thể được ví như cái bình mới, và như thế cần phải xả bỏ hết những kinh nghiệm quá khứ, những kiến thức và địa vị xã hội của mình. Thiền sinh phải trống rỗng hoàn toàn và đi vào thiền viện với tâm khiêm tốn, nhẫn nhục. Ở trong xó góc trước cổng chùa này, sa-di thiền sinh bắt buộc phải nghĩ cho thấu suốt tất cả những điều ấy và dọn mình để hành động cho thích hợp.

Trong buổi tối ngày thứ ba bị giữ ở ngoài vườn chờ đợi, một vị sư đi ra thông báo với tôi rằng: “Xét rằng kể từ hôm kia tới nay, người vẫn giữ nguyên vị trí ở trước cổng ra vào mặc dù đã bị mắng chửi, đánh đập; nay ra quyết định rằng: người có vẻ cũng có ý chí muốn tu tập, vì thế, người được phép bước vào trong. Tuy nhiên, vì chưa được chấp nhận chính thức vào tu tập ở đây, nên người phải luôn luôn cẩn trọng.” Với những lời nói đó, cuối cùng tôi đã được bước chân vào thiền viện.

Căn phòng tôi được phép vào gồm có một bên là tường và ba bên là liếp cửa bằng giấy mở toang. Tôi đặt rương hành lý vẫn đeo trên lưng vào cạnh tường, rồi ngồi xuống đối diện vách và bắt đầu tọa thiền. Không có cách gì biết ai đang nhòm ngó mình từ ba vách trống trải kia. Lúc này là lúc tôi không thể nào lơ đãng được.

Ban ngày tôi được cho ăn ba lần và ban đêm được phát chăn chiếu ngủ, nhưng vẫn phải ở năm ngày nữa

trong phòng này; như thế, tôi đã bị đặt mình trong sự tự vấn thật căng thẳng suốt trong tám ngày liền. Tôi đã tự hỏi mình biết bao nhiêu lần, “Tôi đang làm gì ở đây? Tôi sẽ làm gì bây giờ?” Dưới áp lực của sự tự vấn này, buộc tôi luôn luôn phải quay trở về khởi điểm, về tâm ban đầu trong sự tu tập của mình.

Đã bao lần tôi đã trở lại khởi điểm ấy, đã bao lần tôi khẳng định lại quyết tâm của mình. Tôi tin rằng dũng cảm là kiên trì theo điều mình đã quyết định làm và chịu đựng tất cả những khó khăn gặp phải trên đường. Giữ vững và thực hiện ý định ban đầu ấy – chỉ một điều ấy thôi – cũng đã là dũng cảm thực sự rồi.

*

- XV -

NIỀM TIN VẠN NĂNG

Và thế là tôi đã gia nhập thiền viện Đại Đức và ở suốt mười lăm năm. Trong thời gian đó, tôi thực tập tọa thiền, rồi dần dà về sau được thầy ấn chứng – và tôi cũng đã mắc phải biết bao nhiêu sai lầm. Nhưng dù với tất cả những thất bại ấy, tôi vẫn kiên trì tu tập được, và đó không phải là nhờ những lý lẽ biện luận, mà nhờ những kinh nghiệm cá nhân sống thực. Chính nhờ tôi sống trong niềm tin, nên đã vượt qua được những cửa ải khó khăn trong nỗ lực tập trung tận cùng, không một lời than van. Thay vì ngã gục khi thấy mình bị dồn vào phía chân tường, dù có vẻ đáng sợ đến đâu, tôi cũng vẫn tự quán xét lại, thâm định lại, để rồi tiếp tục bước tới. Tôi nghĩ rằng sở dĩ tôi có được sự can cường như vậy là nhờ bài học đầu tiên đã nhận lãnh được khi đang cố xin gia nhập vào thiền viện này.

Thiền sư Bạch Ẩn, người được coi như đỉnh cao tông Lâm Tế, đã khẳng định rằng ba yếu tố cần thiết để đưa tới đạt ngộ trên đường tu cũng như trong bất cứ nỗ lực nào là: đại tín căn, đại nghi đoàn, và đại phần chí.

“Niềm tin” (*đại tín căn*) có nghĩa tin tưởng nơi thầy mình và nơi chân lý mà thầy là biểu tượng. Nếu

phân tích một cách rõ ràng, đó là niềm tin nơi năng lực vô tận của Phật tính chúng ta đều vốn có sẵn.

Trong khi yếu tố thứ hai, đại nghi đoàn, xem có vẻ như đối nghịch với niềm tin, nhưng thực ra lại khiến ta thường xuyên ý thức đến sự non kém của mình, cũng như ý thức đến vấn đề vẫn hằng ôm ấp trong tâm. Từ nội lực con người, Phật tính, phát sinh ra truyền thống trí tuệ thật kỳ diệu, và khiến ta tin tưởng vững chắc. Nhưng khi tự xét đến sự non yếu của chính mình và thấy không thể chấp nhận được, ta sẽ thường cuu mang một vấn đề thắc mắc trong tâm, một sự xung đột nội tại.

Từ đó ta phải tiến tới trong sự phấn chí (*quyết tâm*), có nghĩa kiên trì tu tập với lòng dũng cảm. Trong tiếng Nhật, chữ “phấn chí” được ghép bằng hai chữ mang ý nghĩa riêng là “phấn nộ” và “kỳ vọng”. Phấn nộ không phải hướng đến ai khác mà đến sự yếu kém của chính mình, vì thế ta vung lên ngọn roi mạnh mẽ của kỳ vọng, đó là đại phấn chí.

Chẳng phải qua sách vở hay kinh kệ mà tôi học được ba yếu tố cần thiết ngài Bạch Ẩn đã đề ra nhằm hoàn thành bất cứ mục tiêu gì trong đời. Chính trong cuộc sống hằng ngày mà tôi luôn luôn phải dùng đến ba yếu tố này. Vì lẽ đó tôi cảm thấy rất trân trọng và biết ơn. Trong hai mươi năm đầu cuộc đời tôi chỉ hiện hữu một cách nửa vời, và nếu tôi không bị bắt buộc phải sống

thực với ba yếu tố này – niềm tin, nghi vấn và quyết tâm – tôi sẽ không bao giờ có được kiên trì để vượt qua những khó khăn trên đường tu Thiền.

Tin tưởng vào thầy của mình, vào những sư huynh tiền bối của mình theo truyền thống, nói khác đi có nghĩa tin tưởng nơi chính mình. Ta phải tự gỡ rối những khuyết điểm chính mình. Hơn thế nữa, ta còn phải tiếp tục tiến bước, và đứng vững trong mọi thử thách. Dù ở lúc nào, chốn nào, nếu không có ba yếu tố này, ta sẽ không thể hoàn thành được điều gì. Tôi tin chắc rằng dù thế gian này có biến đổi đến thế nào chẳng nữa, đây cũng vẫn là ba cột trụ nâng đỡ bất cứ những gì chúng ta mong ước thực hiện được.

Những thầy cô giáo thường xem bốn phận là phải làm sao cho học sinh thích thú học. Những bậc cha mẹ thường tin rằng phải nuôi nấng con trẻ sao cho chúng càng ít khóc càng tốt, càng ít bị va chạm càng tốt.

Tôi xin các bạn hãy xét lại những điều này thật cẩn thận. Xã hội chúng ta, những đứa trẻ này rồi sẽ gia nhập, có phải là một xã hội có sự thông cảm không? Đó là một xã hội mà tâm trí mỗi người đều đầy ắp những vấn đề riêng tư của mình; đó không phải là một thế giới người ta đối xử với nhau trong sự thông cảm và quan tâm. Ngược lại, đó là một xã hội đầy dẫy những người

cảm thấy thích thú khi thấy người khác thất bại, thường thức sự nghèo nàn của người hàng xóm như thưởng thức một miếng thịt thơm ngon. Thật đáng tiếc, xã hội chúng ta không hề là một xã hội lý tưởng chút nào. Khi giáo viên dạy dỗ trẻ con luôn luôn tìm cách làm vui lòng, chịu đựng, để chúng muốn làm gì thì làm, và những cha mẹ luôn luôn tìm đủ mọi cách để không cho chúng nếm mùi đau khổ, chịu sự bất tiện nghi, thì điều gì sẽ xảy ra cho chúng khi chúng bị ném ra ngoài đời trong một thế giới như vậy? Phải chăng đây là trường hợp nhiều người hiện đang đắm chìm, không nhiều thì ít, trong hoang mang, bực bội và thất vọng hằng ngày?

Tôi tự hỏi tại sao những cha mẹ, thầy cô giáo, và những người lớn khác không sớm tìm cách cung ứng cơ hội và tập cho con trẻ tự sử dụng được tiềm năng có sẵn nơi chúng, tiềm năng mà chúng ta đều có, nhờ vào đây ta có thể đứng lên tự giải quyết những vấn đề của mình trong hoàn cảnh khó khăn. Chỉ khi chúng ta nếm mùi bất mãn và bực bội, tinh thần vô úy, ý chí quyết tâm muốn vượt qua mọi trở ngại mới đẩy lên từ năng lực nội tại tiềm tàng ấy của chúng ta.

Và đây chính là điều đem lại từ sự tu luyện của một vị thiền tăng.

Phần Hai

RÈN LUYỆN

- XVI -

TÂM BẤT ĐỘNG

Cách đây nhiều năm ở Luân Đôn, một người đàn ông đến gặp tôi, tự nhận đã hành thiền được sáu bảy năm nay và hỏi như sau: “Tôi tập thiền vì muốn có được tâm bất động, nhưng có vẻ như tôi chẳng thể nào có được. Chính ngay ngày hôm nay, khi đang trên đường đến gặp thầy, có một người đã dẫm lên chân tôi trong xe điện ngầm. Người ấy chẳng buồn nói ‘Xin lỗi’ gì cả, cứ tiếp tục đi như là không có gì xảy ra. Tôi cố kềm chế mình, cố giữ cho tâm thanh nhiên, nhưng không thể nào mà không bực mình được. Xin thầy chỉ cho tôi cách tọa thiền thế nào để có được tâm bất động.”

Tôi trả lời ông ta, “Ông đã có tâm bất động rồi đó! Mặc dù từ lúc ông bị dẫm chân lên tới giờ cách đây khá lâu rồi, suốt từ khi đó, tâm ông vẫn giữ nguyên ở chỗ ông đã bị bực mình. Nếu ông nghĩ rằng tâm bất động là một tâm không lay động gì dù có gặp điều gì chẳng nữa, và nếu ông thực sự muốn như vậy, thì ông chẳng cần phải đem nó ra nữa.”

“Nếu vậy, thế nào là tâm bất động thực sự?” ông ta ngạc nhiên hỏi.

“Tâm bất động thực sự ông đã có từ khi mới sinh ra đời là tâm vận chuyển tự do tự tại. Tâm ấy không có gì không biết và phản ứng những việc xảy đến một cách hết mình, nhưng không dính mắc vào một thứ gì, luôn luôn sẵn sàng ứng phó những gì đến sau đó. Tâm bất động là tâm không bao giờ bỏ mất tính tự do, và lúc nào cũng luân chuyển không ngừng.”

Ông bạn này đã hoàn toàn bị câu trả lời của tôi thuyết phục, và đã giã từ tôi sau khi nguyện sẽ càng thêm tinh tấn tọa thiền. Tôi đoán là tới ngày nay ông vẫn đang tiếp tục nỗ lực chuyên cần để ngộ được “tâm bất động” ấy, cái tâm thường luân lưu trong tự do tự tại.

Ông này là một trường hợp điển hình của sự dính mắc vào điều mà chúng ta đang cố gắng tập trung toàn lực để đạt được. Cho dù chúng ta có hăng hái nhiệt tâm đến thế nào chăng nữa, nếu không biết luân lưu theo sự biến đổi của nước triều, ta sẽ không có được một tâm nhất quán, sẽ không đạt được Định.

Chữ Định (*samadhi*) bao hàm hai ý nghĩa cực kỳ tương phản nhau: *sự hoàn toàn tiếp nhận* và *sự hoàn toàn không tiếp nhận*. Để có thể *hoàn toàn tiếp nhận* một điều gì đang tới, cần phải *hoàn toàn không tiếp nhận* những gì đã tới trong giây phút trước đó và những gì sẽ tới sau đó. Một tấm gương dù có phản chiếu thật rõ ràng chi tiết

tới đâu cảnh trước mắt trong giây phút trước, nhưng nếu xoay nó đi, cảnh ấy sẽ biến đi hoàn toàn và tấm gương lại phản ảnh trung thực cảnh mới đang hiện ra. Cũng vậy, với năng lực có thể hoàn toàn tiếp nhận những gì đang có và hoàn toàn không tiếp nhận những gì đang không có, tâm chúng ta làm việc trong hai chiều đối nhau. Vì lý do đó, từ thuở xa xưa, tâm đã được ví như một tấm gương. Năng lực đưa đến trạng thái tiếp nhận hoàn toàn mọi sự đang đến trong thực tướng Như Như - có nghĩa, một tâm hoàn toàn không thụ nhận và không dính mắc – được gọi là *tâm bất động* hay chỉ đơn giản là Thiền.

Cái tâm không có gì là không biết đến nhưng cũng không dính mắc vào bất cứ điều gì không phải là thứ có thể đạt được nhờ tu luyện. Đó là *năng lực* chúng ta đều hàm sẵn khi sinh ra. Những người được gọi là Thiền tăng như chúng tôi vào thiền viện để dùng sự tu tập làm phương tiện đánh thức năng lực sẵn có ấy, để có thể biểu hiện một cách tự do, và đưa vào cuộc sống.

*

- XVII -

BIẾT ĐẾN CÁI NGU CỦA MÌNH

Tôi đã từng nghe một nhận xét châm biếm về tình yêu và hôn nhân như thế này: “Hôn nhân là chuyển đổi từ một sự hiểu lầm đẹp đẽ sang một sự thông hiểu thâm.” Câu nói này cũng có thể áp dụng sơ qua đối với một số chặng đường trong tiến trình tu tập thiền. Tôi xin nói lại một lần nữa là, tôi đã không nói quá khi xem cuộc đời của mình chỉ là một chuỗi nhìn nhận những điều tôi đã hiểu lầm (*mà không phải là sự hiểu lầm đẹp đẽ*) và là một tiến trình nhận biết cái ngu của mình.

Đối với người đang có nhiều ham muốn, họ luôn luôn bám víu vào kinh nghiệm và kiến thức của họ trên hết; trong thế kẹt giữa hai áp lực những cảm giác tự tôn và tự ti, giữa ý muốn xây đắp và hủy diệt hình ảnh của cái ngã lý tưởng – việc nhận ra sự sai lầm trong quan niệm của mình là điều dễ nói hơn là dễ làm.

Xưa ở Trung Hoa có một đại thiền sư tên là Triệu Châu. Khi Triệu Châu được năm mươi tuổi, thầy của ngài là Nam Tuyền mất đi. Sau ba năm để tang, Triệu Châu, lúc bấy giờ vào tuổi sáu mươi, khởi sự hành khước khắp nước Trung Hoa. Đến tám mươi tuổi, vị thiền sư xuất chúng này tới trụ tại chùa Quan Âm, ở đó ngài hướng

dẫn đạo pháp cho tăng chúng và cư sĩ cho đến khi ngài viên tịch vào năm một trăm hai mươi tuổi.

Một hôm có một học tăng đến chùa Triệu Châu và hỏi ngài, “Cái gì là kiên cố nhất, không thể nào phá vỡ nổi trên thế gian này?”

Triệu Châu trả lời, “Nếu người muốn sỉ nhục ta, cứ tha hồ mà làm như ý muốn. Nếu cho là làm như vậy không đủ, cứ việc sỉ nhục thêm nữa. Nếu người muốn nhổ vào người ta, cứ tha hồ mà làm đi. Nếu nhổ không chưa đủ, cứ việc đi lấy đất bùn mà ném vào người ta.”

Thoạt tiên, câu trả lời này có vẻ chẳng ăn nhập gì với câu hỏi. Nhưng ý Triệu Châu muốn nói là, dù có dùng đủ mọi cách lăng mạ đến thế nào, Phật tánh, vốn bất sinh và có sẵn nơi chúng ta, vẫn không suy suyển, và là kiên cố nhất trong tất cả. Nhìn bề ngoài thấy tâm một số người có vẻ dễ dàng bị thương tổn. Nhưng thực sự, đó chỉ là những thứ giả tạo làm vẩn đục và che phủ tâm, không phải là tâm thanh tịnh trong sáng vốn có sẵn từ khi sinh ra bị thương tổn.

Hầu hết mọi người đều hay phân biệt thật sắc bén giữa tốt và xấu, không nhận ra rằng những phân biệt đó chỉ là giả tạo vô ý nghĩa. Họ ra sức tu tập trong quan niệm sai lầm rằng tu là vứt bỏ cái xấu và tìm kiếm cái tốt. Làm như vậy, họ đã công phu không đúng chỗ và phí

phạm năng lực của họ. Ôm ấp những hình ảnh lý tưởng trong tâm, họ cố làm sao trở thành con người lý tưởng như hằng mơ ước, mà không nhận ra giá trị của cái họ đang có sẵn. Thật vậy, không phải dễ dàng hướng dẫn một nhóm người như vậy cho họ có thể ngộ ra được gốc rễ trang nghiêm căn bản của con người!

Vì lý do đó, trước khi gia nhập một thiền viện, người sa-di sống cuộc đời của một học tăng trẻ, trong thời gian đó ông trải qua biết bao lần phải chối bỏ cái ngã của mình. Ý tôi muốn nói không phải là dẹp bỏ con người nguyên thủy của mình, mà đúng hơn là đương đầu và cay đắng nhìn nhận sự non kém và giả tạo của cái ngã nơi mình trong tình cảnh hiện tại: chối bỏ cái ngã trong tình trạng đương thời và nhận thức được sự trang nghiêm của con người nguyên thủy nơi mình.

Lục tổ Huệ Năng của thiền tông, sống từ năm 618 đến 713, xuất thân từ Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, miền nam Trung Quốc, nơi bị coi là phần đất man rợ thời ấy. Huệ Năng, vốn mồ côi cha từ thuở nhỏ, đi lượm củi trong rừng và đem vào thành bán nuôi mẹ. Một ngày kia khi đang bán dạo, Huệ Năng đi qua một căn nhà và nghe thấy tiếng người đang tụng kinh Kim Cương. Nghe kinh, tâm Huệ Năng bỗng mở ra, ước nguyện được giác ngộ bùng lên, thế là ngài ra đi vượt đèo lên núi Hoàng Mai tìm đến vị tổ thứ năm là Hoàng Nhẫn.

Hoằng Nhẫn thoáng nhìn đã biết vị khách Huệ Năng là người phi thường từ trời đưa xuống. Nhưng khi nghe Huệ Năng nói đã đến từ tỉnh Tân Châu ở miền Nam, ngài đã cố ý sỉ nhục khi hỏi rằng, “Làm sao con người man rợ từ Lĩnh Nam lại đòi tu thành Phật được?”

Huệ Năng không hề đổi sắc mà trả lời mạnh dạn rằng: “Người có Bắc Nam tuy có đời sống khác nhau, nhưng Phật tánh không phân biệt nam hay bắc.”

Khi Hoằng Nhẫn nghe câu trả lời, ngài biết ngay Huệ Năng sẽ là người kế thừa ngài trong ngôi vị Tổ.

Về tâm linh, chúng tôi những thiền tăng đúng là hậu duệ của người man di vùng Lĩnh Nam. Tuy mặc áo nâu sồng và sống trong tu viện, chúng tôi vẫn chưa sẵn sàng cởi bỏ hết những thứ hào nhoáng bên ngoài và vượt qua được lớp vỏ trần cấu dễ bị thương tổn của mình.

Bây giờ, ta hãy nói về cuộc sống của những học tăng trẻ ra sao, và những gì họ làm trong thiền viện.

*

- XVIII -

ĐỜI SỐNG TRONG THIỀN VIỆN

Một ngày bình thường bắt đầu từ lúc 3 giờ sáng với tiếng chuông rung tay và tiếng gọi lớn “Kaijo!” (*Thức dậy!*) Các vị sư nhảy ra khỏi giường, rút từ một bình bằng tre ba ngụm nước vào tay để súc miệng và rửa mặt. Họ đi vệ sinh, mặc áo tràng, rồi vân tập đến thiền đường trong chánh điện.

Tất cả hành động mỗi người đều được làm chung với nhau như một nhóm. Khi tiếng đại hồng chung trong chánh điện vang lên gọi chư tăng vân tập, trưởng nhóm của thiền đường, nơi chư tăng thực sự sống ở đó, rung chuông tay và mọi người lần lượt im lặng bước vào. Thời kinh sáng bắt đầu trong chánh điện, kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ.

Buổi chiều lúc bốn giờ, trong ngày cuối cùng của năm, chư tăng đi một vòng quanh chùa tụng niệm, bắt đầu từ chánh điện và chấm dứt ở nhà bếp, nơi thờ Idaten – Idaten có thần thông bay vòng quanh trái đất như ánh chớp, và vì thế được phong là vị thần đem lại thực phẩm cho người tu. Nhiều năm trước, khi mới bắt đầu học kinh, tôi lần đầu tiên đã đi vòng cuối năm tụng niệm

quanh chùa này. Khi vừa mới xong, Lão sư Zuigan bỗng bất ngờ hỏi tôi rằng: “Ngươi dùng tâm gì để tụng kinh?”

Tôi hoàn toàn sững sờ, không biết phải nói gì có thể làm vui lòng đại sư. Rồi, khi tôi vội vã trả lời một câu có vẻ rất Thiền rằng, “Con tụng kinh mà không dùng tâm nào cả,” tôi đã bị mắng ngay.

“Đồ ngu. Tại sao ngươi không tụng kinh trong sự biết ơn ‘Xin cảm tạ đã cho tôi một năm tu tập an lành.’”

Cũng có những lúc khác Lão sư đã quát tôi, “Giọng ngươi run lên vì ngươi cố làm sao tụng cho thật hay. Ngươi chỉ cần tụng kinh với hết sức mình là đủ rồi.”

Tụng kinh là một hoạt động đã đưa đến tôi vô số lần đụng độ với những quan niệm sai lầm của mình.

Sau thời kinh buổi sáng, chư tăng trở về thiền đường và khóa tọa thiền bắt đầu. Khi một tiếng chuông đặc biệt được đánh lên, họ bắt đầu đi *tham thiền*, tức đến gặp gỡ riêng với thầy. Từng người một, họ lần lượt vào đối mặt lão sư. Những gì xảy ra ở đó không phải cuộc gặp mặt thân thiện giữa hai con người bình đẳng với nhau mà là vấn đáp. Mỗi vị sư đều nhận một công án từ thầy của mình, và phải trả lời công án đó trong lần gặp mặt này. *(Một công án là một vấn đề rút ra từ Pháp ngữ cũng như những hành động của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và những vị Tổ, có thể khai mở giác ngộ.)* Vị

sư phải quán triệt được ý nghĩa thực sự của công án qua công phu tọa thiền, chứ không chỉ qua suy nghĩ lý luận.

Khi thời tham thiền chấm dứt là đến bữa ăn điếm tâm. Trong suốt bốn năm tôi ở thiền viện, thức ăn chúng tôi dùng chẳng có vẻ gì là thức ăn cả; dần dần những bữa ăn đó mới đổi thành có vẻ truyền thống hơn. Nhưng dù thế bữa cháo của chúng tôi cũng chỉ toàn là bằng những hạt lúa mạch lúc tròn, chưa được chà vỏ, không phải là loại lúa mạch đã được hấp và sấy khô thường dùng trong các bữa ăn ở ngoài. Cháo là tiêu biểu cho bữa ăn điếm tâm trong thiền viện, đến nỗi chính chữ điếm tâm đặt ra từ tên món thực phẩm này.

Không cần biết hạt lúa mạch lúc này được đun bao lâu, nước cháo cũng chẳng đặc được tí nào, thế nên cuối cùng là món cháo chỉ lỏng bõng toàn là nước muối với những hạt lúa mạch lặn ở dưới đáy. Ngoài món cháo ra, suốt ba năm, chúng tôi không được ăn gì khác ngoài hai miếng dưa mặn chát mà chúng tôi gọi là *dưa bát tận*. Chúng tôi sẽ cẩn thận mút cái mặn ra khỏi hai miếng dưa ấy khi ăn, hay có thể gọi là *uống*, ba bát cháo ấy.

Người ta thường nói rằng những vị thiền tăng ăn dưa muối mà không phát ra tiếng nào, nhưng thực sự là những miếng dưa chúng tôi ăn chẳng dòn gì cả. Cho dù cố cẩn thận và dè dặt liếm miếng dưa đó thật lâu đến thế

nào, miếng dưa cũng sẵn sàng tan ngay ra và trôi xuống cổ họng.

Thật sự như vậy, không chỉ trong vấn đề ăn dưa muối, mà trong tất cả những hoạt động ở phòng ăn – giờ đưa lên xuống, cầm bát lên và đặt bát xuống, húp miếng cháo nóng bỏng – không có động tác nào gây ra tiếng động. Không thể nào có thì thầm nói chuyện, tất cả các hành động đều được làm trong những cử chỉ đã được định sẵn và theo tiếng đập của chiếc mõ gỗ. Phòng ăn, cùng với phòng tắm và cầu tiêu, được coi như là ba nơi im lặng, ở đó bắt buộc phải giữ yên lặng thật nghiêm ngặt. Dĩ nhiên, không cần phải nói, thiền đường cũng luôn luôn thật im lặng.

Tất cả những học tăng mới chung sống với nhau hai mươi bốn tiếng mỗi ngày, mỗi người có chỗ quy định chỉ rộng khoảng một chiếu *tatami*, trong gian thiền đường rộng lớn trống trơn, không có một vách ngăn, cho nên không có chỗ nào hay lúc nào có thể riêng tư được. Do đó, cơ hội duy nhất để có thể hoàn toàn riêng tư một mình là ở trong cầu tiêu, và vì thế bắt chur tăng phải giữ im lặng ngay cả nơi chốn đó, cũng là cách thức liêm họ tiếp tục giữ chánh niệm không ngưng nghỉ.

Ngày tắm rửa trong thiền viện là ngày có số 4, hay 9 trong tháng. Chur tăng không chỉ tắm rửa mà còn

giặt đồ, vá quần áo, và đi lo những công chuyện cần giải quyết. Tóm lại họ chỉ tắm một lần mỗi năm ngày thôi.

Dù có là ai chẳng nữa, nếu một người phải dậy sớm tinh mơ và đi ngủ trễ, tọa thiền rồi đi lao tác mỗi ngày, khi bước vào trong bồn tắm là cái thú thần tiên giống như lên thiên đàng vậy. Tinh thần sẽ lên cao độ mặc dù không muốn như vậy. Vì lý do đó, phòng tắm cũng là một trong ba nơi chốn phải im lặng.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với phòng ăn. Điều quan trọng phải giữ giới luật im lặng trong lúc ăn bởi vì dù thức ăn có dở đến đâu, tâm một vị tăng cũng dễ đi lan man trong lúc đó. Thật vậy, tôi còn dám nói là thức ăn càng dở bao nhiêu, tâm càng dễ lang thang bấy nhiêu.

Sau bữa điễm tâm, các vị sư lau dọn bên trong và bên ngoài thiền đường trước khi ra ngoài khất thực vào lúc quá bảy giờ. Những ngày khất thực xen kẽ với những ngày giảng pháp của thầy, nên nếu thầy giảng vào ngày thứ hai, thứ năm, thứ bảy và thứ mười trong tháng, thì ngày khất thực sẽ là ngày thứ nhất, thứ ba, thứ sáu và thứ tám. Vì ở Kyoto có đến bảy thiền viện, nên chương trình được sắp xếp để các vị sư trong khu vực gần nhau không đi khất thực trùng một ngày.

Quanh năm, chư tăng lê gót đi khất thực qua những ngõ đường thành phố, đôi chân trần trụi bao trong đôi

dép rom. Họ không được phép đứng ở ngưỡng cửa các nhà họ đi ngang qua, nhưng họ thường đi thành từng nhóm ba người và đi theo hàng một, cách nhau khoảng ba mươi mét, vừa đi vừa hô to lên “HO.”

Nhà ở Kyoto thường nhỏ hẹp, sâu vào trong và sát với nhau, trông giống như một hàng lươn. Tôi được một vị sư lớn tuổi hơn dạy là phải đi cách xa nhau đủ để bà chủ nhà nếu đang ở ngoài sân sau phoi quần áo có nghe tiếng “Ho!” đầu tiên của vị sư đi đầu sẽ có thì giờ lau tay, đi kiếm ít tiền lẻ hay bóc ít com ra cửa trước kịp lúc vị sư thứ ba đi sau cùng vừa tới nơi.

Hiện tại chúng ta đang sống trong thời đại dư thừa, một thời đại không có gì khó khăn khi nhận tiền và vật cúng dường của thí chủ. Nhưng trong thời kỳ vừa sau cuộc thua trận Thế Chiến của chúng tôi, hầu như tất cả chư tăng đều rất ngại ngùng khi phải làm việc này. Ngay chính tôi cũng cảm thấy thật khó khăn khi phải thản nhiên cúi đầu nhận một ít tiền lẻ của thí chủ.

Khu vực đèn đỏ – còn được gọi một cách văn hoa là xóm hoa – vẫn còn tồn tại trong những ngày ấy, và có một hôm, khi chúng tôi đang đi khát thực qua đó, từ trên lầu hai một cô gái làng chơi với khách của cô đã ném xuống vài đồng xu cho chúng tôi. Một vị tăng trẻ vừa tốt nghiệp đại học và nhập chúng trong thiền viện đã bắt lấy

mấy đồng xu ấy không suy nghĩ và dợm ném trả lại. Khi trở về chùa, ông ta bị sư huynh mắng một trận nên thân, và được nhắc nhở thật rành mạch về ý nghĩa hai mặt của sự đi khát thực. Một mặt là tập luyện hạnh nhẫn nhục; mặt khác, đi khát thực là gieo duyên cho người khác xả bỏ tâm tham của họ. Thực hành khát thực đem lại lợi ích cho bản thân cũng như cho người khác, tự lợi và lợi tha, như hai bánh xe trong chiếc xe, và vị tăng trẻ đó đã được dạy rằng ông đã hoàn toàn hành động một cách không cần trọng.

Tôi đã nghe được lúc vị tăng bị mắng, và những lời răn dạy ấy làm tôi xúc động sâu xa. Tôi chợt nghĩ ra chữ *Ho* chúng tôi kêu to lên nghĩa là *Pháp* và khi chúng tôi khát thực là đang đi trên một con đường truyền bá Pháp Phật cho khắp thế gian. Từ đó tôi sửa soạn đi khát thực trong tâm niệm biến khu vực đó thanh tịnh với tiếng *Ho* của tôi vang xa, y như tôi là cái máy hút bụi khổng lồ vậy. Một ngày kia khi đến thăm thầy tôi, Đại sư Zuigan, tôi chợt nói ra ý tưởng này, và nhận lãnh một trận quát tháo như sấm sét.

“Đồ ngu!” Ngài hét. “Đừng có tự mê hoặc mình. Chữ *Ho* mà người khát thực hô lên tượng trưng cho bình bát mang theo để nhận vật bố thí. Đừng thắc mắc ai đang làm gì, vì lý do nào hay ai đang nhận thứ gì, hay bất cứ điều gì khác. Chỉ cứ đi khát thực mà không tìm kiếm gì

cả, như nước trôi chảy, hay như mây bay theo gió vẫy thổi.”

Thế là lại thêm một ý tưởng ngu si của tôi bị dập tắt. Trong quãng đời tu tập đôi khi người ta dễ lạc hướng qua muôn ngõ ngách quanh co của những ấn tượng méo mó chủ quan.

Khi chư tăng đi khất thực trở về rồi, khoảng sau 10 giờ sáng, là đến giờ ăn trưa. Bữa ăn trưa gồm cơm lúa mạch, súp *miso* với rau, và hai củ cải muối. Có thể nói một phần cơm để độn vào với chín phần hạt lúa mạch lức. Sau khi hỗn hợp này được đun lên tới mức thật nhừ tối đa, lại được nghiền thêm bằng cái cối cối cho bột lúa mạch dẻo ra thêm một chút. Nếu không nghiền ra, lúa mạch vẫn cứng và rất khó ăn. Đến bữa tối, thức ăn dư từ bữa trưa được pha trộn vào nhau thành một món hủ lớn. Nếu chư tăng ăn cơm độn lúa mạch nhiều quá trong bữa trưa, sẽ đổ thêm nước vào món hủ lớn này thành món hỗn hợp thật là lỏng bở.

Sau bữa ăn trưa là lao động, gọi là *samu*. Công việc phải làm là trồng vườn rau, tía cây cảnh, nhổ cỏ dại, và chẻ củi. Lao động được nhấn mạnh đặc biệt trong đời sống thiền viện, và chư tăng thường xuyên được cảnh cáo là không nên phán xét công việc trong giá trị tương đối mà chỉ buông bỏ hết mọi phân tích lý luận và lo làm việc hết mình.

Thiền sư Bá Trượng (720-814), thời xưa ở Trung Hoa là người có công thiết lập tiêu chuẩn luật lệ trong thiền viện. Bá Trượng vẫn tiếp tục làm việc dù cho ngài đến tuổi tám mươi. Khi các đệ tử, vì quan tâm đến sức khỏe của thầy, đã dấu dụng cụ của ngài, Bá Trượng bắt buộc phải thôi làm việc. Nhưng cùng lúc ấy, ngài cũng thôi không ăn. Khi đệ tử van xin ngài hãy ăn uống, ngài trả lời họ với câu vẫn còn nổi tiếng cho đến ngày nay: “*Ngày nào không làm là ngày ấy không ăn.*”

Có một lần, khi tôi kể lại chuyện này cho một đệ tử, anh ta nhận xét rằng, “À ra thế đấy. Người nào không làm việc thì không được ăn, có phải vậy không thầy?”

Nếu xét hai câu nói của Bá Trượng và người đệ tử kia, thoát nhìn có vẻ giống nhau, nhưng thực ra khác hoàn toàn. Khác biệt giữa sự đối mặt một người và ra lệnh rằng, “Người nào không làm là không được ăn,” với câu tự nói với chính mình, “Nếu không làm, tôi sẽ không ăn,” thật là một trời một vực. Câu nói trước mang vẻ khiêu khích và có tính cách tranh cãi, trong khi câu nói sau nhận định thật sâu sắc từ trong nội tâm.

Sau thời lao tác và bữa ăn tối (*được thực*) có món hồ lớn, chư tăng vào trong thiền đường và tọa thiền cho đến chín giờ tối. Trong khoảng thời gian này, họ cũng có một buổi tham thiền chính thức với thầy. Đến chín giờ tối, lại có một thời tụng kinh đặc biệt trước *giờ đi ngủ*,

một chữ dùng có ý nghĩa là *hết áp dụng luật lệ* (cho ngày hôm đó). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là khi thời tụng kinh đã chấm dứt và đèn đuốc đã tắt hết, mọi người đều đi ngủ ngay. Khi tiếng tụng kinh vừa xong, vị sư trưởng rung chuông lên rồi, các học tăng nhanh chóng cởi áo tràng ra, lấy chăn gối từ kệ xuống, rồi chui vào giường ngủ một cách trật tự; thật ra tạm thời thì có vẻ như vậy.

Chắc bạn chưa bao giờ có dịp được thấy bên trong một thiền đường ra sao, nhưng bạn có thể tưởng tượng như là một trại lính vậy. Tôi từng nghe nói khi Thiền tông muốn xây dựng một thiền đường, họ trông vào trại lính làm gương mẫu. Dọc mỗi bên thiền đường là một hàng dài chiếu *tatami*, mỗi học tăng được chỉ định một chiếu để tọa thiền, ngủ, và sống ở đó. Giữa hai hàng chiếu là một lối đi lát gạch theo kiểu Trung Hoa.

Chăn chiếu chỉ gồm một chiếc nệm *futon*, được xếp làm hai và dùng vừa để nằm, vừa để đắp, còn được gọi là *nệm futon lá sồi*, vì vị tăng nằm gọn trong *futon* giống như chiếc bánh nếp nhân đậu gói gọn lỏn trong lá sồi. Vị tăng nào quen nằm với tấm nệm như vậy sẽ quán mình trong đó thật khéo như miếng cơm quán rong biển, và sẽ thấy ấm áp vô cùng. Bất cứ lúc nào, dù mùa hè hay mùa đông, tấm nệm duy nhất này đều dùng làm chăn chiếu cho người học tăng.

Vừa khi vị sư trưởng phụ trách thiền đường, với cây gậy trong tay gọi là *keisaku* đi kiểm soát xong xuôi những hàng người quán mền như quán rong biển, đèn sẽ tắt và vị sư trưởng sẽ rời khỏi thiền đường. Ngay lúc đó, mọi người đồng loạt chui ra khỏi giường và lại mặc áo tràng, tọa cụ ôm trong tay, đi ra ngoài tìm một chỗ trống dưới mái hiên chính điện hay trên bia một ngôi mộ nào đó, ai có chỗ nấy, và bắt đầu tọa thiền ban đêm.

Tôi thường hay chọn một mộ bia nào có nền cao nhất để ngồi thiền ban đêm. Tôi đã thật sự tin tưởng một cách trẻ con rằng ngồi ngất ngưỡng trên một tảng đá cao – rõ ràng là một chỗ nguy hiểm nếu lỡ ngủ gục – sẽ khiến tôi không dám ngủ gục.

Cho đến chín giờ tối, tất cả mọi người đều ngồi thiền chung với nhau trong thiền đường. Rồi sau đó, khi luật lệ trong ngày chấm dứt, mọi người đều tự nguyện ngồi thiền riêng. Đối với một học tăng mới đến trong thiền viện, những thông lệ này thật là quá cam go. Tuy nhiên, sau một thời gian, tôi bắt đầu nhận thấy rằng hành thiền ban đêm như vậy thực sự có lợi ích.

Cũng tựa như mỗi người đều có một nét mặt riêng biệt, hoàn cảnh mỗi người cũng hoàn toàn đặc thù cho người ấy, cho nên trong thế gian có vô lượng hoàn cảnh riêng biệt khác nhau. Tâm nguyên thủy mỗi người chúng ta đều sẵn có từ khi sinh ra là điều vi diệu vô cùng, nhưng

những ấn tượng huân tập từ kinh nghiệm trong đời và kiến thức thâm thập đều khác nhau nơi mỗi người. Vì thế, sau khi đèn đã tắt, để ra một thời gian cho mỗi người ngồi thiền riêng là sự cần thiết.

Theo thứ tự thâm niên, chư tăng trở lại thiền đường đi ngủ, điều đó có nghĩa là người nào mới nhất trong chư tăng thường chỉ đi ngủ khi đã nửa đêm. Và như thế, ngay cả trong những ngày bình thường, họ cũng chỉ có được ba tiếng đồng hồ để ngủ. Vốn sẵn yếu đuối, tôi luôn luôn cảm thấy như mình ngất đi hơn là ngủ đi. Hơn thế nữa, trong thời gian một tuần chuyên tu gọi là tiếp tâm (*sesshin*), giờ ngủ lại còn bị cắt xén thêm nữa.

Miêu tả những thông lệ này trong thiền đường có lẽ sẽ vẽ lên một lối sống cực kỳ khắc khổ, nhưng trong thời kỳ con người còn đang tràn trề sức sống và năng lực, sẽ không thể nào đạt được định tâm trong tọa thiền nếu ta ngủ bất cứ lúc nào muốn ngủ và ăn bất cứ lúc nào muốn ăn. Cũng trong ý nghĩa đó, những thực phẩm chay lạt cũng giúp cho tâm được yên tịnh phần nào, và tôi tin rằng đó cũng là điều cần thiết.

Trong đời sống thiền viện, sở hữu riêng tư được giới hạn nghiêm ngặt. Chư tăng sống trong sự giản tiện tối đa những đồ dùng cần thiết: chỉ một tấm khổ, áo trong bằng vải bông, khăn buộc bụng, và áo kimono một lớp.

Ngay cả mùa đông, cũng không có áo kimono dày hoặc hai lớp để mặc. Chính tôi cũng không bao giờ có được một cái áo lót cho đến khi tới trên ba mươi tuổi. Về mùa đông, áo ngoài mặc dày hơn một chút, nhưng áo trong cũng vẫn mỏng, áo kimono cũng chỉ có một lớp, và rồi đến áo tràng, vì vậy chỗ duy nhất trên thân mình mà không bị gió trực tiếp thổi vào là khu vực ở giữa bụng được quần khấn chặt. Chúng tôi gần như là trần trụi, hầu hết thân thể tiếp xúc trực tiếp với không khí ở ngoài. Lúc cảm thấy buốt giá nhất là buổi sáng tinh mơ khi bị dựng dậy khỏi giường, trong bóng đêm tê tái mùa đông, khi đó người tăng sĩ vội vàng ướp lạnh thân mình – bởi vì khi toàn bộ thân mình đã lạnh hết rồi, thì không còn cảm thấy lạnh nữa. Tôi thấy tọa thiền trong mùa đông là thật sự biết đến không khí lạnh, cảm thấy khí lạnh đi vào qua cửa tay áo để được thân sưởi ấm một chút, xong lại truyền lên ngực, dâng lên tới cảm như một giòng lưu chuyển ấm áp dần.

Bất kỳ mùa nào cũng vậy, chur tăng chỉ đi vớ trong những dịp lễ đặc biệt. Quai đôi guốc gỗ làm bằng lát tre đan lại, cũng như dây đôi dép rom khi đi đã cọ xát làm cho da chân của họ dày lên, vì thế da chân một vị tăng còn dày hơn là gót chân của một người thường.

Sống một cuộc đời thiếu thốn như vậy, buồn ngủ là căn bệnh kinh niên, và dạ dày cũng đói quanh năm suốt tháng. Ngay cả một người có lòng ham muốn thật nhiều

cũng chỉ còn đơn giản một ước muốn thêm được ăn, và ngủ nhiều hơn.

Những bà già thường đặc biệt cúi chào kính cẩn khi thấy chúng tôi chân trần đi những đôi dép rom ra ngoài khất thực giữa đường phố lạnh giá mùa đông. Tuy nhiên phải nói rằng, sau thời gian chùng hơn một năm, hầu hết chư tăng cũng quen với đời sống thiền viện, và những cực khổ vật chất không còn ảnh hưởng mấy nữa. Thật ra phương diện khổ tâm nhất trong sự tu tập không phải là cực nhọc thân xác mà đau khổ tinh thần trong những lần giáp mặt riêng với thầy. Khổ này chắc chắn là sau một năm cũng không biến đi đâu được.

Trọng tâm mỗi lần gặp gỡ riêng với thầy là đệ tử trình kiến giải về công án. Để thí dụ, tôi xin dùng một trong những công án nổi tiếng nhất: “*Hãy chỉ cho thấy bộ mặt xưa nay trước khi cha mẹ sinh ra.*” Nói cách khác, công án này là “Cái gì là bản thể chân thật trước khi được cha mẹ sinh ra?”

Một vài người trong số các bạn sẽ cho những câu hỏi loại này vô nghĩa, nhưng vị tăng được giao công án – biết thế nào cũng phải đưa ra câu trả lời cho thầy sáng ngày hôm sau – sẽ bắt buộc phải làm việc với công án đó như là chuyện sống chết vậy. Tham khán công án đến cùng cực khiến điều đầu tiên vị tăng nhận ra là, trong khi thân vật chất này được sinh ra từ cha mẹ, sự sống đang

được tiếp tục một cách vô hạn định. Không đứa trẻ nào được sinh ra sau khi cha mẹ nó đã chết rồi. Bị mê hoặc với cái chết của thân xác, chúng ta phân biệt ra – đời sống của cha mẹ, đời sống của đứa con, đời sống của tôi, đời sống của anh – nhưng trên thực tế, dù chúng ta có đi ngược lại quá khứ không ngừng, đời sống chúng ta đang sống hiện tại là một sự tiếp diễn vô hạn, không thể định rõ được đâu là điểm khởi đầu. Bằng lý luận, chúng ta cũng có thể hiểu được điều này.

Nhưng hơn thế nữa, chức năng lớn của đời sống chính là chức năng của tâm. Nếu dùng lý trí thuần túy để nghĩ đến điều này, ta sẽ tự hỏi rằng: “Vượt ra khỏi cái mà ta gọi là *cái ta*, cái gì là bản chất làm nên sự sống vô hạn định? Vượt ra khỏi cái ta mà chúng ta phân biệt dựa trên những sự khác nhau nhỏ nhặt như: khác nhau về nét mặt, về cá tính, khả năng – cái gì là cái ta nguyên thủy, thực sự thường hằng?” Dần dần rồi tất cả mọi người, ít nhất, cũng nhận ra được đây chính là câu hỏi của công án.

Nhưng dù có biết được tới đó, thiền sinh vẫn còn phải gặp rất nhiều khó khăn trước khi có thể nói với lão sư rằng, “Đây chính là bộ mặt bản lai của tôi.” Gần như bao giờ cũng vậy, thiền sinh sẽ bắt đầu bằng cách đưa ra đủ mọi lý luận trống rỗng. Vị thầy, lúc đầu, sẽ yên lặng lắng nghe xong rồi rung chuông lên, ám chỉ cuộc tham thiền đã chấm dứt và người kế tiếp phải đi vào.

Dần dần, qua một thời gian, vị thầy sẽ quát lớn lên, “Ta không cần nghe giải thích gì cả! Bỏ hết những lý thuyết đó đi và chỉ cho ta bộ mặt xưa nay của người như thế nào!” Người học tăng rất cuộc sẽ cảm thấy như muốn phát khùng.

Thiền sinh không tụ tập một chỗ đợi chờ đến phiên mình để trả lời câu hỏi về Thiền theo thứ tự nối tiếp nhau, “Rồi, bây giờ đến người kế tiếp.” Thực tế là, khi đến giờ tham thiền, vị tăng phụ trách sẽ đem một chuông nhỏ ra một nơi ở giữa thiền đường và phòng tham thiền của thầy rồi để ở đấy. Lão sư, cầm một cây gậy dài gọi là *trúc bè* (*shippei*), chờ đợi sẵn sàng trong phòng. Khi chuông rung, những vị tăng đang ngồi tọa thiền sẽ phải bước ra ngoài thiền đường, sắp hàng trước cái chuông, và chờ đợi đến phiên của họ. Khi lão sư ra hiệu, thiền sinh, lần lượt từng người một, sẽ đến rung chuông để báo trước họ sẽ bước vào phòng tham thiền.

Một khi vào trong phòng lão sư rồi, thầy với trò hoàn toàn một mình trong đó, sẽ trao đổi đối thoại Thiền, và không ai có thể nghe được. Khi lão sư quyết định chấm dứt buổi họp, ngài sẽ rung chuông tay lên và học tăng cúi đầu vái chào rồi lui ra, chạm trán trên đường đi với người kế tiếp đang vào gặp thầy.

Sự gặp gỡ riêng tư với thầy diễn ra hai lần trong ngày, buổi sáng và buổi tối những ngày thường, và ba lần

một ngày trong tuần lễ chuyên tu. Ngoài ra, có thời gian tu tập đặc biệt gắt gao gọi là *tiếp tâm lap-bát* (*Rohatsu O-sesshin*), diễn ra một lần trong năm, từ mùng 1 tháng chạp suốt đến rạng mùng 8 tháng chạp, khi gà bắt đầu gáy sáng mới chấm dứt. Tuần lễ chuyên tu ráo riết này kỷ niệm ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo lúc ngôi sao mai xuất hiện rạng sáng mùng 8 tháng chạp. Trong tuần lễ này, không ai được nằm xuống ngủ, và thời tham thiền với thầy tăng lên bốn lần trong ngày.

Bao nhiêu lý luận cũng không thể giúp thiền sinh thông qua công án được. Và khi không còn lý luận nào đem ra nữa, nghe tiếng chuông vào gặp thầy, thiền sinh sẽ cảm thấy không muốn rời khỏi thiền đường chút nào. Trong những ngày thường, thiền sinh có thể được phép bỏ bữa tham thiền và chí tâm tiếp tục tọa thiền. Nhưng trong tuần lễ chuyên tu, hai hay ba vị sư huynh tiền bối sẽ xuất hiện như những hung thần, lôi cổ thiền sinh đó ra khỏi gôi thiền và bắt phải đi gặp thầy. Thiền sinh không thể nào tránh vào gặp thầy bởi vì không có câu trả lời cho công án.

Nếu nhìn vào những cột nhà giữa thiền đường và phòng tham thiền, ta sẽ thấy vô số vết trầy. Đó là dấu vết ấn chứng sự tuyệt vọng của những vị tăng không có câu trả lời cho công án đã cố bám vào cột khi họ bị những sư huynh lôi đi vào phòng tham thiền. Có nhiều khi, vị tăng

nào kiên quyết bám dính vào cột sẽ bị gậy đánh vào tay. Sự đau đớn sẽ làm họ phải buông tay ra và bị kéo đi đến gặp thầy.

Vị tăng nào đến gặp thầy mà im lặng, không có câu trả lời, thế nào cũng nghe thầy quát lớn, “Người làm gì ở đây nếu không có gì để nói?” và rồi sẽ bị đánh với cây gậy to của thầy. Bị tấn công từ mọi mặt, vị tăng biết rằng nếu có thoát được kỳ này, cũng sẽ có kỳ khác chỉ trong vài tiếng nữa thôi, vào buổi tối, hay buổi sáng tinh mơ hôm sau. Dù lười biếng hay khôn lanh đến đâu, vị tăng cũng sẽ bị dồn vào thế kẹt mà không thể tìm cách thoát ra được bằng những cách vá vúi tạm thời. *(Sự tu luyện kiểu này đặc biệt trong các thiền viện Lâm Tế, đối nghịch với cách tu của thiền viện Tào Động.)*

Kết quả của sự tu luyện này là tôi thường mơ thấy mình đạt ngộ khi ở trong thiền đường. Tỉnh dậy, phần nhiều tôi hay thấy kinh nghiệm giấc mơ ấy chẳng có gì đáng kể và không có ích lợi. Tuy nhiên, có những lần, kinh nghiệm giấc ngộ trong mơ kéo dài ngay cả khi tôi đã tỉnh dậy. Có vài ba lần xảy ra như vậy, tôi đã đi gặp thầy trong sự hứng khởi, và được thông qua công án.

Hằng đêm, khi cuối cùng được quán mình trong tám môn lá sồi, thay vì ngủ, tôi thiếp đi trong cơn mê mệt, để rồi một lúc sau đã bị đánh thức cho một ngày mới. Nhưng mỗi lần rơi vào trạng thái mê mệt này, công

án vẫn là cái sau cùng còn lại trong ý thức của tôi. Tuy thân ngủ, nhưng trong tiềm thức vẫn chờn vờn viển tượng phải đối diện với thầy vào sáng sớm hôm sau, cảm giác bị tra hỏi vẫn tiếp tục tồn tại, và câu “Bộ mặt xưa nay... bộ mặt xưa nay...” vẫn vang vọng ngay cả trong giấc mơ.

Rồi, mỗi buổi sáng khi vị tăng có nhiệm vụ đánh thức chạy ngang qua thiền đường, rung chuông và hô lớn, “Thức dậy! Thức dậy!” nghe tiếng gọi đó, ngay cả khi còn chưa ra khỏi cơn ngái ngủ, cảm giác bị tra hỏi, *Bộ mặt xưa nay* đã sẵn sàng ở đó rồi. Ý thức về câu hỏi nan giải trong tâm sẽ thức dậy trước, rồi mới đến ý thức chung. Nghe thì có vẻ khó tin, nhưng đó là kinh nghiệm tu tập của tôi ở chùa Đại Đức.

*

- XIX -

KHÔNG BAO GIỜ HẾT TU

Ngay cả đối với những người đang theo một nếp sống khắc khổ như trong tu viện, buông bỏ những thói quen huân tập từ lâu đời lâu kiếp cũng không bao giờ dễ dàng. Chúng ta hành xử dựa theo những phán đoán trong thang giá trị đã chọn sẵn, phân biệt những hình tướng mắt chúng ta nhìn thấy, phân biệt những âm thanh tai chúng ta nghe, phân biệt những mùi mũi chúng ta ngửi, phân biệt những vị lưỡi chúng ta nếm, tưởng tượng đủ thứ qua xúc giác cảm nhận trên da, lập thành những định kiến trong ý thức. Chúng ta so sánh và đối chiếu tất cả mọi thứ chúng ta bắt gặp. Đối với tôi, không phải là điều đơn giản để thoát ra khỏi thói quen tâm trí làm việc như thế và kinh nghiệm được một cách thuần túy và trực tiếp sự đồng nhất thể tánh giữa cái ta và ngoài ta.

Để có thể nắm trọn tức thời mọi tình thế xảy ra, một hiện tượng được gọi một cách triết lý hơn là sự *kinh nghiệm thuần túy*, tôi phải vượt qua được nỗi sợ hãi cái chết. Tôi phải thú nhận rằng từ trước cho đến khi có được kinh nghiệm này trong tu viện, đời sống của tôi chỉ toàn là một sự nối tiếp không ngừng những nỗi khổ thể xác và tinh thần.

Tôi xin kể lại đây một sự việc ngu xuẩn đã xảy ra khi đi khất thực, trong thời kỳ dù ngủ hay thức, công án cũng tràn ngập trong đầu óc tôi và ý nghĩ duy nhất của tôi lúc đó chỉ là “Tôi muốn giác ngộ... tôi muốn giác ngộ...” Không để ý đến cái gì đang ở trước mặt hay sau lưng, tôi đã đắm sâu vào một vật gì; nhìn lại thì hóa ra tôi đã đắm bỏ vào mộng một con bò! Ngay lúc vừa nhận ra tôi đã đắm vào mộng con bò, ngoài sự ngạc nhiên ra, điều đầu tiên tôi biết được trong tâm là “Ồ, giác ngộ chính là đây!”

Trong nội tâm chúng ta có những khán giả kiên cố nhất, luôn luôn phê bình và phán đoán tình trạng của mình. Ngay cả khi đã đến tình trạng hoàn toàn kiệt lực, trong tâm trí thường có một người bảo vệ vốn hay phân biệt và không bao giờ quên được cái *ta*, vẫn luôn luôn bận rộn ở đó, thì thậm chí bỏ nhỏ đủ mọi thứ linh tinh tầm phào. Trường hợp của tôi, bị chi phối bởi chút kiến thức và kinh nghiệm nhỏ nhoi đã huân tập, giọng nói bảo vệ kia cũng thì thầm một điều vô căn cứ nhất như sau: “Nếu cứ tiếp tục như thế này, ta sẽ chết mất. Phải ngừng ngay đi thôi.”

Tọa thiền rồi lại tọa thiền, tôi chẳng gặt hái được gì ngoài sự buồn nản và mệt mỏi; cả đầu óc lẫn thân thể tôi bắt đầu không hoạt động được bình thường. Ý nghĩ tôi sẽ chắc chắn phải chết nếu cứ tiếp tục như thế này cứ lớn vồn biết bao nhiêu lần, làm gián đoạn sự tu tập của tôi. Nhưng để cho bạn được biết kết cuộc trước khi diễn

giải lại, tôi có thể nói là mọi sự đã không hề đi đến ngõ rẽ tôi đã lo sợ. Sự kiệt lực và những nỗi khổ tận cùng không làm chết được, trái lại, đã biến thái theo một đường vòng và trở về ngay chỗ khởi điểm đã bắt đầu. Một đêm nọ, vào lúc nửa đêm, tôi đang ngồi với cả một khối mệt mỏi đè nặng trên chiếc gối tựa thiên, đầu óc và tâm trí như mê muội trong một tình trạng mơ hồ, không còn cả sức lực để khơi dậy ước muốn được giác ngộ nữa; đột nhiên, màn sương mù dày đặc bao phủ bỗng tan biến và cả một thế giới sáng tỏ chợt hiển hiện. Thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, nhưng đó là một thế giới không còn thấy có *cái tôi!* Tôi không thể nào cắt nghĩa đầy đủ trạng thái ấy như thế nào. Nếu cố tìm cách giảng giải sẽ bị lạc qua một hướng khác. Có một điều tôi chắc chắn là trong giây phút ấy, tôi đã nhận thức được tính thanh tịnh hoàn toàn của tâm thể đã có ngay khi vừa sinh ra đời. Tôi không thể nào đè nén được sự an lạc dâng trào. Không muốn về phòng đợi đến tiếng chuông đánh thức sáng mai, tôi đột xuất đi gặp thầy và được cho phép rời chùa trong vòng hai tiếng đồng hồ để đi báo tin kinh nghiệm này cho lão sư Zuigan.

Tôi đi bộ qua bóng đêm tối đen, về chùa Daishuin trong vòng chưa đầy một tiếng đồng hồ. Khi tới nơi, Lão sư vẫn còn nằm trong giường ngủ. Tôi bò đến gần gối của ngài, nói gọn, “Rốt cuộc, con đã thấy rồi.”

Lão sư ngồi bật dậy, chăm chú nhìn tôi một lúc thật soi mói, rồi nói, “Bây giờ mới là bắt đầu. Mới là bắt đầu thôi. Hãy an trụ vững chãi.”

Đó là tất cả những gì ngài đã nói với tôi. Từ lúc đó cho đến mười sáu năm về sau, khi tôi bước vào tuổi bốn mươi và Lão sư Zuigan qua đời vào tuổi tám mươi bảy, dù ở trong thiền viện hay nơi tự viện, tôi cũng vẫn tiếp tục tham công án. Không, tôi phải nói rằng tới bây giờ tôi vẫn còn tiếp tục. Ở đây không phải chỉ là vấn đề công án Thiền, mà là vấn đề công án sống thực của đời người, vẫn tiếp tục mãi mãi vô hạn định.

Thức tỉnh thấy được bộ mặt xưa nay của mình – *giác ngộ* – không có nghĩa là khả năng giải thích con người của mình hay biết được nguồn gốc của mình. Giác ngộ là giải thoát khỏi những vướng mắc của kiến thức và kinh nghiệm riêng tư đã tích lũy và bám chặt từ lâu đời lâu kiếp mà chúng ta không hề hay biết, như những chất cặn đóng lại hay chất cholesterol bám chặt trong mạch máu chúng ta. Đó là sự biểu hiện linh động, sống thực của tâm nguyên thủy đã sẵn có khi chúng ta sinh ra – tâm không hình tướng, không trí óc, không trụ vào đâu, cũng không bám theo sắc trần hay tư tưởng, nhưng lúc nào cũng chuyển vận thật năng động. Nói cho cùng, giác ngộ không phải là điểm chung cuộc, mà hơn thế nữa là điểm khởi đầu.

Tôi đã nói rất dài dòng về đời sống trong một thiền viện, một vấn đề có vẻ hoàn toàn không dính dáng đến cuộc đời riêng tư của bạn đọc. Tuy nhiên, tất cả mọi người, không cần biết họ sống cuộc đời như thế nào, đều

xem bản thân mình là quý hơn hết thảy. Tất cả mọi người đều muốn được hạnh phúc. Và giác ngộ là điểm khởi đầu của nguồn hạnh phúc. Chúng ta có thể dùng chữ *niềm tin nơi con người thực* thay cho chữ *giác ngộ*. Niềm tin nơi con người thực của mình là điều cần yếu để đưa đến hạnh phúc.

Năng lực niềm tin nơi chính mình không đạt được nhờ sự tu luyện. Năng lực rộng lớn ấy vượt trên sắc thân chúng ta, chính nó đã đem sự sống vào con người chúng ta. Mục đích tu Thiền là đánh thức năng lực sẵn có ấy mà chúng ta đã quên mất, chứ không phải thu vào một năng lực mới. Khi đã tìm kiếm và tìm kiếm đến tận cùng, bạn sẽ nhận ra điều mà bạn đã sẵn có từ lúc ban đầu – ngay cả từ trước khi bạn bắt đầu tìm kiếm – đây là một sự tràn đầy nhiệm mầu biết bao. Sau khi đã gõ cửa không ngừng và liên tục, bạn mới nhận thấy thật ra cửa đã mở rộng ngay cả từ trước khi bạn bắt đầu đập tay vào. Tu chính là để mang điều đó lại cho chúng ta.

Không chỉ ở nơi đặc biệt lập ra cho sự tu tập, mà bất cứ lúc nào và ở đâu, một người nỗ lực trong sự trang nghiêm, không lo lắng đến kết quả và không lùi bước trước thất vọng, sẽ là bậc chân tu, người thực sự đi theo con đường Đạo. Tôi tin tưởng chỉ điều đó thôi cũng là có tính cách đem lại an vui lợi lạc cho con người.

Phần Ba
NỖ HOA

- XX -

ĐIỀU GÌ ĐÂY?

Kể cho bạn nghe những kinh nghiệm trong những ngày đầu tu tập rồi, bây giờ tôi xin chia sẻ vài kinh nghiệm mới đây hơn, khi vai trò đã đảo ngược và tôi đã thành một vị thầy. Chia sẻ những câu chuyện này, điều quan trọng đối với tôi không phải là cho đạo Phật được hưng thịnh hay Thiên tông được phổ biến toàn thế giới này, mà nhiều hơn, là cho mỗi người trong chúng ta có thể sống cuộc đời này một cách toàn vẹn, trong ý nghĩa chân thật nhất, cho đến ngày nhắm mắt lìa đời, trong sự mãn nguyện và an bình nơi tâm. Chính trong niềm hi vọng này mà tôi đã đi thuyết giảng.

Một thanh niên trẻ có họ với tôi, còn trong lứa tuổi đôi mươi, một hôm đến thăm tôi với một điều thắc mắc. Làm việc trong một hãng mậu dịch, anh thường có cơ hội tiếp đón khách hàng từ các nước khác, và qua câu chuyện trao đổi thân mật, những người khách này thường hỏi về tôn giáo của anh. Anh bảo khi trả lời họ là anh không có tôn giáo nào cả, những vị khách ấy có vẻ phản ứng một cách ngờ vực.

“Có vẻ như những người ngoại quốc ấy xem tôn giáo là rất quan trọng,” anh nhận xét, “trong khi người

Nhật chúng ta lại chẳng biết gì cả. Thật sự là những người trẻ tuổi như chúng con đây chỉ tiếp xúc với tôn giáo qua những việc tang lễ, ngoài ra con không cảm thấy tôn giáo cần thiết chỗ nào. Thầy nghĩ sao, với cảm nghĩ như vậy, tôn giáo có còn là quan trọng không?”

Điều anh ta hỏi cơ bản là: Tôn giáo là về cái gì?

Trong tiếng Nhật, chữ *tôn giáo* gồm có hai nghĩa *chính* (hay *gốc*) và *dạy dỗ*. Vì vậy, tôi nói với anh ta, “Tôn giáo là ở ngay gốc của cái mà chúng ta gọi là đời sống. Ta có thể nói rằng có vô số những điều dạy chúng ta trong đời và tôn giáo là chính thống và cơ bản nhất trong những điều dạy này.”

Khi anh chàng trẻ tuổi nghe giải thích như vậy, anh nói, “Như vậy có nghĩa tôn giáo là cách căn bản nhất nghĩ về cuộc đời, phải không? Nói cách khác, mình có thể diễn dịch như là một *nhân sinh quan* được không?”

Tôi đáp rằng có thể nói như vậy, nhưng tôi cũng hỏi anh về nhân sinh quan của anh như thế nào.

“À, con nghĩ rằng mục đích đời người là xây dựng một việc gì bằng nỗ lực của chính mình,” anh trả lời.

Đó cũng là một quan điểm về cuộc đời. Trước đây, chính tôi cũng đã từng có lúc nghĩ như vậy. Trong những ngày son trẻ, tôi đã tin tưởng rằng làm người tức là có khả năng thụ đắc điều gì đó.

Có những người có thể chạy đua đến hơn bốn mươi cây số. Chúng ta biết rằng nếu luyện tập thân thể sẽ có được sức mạnh thể lực; sự phát triển thể lực có thể được thực hiện trong một hạn tuổi nào đó. Bằng học tập, bạn có thể hiểu được bất cứ điều gì bạn muốn. Bạn có thể tích lũy những kinh nghiệm của mình. Nếu nỗ lực đầy đủ, bạn có thể có thêm nhiều bạn bè, kiếm được người yêu. Bạn có thể lập gia đình, tạo mãi tài sản, xây nhà để ở. Trong cuộc đời, có một thời kỳ bạn cảm thấy thế giới như ở trong tay bạn, thời kỳ mà quan điểm hay mục đích cuộc đời là *xây dựng một điều gì qua nỗ lực chính mình* có thể thích hợp.

Thế rồi sau đó, khi già đi, bạn cần có kính đeo mắt để đọc sách, tai bạn bắt đầu ù, răng lung lay dần. Khi đứa bé ở tuổi mẫu giáo mất chiếc răng, sẽ có chiếc răng khác tốt hơn mọc ra, nhưng khi người lớn mất răng, chiếc răng đó sẽ mất mãi mãi! Từ thần sẽ đến, cướp đi những người bạn thân thiết nhất của mình. Những đứa con bạn đã hi sinh nhường cơm sẻ áo sẽ xa rời tổ ấm của gia đình. Rồi tuổi về hưu xế chiều đến, công việc bạn đã từng bỏ bao nhiêu công sức vào cũng phải bỏ đi. Bạn bắt đầu quên đi những điều bạn tưởng đã học được. Những bắp thịt rắn chắc bạn đã cố công tập luyện sẽ mất đi, và không bao giờ trở lại. Dù cho một người có nhìn cuộc đời như thế nào chẳng nữa, họ sẽ cảm thấy thật thấm thía rằng đời

người không phải là một điều gì có thể thêm vào, mà chỉ là mất đi.

Tôi hỏi người bà con trẻ tuổi của tôi, “Khi thời kỳ đó đến, quan điểm về cuộc đời của anh có còn giúp được gì không?”

Anh chàng trông có vẻ hơi ngượng ngịu khi cúi đầu xuống, thú nhận rằng có lẽ anh đã hơi tự kiêu quá, và có lẽ cũng nên ít nhất tìm hiểu xem tôn giáo nói thế nào. Anh còn xin tôi hướng dẫn cho anh nữa.

Tất cả mọi người chúng ta đều hay tạo dựng quan điểm riêng tùy theo tuổi tác và hoàn cảnh trong đời sống, từ đó có những lối sống biến đổi và phức tạp khác nhau. Tôn giáo, tuy vậy, không phải một nhân sinh quan có giá trị chỉ trong thời gian nào. Đó là giáo pháp luôn luôn được ứng dụng trong mọi thời, luôn luôn đúng thực, không phân biệt tuổi tác và hoàn cảnh.

Mọi hiện tượng trên thế gian đều thường xuyên thay đổi; tất cả đều trải qua một thời trường dưỡng (*thành*), một thời bảo trì (*tru*), và rồi trở về với hư không – sinh, lão, bệnh, và tử. Không một cố gắng nào có thể khiến bạn tránh được diễn biến của sự lão hóa. Không một nỗ lực nào có thể giúp bạn tránh khỏi cái chết. Những gì tích lũy được rồi sẽ mất đi, những gì sinh rồi sẽ diệt, những gì được xây dựng lên rồi cũng sẽ bị tiêu hủy. Một quan

điểm về bản chất cuộc đời sẽ giúp chúng ta vượt qua đau khổ khi phải đối mặt.

Tôi tin tưởng tự đáy lòng, rằng điều chúng ta gọi là tôn giáo chính là điều quan trọng nhất cho con người. Tôi không thể nhấn mạnh đầy đủ, rằng mục tiêu tối thượng của tôn giáo, dù chúng ta gọi đó là giác ngộ hay là tâm bình an, vẫn là làm sao mỗi người được sống an bình, được sống một đời đầy đủ và toại nguyện.

Hàng năm tôi đều đi Hokkaido (miền Bắc nước Nhật) để thuyết giảng, và sau một buổi nói chuyện trong cuộc họp UNESCO ở Sapporo, ông chủ tịch đến tìm tôi nhận xét rằng: “Chúng tôi hân hạnh được nghe thầy diễn thuyết một bài rất dài và hữu ích, nhưng tôi già rồi, không thể nào nhớ hết một bài dài như thế được. Hơn nữa, tôi cũng đã là một Phật tử rồi; mỗi buổi sáng trước khi đi làm và mỗi buổi tối khi về nhà tôi đều thắp hương trên bàn thờ và tụng một bài kinh. Vấn đề là tôi bị bắt buộc phải giải thể, từng cái một, phần lớn những công ty tôi đang quản lý, và điều này làm cho tôi bị xáo trộn rất nhiều. Thế thì, Lão sư”, ông nói thẳng thừng, “Tôi không muốn nghe diễn thuyết dài dòng. Tôi muốn thầy nói, chỉ trong một chữ, làm sao tôi có thể an được cái tâm đang xáo trộn của tôi.”

Những vị cao niên đôi khi thật khó tính, phải không bạn? Tôi đã bỏ công diễn thuyết thật trọn vẹn vấn đề đó,

bây giờ ông muốn chỉ tóm lại trong một chữ thôi! Tôi trả lời bằng cách hỏi ông khi thắp hương và tụng kinh trước bàn thờ ông cầu nguyện cho ai.

“Thì, dĩ nhiên là nhờ tổ tiên mà tôi mới có mặt ở đây,” ông trả lời. “Nên tôi thắp nén hương để tỏ lòng biết ơn tổ tiên và Phật tổ.”

“Trong trường hợp đó”, tôi bảo ông, “bắt đầu từ đêm nay, hãy thắp hai nén hương. Một nén để tỏ lòng tri ân tổ tiên, như ông vẫn thường làm. Một nén kia để thắp cho cái xác của ông.”

Chúng ta thường xem sự sống của mình là một điều đương nhiên, và như thế hay làm lạc khi hoàn cảnh có vấn đề, và mê mờ không phán đoán được cho đúng thực. Nhưng mặt khác, khi nhìn vào cái chết của một người khác, chúng ta lại rất bén nhạy với sự mong manh của mọi sự trên đời này.

Nếu cùng với những suy tưởng đó chúng ta nhìn vào xác thân mình, có lẽ chúng ta sẽ không còn muốn mình bị lôi cuốn vào những dây mơ rễ má các vấn đề. Chúng ta có thể tự giải thoát mình và quyết định hành động đúng vào căn bản những vấn đề, vào tận gốc rễ. Đó là điều tôi ám chỉ khi bảo vị cao niên ấy ngày đêm thắp một nén hương cho thân xác chính mình.

Sau khi chấm dứt một bài giảng, tôi thường yêu cầu mọi người hãy quên đi tất cả những gì tôi đã nói.

Đó là vì chúng ta hay có khuynh hướng thu thập những bài giảng chỉ như những tài liệu, mang về nhà, rồi trích dẫn từ đó làm nguyên liệu để chỉ trích môi trường chung quanh chúng ta. Điều trở thành nguyên nhân tranh cãi không phải là trí tuệ, và không khác gì mầm mống gieo trồng cho sự than phiền và bất mãn. Có nhiều trường hợp, chúng ta càng cảm thấy biết nhiều một vấn đề lại càng bất mãn và bực bội hơn.

Những kiến thức thu lượm được trong vấn đề tôn giáo không có giá trị nhiều. Tôn giáo, nói cho tới cùng, là điều phải tự kiểm chứng qua thực hành.

Có nhiều người sẵn sàng muốn theo học những kỹ năng giúp họ sống trong đời. Nhưng người muốn tìm cách xác định gốc rễ đời sống và vượt lên khỏi những kỹ năng để đi vào căn bản – tôn giáo đích thực – thì cực kỳ hiếm hoi. Hiện trạng đó tôi thấy thật đáng tiếc vô cùng. Vì thế tôi không thể nào không thúc giục bạn đừng đánh giá cuộc sống hằng ngày của mình dựa trên những điều bạn tưởng là đã biết, trên căn bản những tài liệu thu thập được. Tôi muốn bạn thức tỉnh nhận thấy Phật tính trong vạn pháp và đi tìm đường lối sống chân chính. Nhưng đừng rơi vào sai lầm: bạn có thể trở thành một hạng người bất mãn hay thành một vị Phật giác ngộ, điều đó hoàn toàn tùy thuộc nơi bạn, hoàn toàn tùy thuộc vào hành động thực tế của chính bạn.

*

- XXI -

THƯỢNG ĐẾ Ở NGAY ĐÂY

Mùa hè, tôi thường qua Anh Quốc diễn thuyết trong khóa tu học mùa hè do Hội Phật Giáo ở đó bảo trợ. Sau những buổi nói chuyện, những bà mẹ trẻ ôm con trong tay đôi khi đến tìm tôi với nhiều câu hỏi. Gần như lúc nào họ cũng hỏi tôi làm sao dạy con cái họ biết Phật pháp. *(Thật bất hạnh là, trong bao nhiêu năm làm tư vấn cho vô số người ở tại Nhật Bản này, chưa bao giờ có ai hỏi tôi câu này cả.)*

Những phụ nữ này, là thành viên một xã hội được gán cho tính cách cá nhân chủ nghĩa, đã biết từ trong xương tủy rằng tự do chân chính có nghĩa không nương tựa vào người khác. Người ta thường hay xem tự do là có quyền làm mọi việc theo ý mình, nhưng những người xuất thân từ những quốc gia có truyền thống cấp tiến thường có ý thức thật bén nhạy rằng cốt yếu của tự do là không cần đến sự giúp đỡ của người khác. Vì hiểu tự do trong nghĩa đó, họ lấy một tuần lễ nghỉ phép để dấn thân vào một lối sống mới lạ, tự kỷ luật mình qua những buổi tọa thiền đau đớn thân xác và lắng nghe thuyết pháp trong sự chân thành nhất mực. Đồng thời họ cũng cầu

nguyện Phật pháp nhiệm mầu đã cảm nhận sâu xa có thể truyền lại cho con cháu họ để giúp có một đời sống đáng quý.

Một người mẹ trẻ đã có lần đến với tôi với câu chuyện về bé gái năm tuổi con bà. Một buổi sáng khi bà và chồng đang uống trà nơi hiên nhà, bé gái chơi ngoài vườn với bạn. Hình như là bạn quay qua em và nói rằng, “Ông tao mới mất. Bây giờ ông đang lên ở với Thượng đế trên Thiên đàng.”

Trong khi cha mẹ em không chú ý gì lắm, họ bỗng nghe thấy đứa con gái năm tuổi của họ bất đồng ý kiến với bạn. “Không, không,” em nói một cách tin tưởng. “Nếu ông mày mất và lên Thượng đế, ông không ở Thiên đàng đâu. Thượng đế ở ngay đây này, trong mày và tao, trong đóa hoa này nữa đó. Vì thế ông mày chẳng đi đâu hết.” Đứa bé gái khẳng khẳng nói, “Mẹ tao tọa thiền nên biết hết đó.”

Tôi nói với người mẹ trẻ rằng đây thật là một câu chuyện tuyệt vời.

Khi cha mẹ khuyên răn con không được phung phí, đứa trẻ có thể phản ứng bằng cách gọi cha mẹ là keo kiệt và nêu lên rằng bất cứ thứ gì rồi cũng có thể mua thêm được. Ít có cha mẹ nào có thể đặt ra luật lệ và kiên trì sửa sai con mình hoài được. Đến khi lớn, tất nhiên sẽ

có những lúc chúng buông mình trong tình trạng chán nản tuyệt vọng. Những đứa trẻ được cha mẹ nuông chiều thường hay mạnh miệng nói trả treo rằng, “Đó là việc của con! Cha mẹ không phải là con; cha mẹ không hiểu con gì cả. Để cho con yên có được không! Con có muốn sinh ra đời đâu.” Người cha hay mẹ bị con mình mắng lại như thế không còn có thể nói gì được nữa.

“So sánh tình trạng của bậc phụ huynh đó với tình trạng của bà,” tôi nói với người mẹ Anh Quốc, “Con bà biết được Thượng đế ở ngay nơi nó và nơi tất cả mọi vật. Nhờ biết như vậy, khi con bà có phí phạm vật gì, bà có thể hỏi làm như thế nó không thấy đã hơi xử tệ với Thượng đế trong đó hay sao. Nhắc nhở như vậy, cô bé sẽ tự thấy được sai lầm trong hành động của mình.”

Khi bé cảm thấy thất vọng, bà có thể hỏi em là nếu em không đối xử tử tế với mình liệu có làm cho Phật ở nơi em buồn không, và rồi cho em về phòng suy nghĩ điều này một mình. Chỉ cần nhắc nhở điều em đã biết, chắc đứa trẻ sẽ có thể tự mình đứng dậy được chứ? Nếu giáo dục em trong đường lối như vậy sẽ rất dễ dàng.”

Cặp vợ chồng này chỉ có cơ hội đặt câu hỏi và được tôi hướng dẫn một lần một năm trong thời gian một tuần, nhưng họ thường thảo luận với nhau về những kinh nghiệm đôi bên, hằng ngày một, 365 ngày trong năm.

Bởi vì đó là một phần câu chuyện nói hằng ngày của họ, em bé năm tuổi con họ có thể nói một cách vững chắc rằng Thượng đế ở nơi em và nơi bạn nữa; Thượng đế cũng ở cả hoa lá, đá sỏi và tất cả mọi thứ.

Những lời nói này thấm vào trong tôi thật tự nhiên như nước thấm qua đất cát vậy.

*

- XXII -

CÁI CHẾT CÓ BÍ HIỂM KHÔNG?

Tuy tôn giáo là về những điều không liên hệ đến sự chết, nhưng ở đây, để rộng đường thảo luận, chúng ta hãy lui mười bước và coi như không phải vậy, thật ra là sự chết có ảnh hưởng chủ yếu trên tôn giáo. Có cách nào để chúng ta nghĩ đến sự sống mà không nghĩ đến sự chết không? Xã hội chúng ta có khuynh hướng rất thiên về tuổi trẻ, và khi già đi, chúng ta thường hay nhìn cuộc đời như đang trên đà xuống dốc từ ngọn đồi cao, như sự phế thải cô đơn của một đời người.

Nhưng vấn đề không chỉ là như vậy. Có thể nào chúng ta thực sự sống trọn vẹn được mà không biết nhìn kỹ vào sự chết không? Tôi không tin điều đó có thể được. Nếu không nhìn thẳng vào sự chết, như là mặt trái của sự sống, chúng ta không thể nào sống trọn vẹn và đầy đủ được. Tôi hoàn toàn tin chắc như vậy.

Nhìn sự chết như cách biệt và xa vời với sự sống, chúng ta thường không ưa thích cái chết. Khi nghĩ rằng sẽ mất hết tất cả những gì đã tích lũy được, những người đã nỗ lực thật nhiều trong đời sẽ đặc biệt thù ghét cái chết và họ còn không muốn nhắc đến vấn đề đó nữa. Ngoài ra, nếu có ai nghĩ về sự chết đều có một ý nghĩ như

nhau là cái chết là điều không thể hiểu được. Lý luận của họ là không thể biết đến cái chết được vì người ta không thể kinh nghiệm trong khi còn sống, và không có ai chết rồi mà trở về để kể cho chúng ta nghe được. Tuy rằng có những người đã trở về sau khi trải qua cái chết giả, nhưng không một ai chết thật trở về sau đó vài năm để kể chúng ta nghe về thế giới bên kia. Một vài người nói rằng, nghĩ về sự chết là chỉ phí thời giờ.

Chấp trước trong thái độ đó, chúng ta sẵn sàng đơn giản hóa ý nghĩa câu Không Tử nói: “Chưa biết gì về sống, làm sao chúng ta biết về chết được?” Chúng ta cho rằng có thể tập trung sống trọn vẹn mà không cần phải nhìn kỹ đến cái chết. Do đó chúng ta thường hạ thấp tầm quan trọng của sự chết để không cần nghĩ đến.

Nhưng thực sự chết có phải là điều gì chúng ta không thể biết đến không?

Có một điều chúng ta chắc chắn sẽ gặp phải trong đời sống hằng ngày của chúng ta, chính đó là sự chết. Người ta chết khắp nơi. Hơn thế nữa, còn có những cái chết của gia súc như chó, mèo, chim chóc nuôi trong nhà. Còn cây cối bạn mua ở vườn cây đem về trong chậu nữa, chúng cũng khô héo và chết đó thôi? Còn bông hoa tươi mỹ thuật mua ở tiệm về cũng tàn tạ dần trong những kiêu trung bày đó thôi? Rồi cái tách đặc biệt bạn dùng đến hằng ngày và giữ gìn cẩn thận, một ngày nào sẽ vượt

khỏi tay bạn và rơi xuống đất vỡ tan tành. Cái *chết* luôn luôn ở đó, với ý nghĩa của sự biệt ly.

Nếu sự chết chiếm một phần đáng kể như vậy trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, làm sao chúng ta không biết đến được? Tại sao chúng ta cứ nhất quyết cho rằng không thể nào biết đến sự chết được khi cái chết vẫn hiện hữu thường nhật nơi cuộc đời chúng ta? Làm sao chúng ta có thể bác bỏ vấn đề này một cách lơ là như vậy được?

Nguyên nhân căn để bác bỏ sự chết của chúng ta là, theo từ ngữ Phật pháp, quan điểm đối đãi của *năng* và *sở* – của ta và ngoài ta – “Đó là người ta, còn đây là tôi.” Chúng ta thường hay lãnh đạm với những gì thấy có vẻ không trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của mình trong hiện tại – “Điều ấy thì liên quan gì đến tôi?”

Tuy rằng sự chết tràn lan chung quanh, chúng ta thường xem đó như là cái chết của cái gì hay người nào khác chúng ta. Nhưng làm sao biện minh điều đó được?

Sự phân biệt rõ ràng giữa chúng ta và người khác có nói lên được thực chất trong tình trạng của chúng ta không? Giữa những người chúng ta, có phải là không có gì trung gian nối kết với nhau không?

*

- XXIII -

TÂM NHU THỦY

Bất cứ khi nào đi diễn thuyết ở ngoại quốc, tôi cũng đều đi với một thông dịch viên. Có một dịp, trước buổi nói chuyện ở Anh Quốc, người thông dịch này nói với tôi rằng: “Lão sư, thầy thường hay dùng chữ *chúng ta* ngay cả khi thầy nói về chính mình. Nhưng trong một xã hội cá nhân chủ nghĩa như ở nước Anh này, nếu con dịch nguyên văn chữ *chúng ta* ấy, thầy sẽ mất đi một chút hấp lực đối với họ. Vì vậy, ngay cả khi thầy nói *chúng ta*, mà con biết chắc rằng thầy có ý nói là *tôi*, con sẽ muốn dùng chữ *tôi* để thông dịch. Mong thầy thông cảm cho phép con được làm như vậy.”

Tôi lấy làm lạ khi nghe như vậy. Nghĩ lại, tôi nhận ra rằng người Nhật, ở trong một nhóm, khi nói chuyện có dùng từ *chúng ta* thật mơ hồ, và như thế áp đặt mọi người vào với nhau mà không hề có sự đồng ý trước của những cá nhân liên hệ. Và khi làm như vậy là đã trốn tránh được trách nhiệm cho cá nhân. Tuy nhiên, khi đào sâu hơn vào vấn đề, tôi không thấy được đó là điều sai lầm khi dùng chữ *chúng tôi*.

Bạn có thể giả dụ là có nhiều thực thể riêng biệt gọi là *tôi* đã đến với nhau hợp thành một nhóm gọi là *chúng ta*. Nhưng đây không hẳn là thực chất của vấn đề.

Hãy suy gẫm như thế này: giả sử có một người đang ở trong tâm trạng rất chân thực và an tĩnh, không một lo nghĩ nào, tinh thần thật sáng suốt và lành mạnh. (Khi tâm đang quần quai và bế tắc thì đó lại là chuyện khác). Giả sử người ấy là bà nội trợ đang ở trong bếp một buổi tối, bà nghe tiếng chân quen thuộc của ông chồng đang về đến nhà. Vợ vĩa lau tay vào cái yếm mặc ngoài, bà ra cửa đón chồng. Trong giây phút đó người này – với bộ mặt của người vợ, tiếng nói người vợ, thân hình và cử chỉ người vợ – là một người vợ đang đi ra đón chồng.

Thế rồi, đúng lúc bà đang đưa tay ra lấy áo khoác của chồng, một giọng nói vang ra từ đằng sau, “Mẹ!” Bà quay lại trả lời, “Gi đó con?” Ngay lúc đó người này không còn mang bộ mặt người vợ nữa, mà bộ mặt người mẹ, tiếng nói người mẹ, cử chỉ người mẹ. Thế rồi, một người bạn láng giềng đến gọi cửa, bà tiếp đón khách không phải với bộ mặt người vợ hay người mẹ, mà với bộ mặt một người bạn hàng xóm.

Có thể khi bạn đọc những điều này, bạn sẽ tưởng tượng hình dáng bề ngoài tôi như vị thầy tăng. Nhưng sáng mai tôi sẽ đi viếng mộ cha mẹ tôi. Đúng trước mộ, tôi chỉ là đứa trẻ không hơn không kém. Đối trước với cha mẹ mình là đứa trẻ, đối trước với con mình là bậc phụ huynh, đối trước chồng mình là người vợ, đối trước vợ mình là người chồng. Ở nơi làm việc, bộ mặt và bề

ngoài người ta khoác lên tùy thuộc vào địa vị trong sở. Đó là thực chất bề ngoài của chúng ta.

Không có thực thể nào gọi là *tôi* di chuyển từ điểm này sang điểm khác, lúc này qua lúc khác. Mà đúng hơn, qua những lúc gặp gỡ chuyên biệt nào đó với những người chuyên biệt nào đó, trong mỗi lần gặp gỡ, trong mỗi sự giao tiếp, cái gọi là *tôi* sẽ xuất hiện. Như vậy ta thấy dường như một cái gì ở ngoài con người chúng ta, thật ra, lại bổ túc cho chúng ta, làm cho mỗi giây phút trong cuộc đời thêm phần rục rờ.

Nếu bạn hiểu được điều này, bạn sẽ hiểu tại sao Thiên tông dùng sự tu tập để đạt giác ngộ bằng cách quán chiếu thật thâm sâu vào tâm mình. Nếu tâm đó là của riêng bạn, dù không ngừng soi chiếu vào thật miên mật, bạn cũng không thể ngộ được chân lý chung nhất của vạn pháp. Nhưng tâm bạn không phải là một vật sở hữu cá nhân, không phải chỉ là của riêng bạn thôi.

Tâm bạn, sự sống trong bạn, được sanh ra trong sự liên đới với môi trường. Tâm bạn là đời sống của vũ trụ rộng lớn vĩ đại này. Chính tâm chúng ta là chiếc nôi từ đó khởi đầu mọi sự, và như *tôi* là một biểu hiện tánh Phật, bạn cũng là một biểu hiện tánh Phật. Vì thế, Thiên tông dạy rằng chúng ta không nên cố gắng để biết *hết mọi sự*, mà chúng ta phải tìm hiểu những gì gần mình nhất, đó là thân và tâm mình. Vì thế chỉ cần nhìn sâu vào tâm bé nhỏ

của bạn, bạn cũng có thể mẫn cảm với tâm người khác – không những thế còn có thể ngộ được chân lý của toàn thể vũ trụ vô biên này nữa!

Chúng ta không hiện hữu như những thỏi nước đá, di chuyển một cách cứng nhắc từ nơi này sang nơi khác, mà chúng ta như giòng nước chảy tự do, lúc vào cái hộp bốn góc, lúc ở trong cái hộp ba góc, mỗi lúc mỗi sinh ra lại và đổi mới. Tôi tin rằng đó là sự thực trong sự hiện hữu của chúng ta, và sự tồn tại như thế của con người, sự tồn tại như thế của vạn pháp trong vũ trụ này, là điều Đức Phật tuyên dương.

Xét như vậy, chúng ta không phải là những cá thể, những cái *tôi* tập hợp lại để làm thành *chúng ta*, nhưng trong sự hiện diện của *chúng ta*, có một thứ gọi là *tôi* đã khởi lên. Tôi tin rằng đây cũng là một sự thực.

Khi hòa đồng với thể tính nguyên thủy nơi mình, chúng ta sẽ thông cảm được sự chết, đau đớn, buồn khổ, hạnh phúc của người khác như của chính mình.

*

- XXIV -

CÁI CHẾT CỦA ÔNG TÔI

Năm trước khi tôi vào trường tiểu học, trong một ngày hè nóng đỏ lửa, ông tôi dẫn tôi đi xem đô vật trong thành phố. Ông tôi bao giờ cũng rất cưng chiều tôi. Chúng tôi rời nhà đi vào buổi sáng, và có lẽ ông định về nhà từ lúc trưa, nhưng vì tôi vòi vĩnh nên rốt cuộc chúng tôi đã ở ngoài đường suốt ngày và đến tối mới trở về nhà. Hậu quả là sau khi ở ngoài nắng quá lâu, Ông bị trúng nắng. Dù mới là một đứa bé sáu tuổi, tôi cũng nhận ra sự vòi vĩnh của tôi là nguyên nhân tình trạng bất thường của Ông.

Cha tôi, vốn là một bác sĩ, đã không đưa ông đến bệnh viện, nhưng để ông ở nhà chăm sóc và nuôi dưỡng. Lúc bảy giờ mới bắt đầu triều đại Chiêu Hòa (*Showa*), trong thập niên 1930, những cách chữa trị còn rất thô sơ. Một tảng nước đá được đặt trong một đĩa thiếc mỏng, và khi nước đá tan ra, thì nước lạnh đó được dùng để làm hạ nhiệt nơi lông mày của Ông.

Cả nhà tôi lúc ấy náo loạn lên, cử người đi gọi bà con họ hàng. Thời ấy điều kiện không dễ dàng như bây giờ chỉ việc nhảy lên xe lái đến nơi sau khi nhận một cú

điện thoại; nhận được tin báo, bà con muốn đến phải đi bộ vượt núi với đôi dép rơm.

Tôi hoàn toàn bị bỏ rơi trong khi mọi người tề tựu và, từng giây từng phút một, hết vui mừng lại đến than khóc, tùy theo tình trạng biến đổi của Ông. Thấy những người trong họ như vậy và cùng lúc cảm thấy không khí xáo trộn trong gia đình, tôi bỗng sợ hãi. Tôi chạy trốn lên gác và nằm bẹp nơi cầu thang ngắm nhìn quang cảnh phía dưới. Nhìn xuống cảnh tượng hoang mang yên lặng dưới nhà, tôi nhận ra ông tôi sắp chết. Tôi nhớ mình đã tự hỏi không biết như vậy có nghĩa là tôi có còn gặp được Ông nữa hay không.

Bởi vì đối với một đứa trẻ như tôi, ý tưởng Ông đột nhiên có thể biến mất không phải là điều gì dễ dàng thấu hiểu được. Ông tôi vẫn thường luôn ở đó, lúc nào cũng bày tỏ thật nhiều tình thương mến. Trong khi tôi đang ngắm nghĩ vấn đề đó, mẹ tôi trèo lên gác tìm tôi và giải thích cho tôi biết rằng Ông sắp chết rồi.

“Khi một người sắp chết”, mẹ nói, “người ấy khát nước lắm, nên chúng ta phải cho họ uống nước. Bởi vì Ông đã cưng chiều con hơn hết thầy mấy đứa cháu khác, con phải xuống cho Ông uống nước.” Thế là tôi bị lôi xuống dưới nhà.

Tôi được đưa cho một miếng bông thấm nước để lau môi cho Ông. Tôi thấy rõ ràng trong khi trán ông ẩm

ướt, thì miệng ông ngậm chặt lại, đôi môi khô và nứt nẻ, và tôi cảm thấy như ông đang rất khát nước. Khi tôi bắt đầu lau nhẹ, những giọt nước chảy vào những đường trên môi ông và làm cho ẩm ướt, nhưng không có một giọt nào lọt được vào miệng của ông. Tưởng không dùng đủ nước, tôi vắt miếng bông gòn ướt lên miệng ông. Nước chảy rờn rờn nơi mặt ông, nhưng vẫn không có một giọt nào lọt vào miệng ông được.

Ông tôi vốn hay có thú uống trà, và bây giờ đang khát nước như vậy, lại không thể mở miệng ra để nuốt lấy một ngụm nước. Cảm giác có một thay đổi lớn đang diễn ra đã thấm thấu vào trong tâm đũa trẻ này đến tận xương tủy. Không bao lâu sau đó, Ông thở hơi cuối cùng, chúng tôi tắm rửa xác ông để sửa soạn hỏa thiêu.

Người ta thường nghĩ thật là tội cho người chết, khi đang trên đường đến cõi Tịnh Độ của Đức Phật Di Đà, lại phải đem theo bụi trần của thế gian này, cho nên người chết thường được tắm rửa lần cuối cùng. Bồn tắm được đổ đầy nước lạnh, sau đó thêm nước nóng vào.

Trong ngày ấy, ở nhà tôi nước nóng được đổ vào bồn, rồi thêm vào một ít rượu, và xác ông tôi được lau với một khăn bông ướt. Tôi được phép lau ngực ông, nhưng cái khăn vọt ra khỏi bàn tay bé nhỏ của tôi, trượt trên da mình của ông. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác khi sờ vào da của ông. Trước đây, khi ông để tôi leo lên vai

ngồi, tôi có thể thấy được làn da nhăn nheo trên gáy ông. Dưới bàn tay tôi, lúc nắm chặt lấy trán ông để khỏi ngã, tôi cảm thấy được làn da nhăn nheo. Lúc đó người ông dẻo dai và ấm áp, trong khi bây giờ đôi tay tôi bất ngờ chạm vào người ông chỉ thấy cứng đơ. Khí lạnh toát ra từ xác ông, hoàn toàn khác với nước đá lạnh, làm cho tôi phát rùng mình. Đứa trẻ sáu tuổi này đã nhận được một bài học sắc bén về sự chết.

Khi đưa quan tài, gia đình mang tôi đi dọc theo những con đường nhỏ hẹp nằm giữa hai bên đồng ruộng. Lò thiêu không phải như ngày nay, với những cửa dày nặng nề như dưới hầm nhà băng. Trông không hơn một cái lỗ, trong đó người nhà cho quan tài vào và qua đó có thể thấy được hai bên. Cái lỗ được chất đầy rơm, và củi đặt chung quanh quan tài. Rồi tất cả mọi người trong gia đình cùng nhóm cây đuốc thông lên cho lửa cháy. Khi rơm cùng củi và quan tài bắt đầu nứt ra và nổ lách tách trong ngọn lửa, chúng tôi đi về nhà đợi ngày hôm sau sẽ đến thu lượm tro cốt của ông. Dù với con mắt một đứa trẻ sáu tuổi, khi tôi ngoái cổ nhìn lại cột khói mờ đục bốc lên từ ống khói ngọn lửa thiêu tôi đã tiếp tay nhóm lên, tôi cũng cảm nhận cái chết như một việc gì thật riêng tư đối với mình. Cái chết không phải chỉ là của *một người nào khác*.

Bây giờ, tôi đang thấy ông tôi – người tôi kính trọng và muốn noi theo – đang bị thiêu đốt. Cái tôi thấy không phải là cái chết của một người nào khác, mà chính là tôi trong tương lai. Tôi đã không nói quá khi nhiều năm sau nhìn lại và kể câu chuyện bi thảm này. Thật sự là tôi lúc ấy, một đứa trẻ sáu tuổi, đã thấy thân xác mình tương lai bị thiêu đốt trong ngọn lửa đó.

*

- XXV -

PHÁP VÔ LẬU

Kể từ kinh nghiệm cái chết của ông tôi, đã có mấy lần tôi có ý tưởng muốn chết, mong muốn tự đáy lòng. Có lẽ đôi lúc bạn cũng cảm nghĩ như vậy. Thực ra, có lần tôi đã từng thử uống thuốc quá liều, nhưng tin rằng một cách vô thức, tôi đã giữ liều lượng thuốc trong vòng an toàn. Tôi không thể chết được. Có lẽ lý do chính khiến tự thâm tâm tôi ngần ngại không muốn chết là vì kinh nghiệm tôi đã trải qua khi chứng kiến cái chết của ông tôi. Việc tôi cảm nhận cái chết và qua kinh nghiệm đó, đã sâu xa tới mức khó thể vượt qua được.

Tuy nhiên, cái *chết* nhiều người biết đến không phải là cái chết tan rã thực sự của thể xác trong tương lai. Thường thì cái chết duy nhất được biết đến là cái chết như trong một phim lịch sử hay một phim kinh dị nào đó người ta thường thức trong khi nằm dài trên sàn nhà hay trên ghế sofa, ăn kẹo hay những món lặt vặt khác.

Tôi xin kể lại một câu chuyện khác, về một người thầy thời tiểu học của tôi, một con người vĩ đại. Suốt từ lớp hai cho đến khi ra trường, các bạn học và tôi đã may mắn được thầy chỉ đạo lớp, và thầy đã có một ảnh hưởng tiên quyết lên trên mỗi người chúng tôi.

Vài năm trước, để kỷ niệm nửa thế kỷ qua từ lúc ra trường, chúng tôi có một buổi hội ngộ. Trong năm mươi học trò thuở trước, hơn mười người đã qua đời, và ba mươi ba người chúng tôi còn lại đã đến thật đông đủ. Chính tôi cũng dẹp bỏ hết mọi việc để đến, vì không muốn bỏ lỡ cơ hội này. Chúng tôi có một buổi tiệc và nghỉ đêm ở nơi du lịch có suối nước nóng, và tuy rằng có uống rượu saké, nhưng không ai đề nghị hát karaoke cả. Ngay cả lúc chúng tôi tụ tập quanh người thầy cũ hồi xưa, uống rượu vui chơi, buổi họp mặt này vẫn có vẻ nghiêm túc. Có nhiều thành viên trong nhóm tham vấn với thầy, và cũng có vài người hỏi tôi về đủ thứ vấn đề ảnh hưởng đến đời sống của họ. Buổi họp mặt tái ngộ này hoàn toàn giống như một khóa tu học nhờ ảnh hưởng sâu đậm của thầy để lại trên chúng tôi trước đây.

Thầy là một nhà mô phạm vĩ đại, và từ khi về hưu, thầy vẫn tiếp tục sống một đời gương mẫu trong cộng đồng. Nếp sống cá nhân của thầy cũng không có điều gì đáng chê trách. Mặc dù đã ngoại tám mươi tuổi, trông thầy vẫn khỏe mạnh hơn bất cứ học trò cũ nào của thầy!

Đến lúc tan tiệc, tất cả những người quây quần chung quanh thầy để nghe những lời vàng ngọc đều có vẻ không muốn làm phiền thầy hơn nữa, nên thầy và tôi đêm ấy được xếp chung một phòng. Chúng tôi để gói bên cạnh nhau, nằm xuống, tắt đèn rồi, bỗng thầy gọi tôi

một cách lịch sự, “Morinaga-san”, thêm tiếng *san* vào tên đứa học trò cũ của thầy thời xa xưa trước đây.

“Xin lỗi, tôi thấy tôi điên quá”, thầy nói tiếp, “nhưng dạo sau này tôi đâm ra sợ chết quá, đến nỗi tôi hầu như cảm thấy rằng giá không được sanh ra lại hơn!”

Những lời của thầy đập vào tai tôi đã đem lại một ấn tượng không nhỏ. Tôi nhớ lại về trước, suốt tám mươi năm ròng rã thầy đã chuyên cần làm việc như thế nào, và sự thú nhận của thầy làm tôi cảm thấy thật mũi lòng.

Con người chúng ta sống một đời sống hữu hạn, hiện thân trong những hình tướng ở thế giới hiện tượng này, và bắt buộc phải chịu sự chi phối của luật nhân quả, luật của nghiệp. Điều cơ bản trong giáo lý đạo Phật là hễ có sanh là có tử; có nỗ lực làm thì mới có kết quả. Tất cả những nghiên cứu khoa học về thiên nhiên và con người đều đặt trên căn bản luật nhân quả này. Không những vậy, trong đời sống hằng ngày, cả những người ít khi suy nghĩ nghiêm chỉnh đến vấn đề này cũng cố sống sao cho nhân tốt mang lại quả tốt.

Tuân theo luật nhân quả, một số người đã không ngừng cố gắng tạo nghiệp tốt và được thành công trong sự nỗ lực của họ. Nhưng khi cuối cùng họ chạm trán bức tường kiên cố sinh, lão, bệnh, tử, không tích trữ thiện nghiệp để giúp họ vượt qua được, và họ sẽ thất vọng vô cùng.

Một điều tất nhiên là, người nào càng đặc biệt hãnh diện về công việc làm của họ, khi gặp sự tấn công ô ạt của tuổi già – khiến họ không còn làm việc được như từ trước tới nay – sẽ rất là hãi sợ. Người nào khoe khoang trí thông minh sắc bén phi thường của họ sẽ lo sợ trí óc suy yếu dần. Người nào sống một đời gương mẫu của một thành viên trong xã hội sẽ đặc biệt hãi sợ khi chứng kiến năng lực thể chất cũng như tinh thần hao mòn.

Như thế, chúng ta không thể mong sống với tâm an lạc trong những ngày cuối cuộc đời chỉ bằng những việc công đức đã cố gắng tạo nên theo luật nhân quả.

Trong giáo pháp đạo Phật, có đề cập đến sự tồn tại hữu hạn của chúng ta, bị chi phối trong luật nhân quả, và được gọi với danh từ *pháp hữu lậu* hay *pháp hữu vi*. Pháp này còn được gọi là Giới của Bảy Vị Phật bởi vì đã được chư Phật ba đời trong thế gian giảng nói, trong đó dạy chúng ta nên cố gắng gieo trồng hạt giống lành trong đời, như vậy sẽ thọ nhận phước báo. Một bài kệ nổi tiếng đã tóm lược giáo pháp này như sau:

Chư ác mạc tác	<i>Tránh làm điều ác</i>
Chúng thiện phụng hành	<i>Năng làm điều lành</i>
Tự tịnh kỳ ý	<i>Giữ tâm thanh tịnh</i>
Thị chư Phật giáo.	<i>Đó lời Phật dạy.</i>

Nếu thâm cứu và thực hành pháp tu này, soi chiếu vào bản tâm mình, điều đó đủ làm cho tâm thanh tịnh và đưa ta vượt qua khỏi giáo lý chỉ dạy những pháp hữu vi cho đời sống giới hạn trong hình tướng và nghiệp quả. Thật đáng tiếc người ta thường diễn dịch giáo pháp này – gieo nhân tốt, hái quả tốt, gieo nhân xấu, hái quả xấu – chỉ áp dụng để thụ đắc hạnh phúc và thịnh vượng thế gian. Dĩ nhiên mục tiêu thế gian tự nó quan trọng vô cùng, nhưng những công đức hữu vi không thể đem lại an lạc tuyệt đối cho tâm khi trải qua sinh, lão, bệnh, tử.

Dù bạn có nỗ lực đến thế nào để tạo dựng thành quả mong muốn, một khi tên đã gọi trong sổ bộ Nam tào, tất cả những tích lũy thế gian sẽ bị quét sạch. Vòng luân hồi không chỉ áp dụng cho cõi người mà cho tất cả mọi hiện tượng, sự vật gì cũng phải trải qua thời kỳ sinh, thời kỳ trưởng, thời kỳ suy, và thời kỳ hủy diệt để trở về cái *Không* ban đầu. Trong con người đó là sinh, lão, bệnh, tử. Tất cả mọi hiện tượng đều rỗng rang như bọt nước, chợt hiện chợt mất, vô thường, biến đổi. Không có một thực thể cá biệt nào trên đời cố định, giữ nguyên trạng mãi mãi được.

Đó là khái niệm *Không* của Phật pháp, theo tiếng Phạn gọi là *nyat* và tiếng Nhật gọi là *mu*, và thực trạng của tánh *Không* này gọi là *Pháp Vô Lậu*. Tất cả mọi chúng sinh đều là hữu lậu. Nhưng tánh *Không*, vốn cơ

bản nơi mọi chúng sinh, là vô lậu. Hữu lậu và vô lậu bất khả phân với nhau, điều đó đã được nói đến trong câu bất hủ của Bát Nhã Tâm Kinh: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.*” (Sắc chính thực là Không, Không chính thực là Sắc).

Tuy nhiên, thực tế rất khó tự mình thấy rõ ràng tất cả mọi pháp thể tánh là không. Có thể nói muốn tự giác ngộ được tánh *Không* vốn có nơi chính mình, ta phải công phu hết mình, với tất cả mồ hôi và nước mắt.

*

- XXVI -

CHẾT TRONG KHI ĐANG SỐNG

Khi trở thành một tăng sĩ và gia nhập thiền viện, tôi đã ước ao thật mãnh liệt, hơn bất cứ thứ gì trên đời, làm sao giác ngộ. Kyoto, nơi thiền viện của tôi đặt trụ sở, không phải là mảnh đất có ruộng đồng trù phú, vì thế phần thực phẩm quy định cho một tháng thường giới hạn chỉ đủ cho mười ngày. Thực phẩm chính của mười ngày ấy bao gồm những thứ như bắp và bột khoai lang, và đôi khi một thứ bột trà màu vàng úa không thể nào uống được. Đó là những thứ đã nuôi thân mạng tôi khi ở trong thiền đường, nhất tâm tọa thiền và tìm giác ngộ.

Nhưng kinh nghiệm ngộ không đến dễ dàng. Trước khi bắt đầu tu Thiền, tôi đã được dạy để nhìn bằng mắt, nghe bằng tai, suy nghĩ bằng đầu óc, và đó là cách duy nhất tôi dùng để tìm hiểu mọi sự. Nhưng khi vào tu, tôi lại được chỉ cho rằng *satori* (chứng ngộ) không phải là một loại kết luận rút ra từ những phán xét riêng tư dựa trên cảm giác phân biệt của sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý căn tức bộ não). Dù vậy, tôi vẫn chưa thể nắm được cách nào để buông bỏ những thói quen cảm nhận xưa nay và tập kinh nghiệm theo một cách khác.

Đại Đăng Quốc Sư (*Daito Kokushi*), vị sáng lập ra thiền viện Đại Đức (*Daitokuji*) và là một trong những vị thiền sư kiệt xuất nhất trong lịch sử Nhật Bản, trong lời thị tịch đã khuyến cáo như sau: “*Hãy luôn luôn chú tâm, suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong ngày, để học cái Không Thể Nghĩ Bàn.*” Cái Không Thể Nghĩ Bàn ấy vượt lên trên mọi lý luận hay sự hiểu biết của trí thức, và tôi không biết một chút gì để tìm cách dồn năng lượng vào tu học cái Không Thể Nghĩ Bàn này. Vì thế tôi cứ tọa thiền một cách mù quáng. Hằng đêm khi mọi người đã ngủ say hết rồi, tôi vẫn kiên trì ở đó ngồi trên chiếc gối thiền. Không may là thời gian này tôi lại được giao nhiệm vụ đánh thức mọi người buổi sáng.

Như tôi đã nói ở trên, thực phẩm lúc đó rất ít oi, và tôi vốn lại gầy gò. Ban ngày tôi vất vả lao tác chân tay và thực hành tu tập, đến tối lại tiếp tục tọa thiền không ngủ suốt đêm, vì vậy tuy hết sức muốn ngồi thẳng người lên, nhưng rồi cũng lại rơi vào trạng thái mê mết, sẵn sàng ngất xỉu và ngã lăn khỏi gối thiền.

Giờ thức dậy buổi sáng trong thiền viện là ba giờ sáng mỗi ngày. Chắc tôi thường hay ngất đi vào khoảng 2 giờ hay 2 giờ rưỡi sáng. Lúc bừng tỉnh dậy, tôi đã thấy quá giờ đánh thức mọi người rồi. Việc này kéo dài khoảng ba ngày, cuối cùng tôi bị khiển trách nặng nề, bị kết tội *ngủ quên* và vì thế đã làm xáo trộn chương trình

hàng ngày của cả thiền viện. Chức vụ tôi được giao cho gọi là *densu* (thức chúng). Tôi được nhắc nhở thật rành rọt rằng luật lệ của thiền viện đã quy định rằng người làm *densu* phải canh đồng hồ như là *canh chính cặp mắt của mình vậy*.

“Người có thực sự có ý muốn tu hay không hả?” Vị huynh trưởng của tôi quát lớn. “Người tưởng người đến đây để làm gì?”

Khi bị hỏi là có ý muốn tu hay không, điều đó có nghĩa là có thể bị đá ra khỏi thiền đường. Nhưng may thay, thầy đã thương hại tôi, và những học tăng bạn cũng giúp đỡ, che chở tôi khỏi bị sơ sẩy thêm nữa. Dù vậy, tôi vẫn bướng bỉnh tiếp tục tọa thiền mà không nằm xuống chút nào về đêm. Mặc dù liên miên ngồi thiền một cách kiên trì như vậy, hàng đêm tôi vẫn rơi vào cơn mê mệt và ngủ thiếp đi, nên việc tọa thiền của tôi chẳng mạnh mẽ và sáng tỏ được chút nào.

Thế rồi, vấn đề lại càng trở nên tệ hại hơn, khi tôi lý luận rằng ăn vào là chỉ làm buồn ngủ thêm, nên ngưng không ăn nữa. Như tôi đã nói ở trên, những bữa ăn thời ấy không được đầy đủ chút nào. Chúng tôi dùng bữa theo nghi thức, tụng một bài kinh trước và sau khi ăn. Trước mỗi bữa ăn thường có thông báo về bữa ăn ấy như là “Bữa trưa hôm nay phần mỗi người sẽ gồm có ba cái bánh xếp.” Như vậy có nghĩa mỗi vị tăng sẽ nhận được

ba viên bánh làm bằng bột khoai ép lại, mỗi viên chỉ to bằng đồng xu thời xưa. Không có nước tương hay *miso* gì cả, những viên bánh này luộc trong nước muối, và chúng tôi mỗi người được phát cho ba chén. Dù chỉ có thể mà tôi cũng ngưng không ăn vì nghĩ sẽ bị buồn ngủ, điều đó quả tình tôi đã đi quá xa.

Thế rồi, một đêm nọ, tôi không còn một chút sức lực nào nữa. Tôi mất hết cả ý chí muốn được giác ngộ; sự tiếp tục tìm kiếm *satori* (chứng ngộ) dường như là điều không thể nào mơ tưởng tới được nữa. Tôi không còn một chút năng lực vật chất tối thiểu và tinh thần cần thiết để giữ mức độ ý thức trong đó cái thấy được xác định bằng mắt và cái nghe được xác định bằng tai. Chiếc gối thiền mềm mại tôi ngồi lên lúc đó là cả một miếng thép cứng đơ. Toàn thân tôi là tổng hợp của những cơn đau như dằm. Không còn là *tôi* đang ngồi trên gối thiền nữa; mà chỉ là cả một sự mệt mỏi chết ngất. Ý thức tưởng chừng như đã lạc mất trong màn sương mù dày đặc, tất cả chỉ còn là một sự mơ hồ.

Đột nhiên, dưới một lực nào đó không được rõ, màn sương mù bỗng tan đi và biến mất. Và không phải là cơn đau đớn của thể xác tôi biến đi, nhưng là cái thân chịu đựng sự đau đớn đó đã biến đâu mất. Mọi sự trở nên hoàn toàn sáng tỏ. Ngay cả trong màn đêm mờ tối, mọi sự cũng được thấy một cách thật tinh tường. Tiếng động

nhỏ nhất cũng có thể nghe được rõ ràng, nhưng không còn người đang nghe. Tôi tin rằng, điều này cũng tựa như là đã chết đi trong lúc còn đang sống vậy.

Vào lúc đó, không còn một niệm khởi. Tôi không có ý niệm gì về trạng thái sáng tỏ hoàn toàn ấy kéo dài bao lâu, điều gì đã xảy ra trước hay sau đó. Có lẽ một giọng nói sắc cạnh đã đánh thức tôi ra khỏi trạng thái đó. Tôi chỉ biết rằng khi sự tĩnh lại, tôi cảm thấy hạnh phúc vô ngần! Như tôi không còn biết là bàn tay tôi đang múa, tiếng chân tôi đang bước. Trong tâm trí tôi không hề có một ý tưởng nào thoáng qua là tôi đang có một kinh nghiệm ngộ hay là tôi đã *kiến tánh* (*kensho*). Không cần lý luận gì, tôi chỉ cảm thấy một niềm vui choáng ngợp, tưởng chừng như một gánh nặng trĩu trên vai bỗng nhiên đã được lấy đi.

Hồi tưởng lại kinh nghiệm này, nhớ đến nhiều đoạn kinh khác nhau và qua những ngữ lục của chư tổ thời xưa, tôi thấy một bài kệ của thiền sư Chí Đạo Vô Nan (*Shido Bunan Zenji*) thật là thích hợp:

*Chết trong khi đang sống
Chết một cách toàn diện
Mọi việc cứ tùy duyên
Sẽ tốt đẹp tự nhiên.*

Tâm lý gia danh tiếng Elizabeth Kubler-Ross đã thu thập lời kể của những người đã trải qua kinh nghiệm chết giả và trở về thuật lại. Theo những bản tường trình này, khi người ta bắt đầu chết, ngay trong giây phút đó, không những thân xác bị dày vò bởi bệnh hoạn và đau đớn được hoàn toàn giải thoát khỏi sự đau khổ, mà chính người ấy cũng có cảm giác thực sự là họ được giải thoát khỏi thân xác. Họ báo cáo rằng, tuy không biết đang ở đâu, nhưng họ có thể thấy rõ ràng những người khác đang tụ tập chung quanh xác họ, than khóc níu kéo và cố lay xác họ. Như thế dường như có sự tương đồng nào giữa kinh nghiệm cái chết giả và cái *chết trong khi nhập định*, nhưng đây là điều tôi không dám đoán chắc được.

Những gì tôi và những người khác đã trải qua kinh nghiệm tương tự có thể xác định được là có một trạng thái tâm vượt ra khỏi nhân và quả, khác biệt với trạng thái trong đó chúng ta tìm cách thụ đắc được *điều này* bằng việc làm một *điều kia*. Đó là một trạng thái Định trong đó mỗi giây phút đều tự đầy đủ, đều trọn vẹn như thế. Mỗi giây phút đều phản chiếu một cách hoàn hảo, như đang đứng trước một tấm gương vậy.

Nếu chúng ta dồn hết năng lực để sống với tính cách như *trồng cây rồi ăn quả*, gieo tạo nhân lành cho đời sống thế gian hữu hạn này, đó cũng là một điều kỳ diệu và cần thiết. Nhưng nếu sống mà chỉ biết tùy thuộc

vào luật Nhân Quả – hành động để nhận lãnh cái quả sẽ tới trong tương lai gần hay xa – rồi thế nào, người ấy cũng gặp phải chướng ngại và sẽ cảm thấy tuyệt vọng.

Tuy nhiên, bằng cách trực diện với những gì bạn đang có ngay trước mắt, ngay trong lúc này, hoàn toàn không phán xét hay lượng định, bạn có thể vượt qua tất cả những vấn đề của nhân và quả. Bạn có thể làm việc trong bếp hay quét sân ngoài vườn, cọ rửa phòng tắm hay lao tác cho một người nào khác, nhưng bạn làm mà không một chút suy tư gì về giá trị tương đối công việc ấy. Một cách đơn giản, điều đó có nghĩa bạn làm mọi việc hết sức mình, trở thành một với bất cứ hiện trạng nào, ngay trong giây phút đó. Tôi muốn bạn biết rõ ràng đây là một cách khác để sống cuộc đời của bạn.

Một mặt, dù cho có dồn nỗ lực và thành công trong sự gặt hái quả tốt cho mình, nhưng nếu không biết vượt qua chướng ngại lớn của sinh, lão, bệnh, tử, bạn sẽ không thể an lạc trong tuổi xế chiều đời mình. Mặt khác, nếu bám víu vào khái niệm *không* rồi rơi vào vô ký phủ nhận *có*, bạn sẽ dễ sai lầm và sống một đời vô ích. Nhưng có một cách khác hơn thế, con đường *Trung đạo*, sẽ giúp chúng ta không rơi vào hai cực đoan. Con đường Trung Đạo còn được gọi là Pháp Môn Giải Thoát, giải thoát khỏi cả hai hữu lậu và vô lậu.

*

- XXVII -

BUÔNG THẢ TRONG CÁI CHẾT

Tôi xin kể lại đây một câu chuyện cuối cùng, một câu chuyện đã làm tôi xúc động sâu xa. Đó là chuyện của cô Okamoto, người đã ở bên cạnh thầy tôi trong suốt bốn mươi năm cho đến khi ngài viên tịch.

Cô Okamoto, như tôi đã nói trước đây, đã rời bỏ việc làm trong ngành giáo dục nữ sinh, vào sống ở chùa trong tuổi bốn mươi như một đệ tử của thiền sư Zuigan. Cô tu như một người cư sĩ, không hề thể phát hay thọ giới, nhưng cũng không bao giờ trang điểm như những nữ cư sĩ khác. Cô làm mọi việc thật gọn gàng, lúc nào cũng trong bộ y phục lao động rộng thùng thình.

Cô không có ý định trở thành một đại nhân trong ni giới, nên thay vì chăm chú vào công việc tu tập, cô siêng năng làm công quả nhiều hơn, hầu giúp cho vị thầy cô hằng kính ngưỡng được thoải mái hơn trong đời sống. Qua những công việc giặt quần áo, nấu bếp, và trồng rau tươi, cô Okamoto muốn bảo đảm cho thầy khỏi cần bận tâm gì hết để có thể giảng pháp cho mọi người. Bất cứ người nào nhìn đến cô Okamoto cũng sẽ thấy ngay cô là một người rất tận tụy.

Đại sư Zuigan viên tịch vào tuổi tám mươi bảy, lúc đó cô Okamoto đã sáu mươi tuổi. Sau kỳ thất cuối cùng

49 ngày xong xuôi, cô thu dọn đồ đạc, tuyên bố không muốn là gánh nặng cho tôi, và ra đi khỏi chùa. Cô dọn đến một thất nhỏ thuê trong ngôi chùa khác, và tiếp tục sống những năm tháng còn lại của tuổi già ở đó, không chịu sự kiểm soát của một ai, y như thời cô đã sống khi Đại sư Zuigan còn sinh tiền vậy.

Mỗi buổi sáng cô Okamoto dậy vào lúc 4 giờ 15, và tuy rằng không phải phần việc của mình, cô cũng đi quét dọn vườn tược chùa chung quanh căn thất thuê của cô. Cô trồng rau trên những mảnh đất trống, và hái rau đó cúng dường các vị học tăng đang theo tu với tôi, đồng thời chia cho những khách thập phương, và đem lên bàn thờ cúng dường tam bảo.

Khi đã tới tuổi quá thất tuần, cô cảm thấy muốn tìm cách tu bản thân mình cho tốt hơn, nên sau một ngày quét tước, nhổ cỏ dại, làm vườn, cô Okamoto ở trong nhà nghe băng giảng và học hỏi thêm về văn chương cổ điển Trung Hoa. Có những lúc khác, nhớ lại những bài giảng của Lão sư về Thiền thư, cô mở lại những sưu tập hệ công án như Bích Nham Lục và Vô Môn Quan. Đó là cuộc sống hằng ngày của cô Okamoto.

Cô là một bà già bé nhỏ, thấp lùn với bộ mặt tròn trĩnh như trẻ thơ, nhưng với lối sống đặc biệt khắc khổ, cứng nhắc, cô Okamoto dường như có một vẻ gì đáng sợ, và những học tăng trẻ không cảm thấy thích thú chút nào nếu họ bị giao cho công việc phải đến gặp cô.

Hằng tháng tôi đều đến thăm cô Okamoto, và lúc nào cô cũng có vẻ phấn chấn với những buổi đến thăm đó. Nhưng có một hôm, cô nhắn tin cho tôi biết rằng cô muốn tôi đến thăm ngay, vì cô có chuyện cần muốn nói.

“Nửa năm vừa qua, tôi thấy cơ thể mình yếu mệt vô cùng,” cô bắt đầu nói khi tôi đến thăm. “Tôi nghĩ chắc mình đã đến tuổi suy nhược rồi, nên cố tự răn mình phải tiếp tục mọi công việc như thường, nhưng rồi cũng không thấy khá gì hơn.”

“Cuối cùng,” cô giải thích tiếp, “dường như tôi không còn cách gì hơn là nhờ người đưa đi bác sĩ khám. Tuy bác sĩ không nói gì nhiều, hình như tôi đã bị ung thư. Từ khi biết được, tôi đâm ra sợ chết quá đi.”

Những lời nói của cô mang âm hưởng vị thầy giáo cũ của tôi. Nhưng không những là cô Okamoto sợ chết, cô còn cảm thấy xấu hổ với cái sợ đó. Cô cảm thấy sợ chết là một điều nhục nhã, sau bao nhiêu năm tu tập với một vị lão sư như vậy. Cô cảm thấy biết ơn Lão sư và Thiên tông vô cùng, và không chịu nổi ý tưởng là những người ở gần cô sẽ nghĩ tu Thiên là vô ích, vì rõ ràng đã không giúp cho một người như cô có thể vượt qua được nỗi sợ hãi khi đối diện với tử thần.

“Có vấn đề gì đây trong cách tu của tôi từ đó tới giờ – để giờ này tôi sợ chết đến thế? Xin thầy làm ơn chỉ cho tôi thấy tôi đã sai lầm thế nào trong cách tu, được

không?” Cô khần khoản, trải bày tâm sự với tôi, như thể tôi là con trai của cô vậy.

Tuy rằng cô Okamoto hơn tôi đến hai mươi bốn tuổi, sự thô lộ nhiệt tình của cô đã khiến cho tôi, mặc dù kính trọng cô lớn tuổi, đã thẳng thắn nêu ra với cô điều tôi thấy không ổn lăm trong thái độ sống của cô.

Người đàn bà này đã sống một đời không có gì khiêm khuyết, đáng ngợi khen, nhưng bà lúc nào cũng nghiêng răng lại để cô *“làm điều lành, tránh điều xấu.”* Lúc nào cũng phân biệt thật rành mạch giữa *tốt* và *xấu*, lúc nào cũng cân nhắc, phán xét mọi tình thế, bà lo làm hết sức để cô đạt lấy *“tốt hơn,”* nhưng luôn luôn trong hàm răng nghiêng chặt vẻ cứng cõi. Tôi xin nói rõ hơn vấn đề này. Nỗ lực phân biệt tốt với xấu và rồi chọn lựa hành động một bên để lo tích lũy nhân lành cho những quả tốt, tự nó, không thể đem lại an bình trong tâm.

Như tôi đã giải thích với cô Okamoto, chúng ta sinh ra lọt lòng mẹ và sau này sẽ vào trong quan tài nằm. Trong khoảng thời gian trung gian đó chúng ta gọi là sống, và chắc hẳn bạn nghĩ rằng vào quan tài nằm tức là chết. Nhưng sự hiện hữu đúng thực tức là sống và chết lặp đi lặp lại, từng giây từng phút. Nếu nhìn vào một ngọn lửa, bạn thấy nó cháy liên tục và tạo ra ánh sáng liên tục. Nhưng thực sự, sáp nến đang chảy cạn dần từng chút, tim nến trong khi đang rực cháy cũng đang ngắn dần, đưa ngọn lửa càng lúc càng xuống thấp hơn.

Cuộc đời chúng ta trông có vẻ như những khối kiên cố suốt bảy chục hay tám chục năm liền, nhưng thực sự cũng giống tỷ dụ đã nói đến trước đây: bạn là người vợ khi quay qua bên này; bạn là người hàng xóm khi quay qua bên khác. Khi giữ cho tâm thẳng thắn, tự nhiên với từng giây từng phút sống thực, dù không một cố gắng, dù không tập luyện, bạn cũng được sinh ra thật đẹp đẽ từng giây phút. Bạn chết đi trong từng giây phút, rồi sinh trở lại trong từng giây phút nối tiếp nhau.

Như tôi đã nói với cô Okamoto, khi bạn đi vào bếp sửa soạn bữa ăn tối, hãy sinh ra ở trong bếp. Khi bạn xong việc ở đó, hãy chết đi. Rồi lại sinh ra ở bàn ăn khi ăn bữa tối và, sau khi bạn ăn xong rồi, hãy chết đi ở đó. Hãy sinh ra trong vườn khi bạn lấy cây chổi quét sân. Rồi khi bạn vào giường ngủ ban đêm, hãy chết đi ở đó. Và khi ánh dương tỏa sáng, bạn thức dậy trong giường, và lại sinh ra lại như mới. Nếu bạn có bệnh ung thư, hãy sinh ra với bệnh ung thư.

Luôn luôn trong giây phút hiện tại bây giờ – và chỉ ngay bây giờ thôi – bạn đi vào đời sống. Luôn luôn trong giây phút hiện tại bây giờ – và chỉ ngay bây giờ thôi – bạn buông thả trong cái chết. Thực tập chân lý đó tức là tập Thiền vậy.

*

- XXVIII -

MẠNG SỐNG PHẬT

Tôi đã thấy nhiều người áp dụng tu, nhưng tôi không biết có ai thực hành theo những lời chỉ dạy của tôi một cách thật hoàn hảo, thật tuyệt vời như cô Okamoto. Cô tuân theo lời tôi thật ngoan ngoãn như con cừu non. Chưa đầy mười ngày, bộ mặt nghiêm khắc của cô đã dịu đi trông như đứa trẻ, trở thành bộ mặt một bà lão hiền từ. Cô đã bỏ lại đằng sau lối sống khắc khổ, gò bó để cố làm điều tốt.

Bệnh cô Okamoto càng ngày càng nặng thêm, cuối cùng cô phải vào nhà thương. Tôi nhớ khi đến thăm cô, các bác sĩ và y tá đều nhận xét họ đã làm việc trong bệnh viện bao nhiêu năm nay mà chưa gặp một bệnh nhân nào như vậy. Khi vào bệnh viện, cô Okamoto đón nhận tất cả mọi người, tất cả mọi thứ, tất cả mọi hoàn cảnh đến trong tinh thần *cơ hội chỉ đến một lần*.

Hầu hết mọi người đều diễn giải *cơ hội chỉ đến một lần* như là trường hợp thật đặc biệt, một cơ hội hãn hữu cả đời chỉ có một lần. Câu nói đó gọi lên trong trí một dịp gì như một buổi lễ trà đạo chỉ được diễn ra một lần độc nhất. Người ta thường lý luận việc gì chỉ xảy ra một lần trong đời, một cuộc tao ngộ có một không hai, phải

là dịp may hiếm có lạ thường, và câu nói này thường chỉ được dùng giới hạn trong ý nghĩa đó thôi.

Tuy nhiên, theo một nghĩa đích thực, *cơ hội chỉ đến một lần* có thể xảy ra bất cứ lúc nào, khi ta gặp một tảng đá, nhìn thấy ngọn cỏ dại, khi lau chùi phòng tắm hay nấu cơm. Đó là trạng thái tâm thức tuyệt đối không có một dự kiến nào mang tính chất yêu ghét, tuyệt đối không có một ý tưởng nào muốn trốn tránh hiện thực. Thực tập *cơ hội chỉ đến một lần* là hoàn toàn hòa nhập vào mỗi việc đang xảy đến, và đây đúng là cách mà cô Okamoto đã dùng để bước ra khỏi cuộc đời.

Không may là tôi đã đồng ý trước cho chuyến du hành sang Anh và Hoa Kỳ trong thời điểm đó, và tôi ra đi lòng cảm thấy khó chịu. Tôi chỉ thị cho các đệ tử ở nhà phải săn sóc cô Okamoto trong lúc tôi đi vắng, nhưng cô đã qua đời mà không chờ đợi tôi trở về. Khi trở về, tôi nghe người đệ tử lớn nhất của tôi, vị tăng đã trông nom cô lúc sau cùng, kể lại những giây phút cuối của cô trước khi chết. Tuy vị tăng này ít khi nào biểu lộ cảm xúc trên nét mặt, ông cũng không ngăn nổi những giọng lệ tuôn trào khi thuật lại câu chuyện.

Trước khi qua đời, cô Okamoto đã nói với ông, “Nhìn lại, tôi thấy cuộc đời tôi đã sống bao nhiêu năm

nay thật là tù túng. Nên bây giờ tôi muốn cầm một quả bóng đi chơi trong rừng.” Đó là những lời cuối của cô.

Chúng tôi đã đặt một quả bóng thật đẹp, làm bằng những sợi chỉ màu, vào bên trong ngôi mộ của cô.

Tôi mong bạn sẽ không xem những lời nói cuối cùng của cô Okamoto chỉ như những lời xúc cảm hay chỉ có ý nghĩa thuần túy như vậy. Khi tôi nghe lời nói cuối cùng đó, tôi cảm thấy vui mừng tự đáy lòng. Vui mừng vì tôi tin tưởng rằng trong đời sống và trong cái chết, cô Okamoto đã thực sự đạt tới trạng thái có thể gọi là *du hí tam-muội*.

Nếu một người được lãnh lương để làm công việc dùng xẻng xúc cát vào trong thùng xe vận tải, chắc họ sẽ cảm thấy mệt mỏi. Lúc đó nếu có ai đến và đề nghị giúp họ, chắc họ sẽ vui vẻ giao cái xẻng ra cho người ấy. Nhưng giả tử có một đứa trẻ đang chơi trên một đồng cát, xúc cát vào trong cái xô. Nếu có người nào đến nói với nó cho họ làm thế việc đó một lúc, chắc đứa trẻ sẽ cự lại rằng, “Tại sao tôi lại muốn ông thế tôi trong khi tôi đang thích thú thế này?”

Ngay cả một trong những công việc phù du nhất như sửa soạn một bữa ăn cũng có thể là *du hí tam-muội* được. Bạn dốc tâm vào việc sửa soạn một bữa ăn ngon,

lo bày biện trang hoàng những đĩa thức ăn thật nghệ thuật rồi đem lên mời mọi người dùng, chẳng mấy chốc những món ăn đó sẽ được tiêu thụ hết sạch, và còn lại chỉ là đĩa bát bẩn. Thực hành *du hí tam-muội* không chỉ có ý nghĩa sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật làm đẹp cho viện bảo tàng trong vài trăm năm, mà còn áp dụng cho những việc tầm thường hằng ngày mà chúng ta vẫn làm. Một tỷ dụ cụ thể là những công việc làm trong nhà. Trong vòng vô tận, chúng ta lau chùi nhà cửa, rồi nhà cửa lại bẩn trở lại. Chúng ta quét nhà, rồi bụi lại bám trở lại. Chúng ta giặt quần áo, rồi quần áo lại lấm bẩn trở lại. Điều này không chỉ giới hạn trong việc chăm sóc nhà cửa, nếu nhìn kỹ, bạn sẽ thấy hiện trạng này cũng có trong mọi sinh hoạt con người ở thế gian.

Du hí tam-muội là một trạng thái tâm thức trong đó người ta làm một việc mà không hề cân nhắc đến giá trị tương đối, y như đứa trẻ chơi nghịch trong cát sẽ không muốn để người nào khác đến thế chỗ. Đó chính là tâm thức của cô Okamoto khi cô đi vào rừng chơi bóng.

Du hí tam-muội là trạng thái tâm siêu vượt cả hai pháp đối đãi hữu lậu và vô lậu. Đó là Pháp môn Giải thoát, một trạng thái tâm tự do tự tại, giải thoát khỏi cả hữu hạn lẫn vô hạn.

Nơi bản thân chúng ta vốn có sẵn Phật mạng vĩnh cửu thường hằng. Phật mạng thể hiện trong mọi sắc tướng, sinh sinh diệt diệt theo từng sát-na, và tiếp nối nhau hiển lộ trong *du hí tam-muội*. Chúng ta có thể khẳng định rằng có được trạng thái tâm như vậy chính là đã đạt được trạng thái giác ngộ trong Thiên.

Tuy Phật mạng thể hiện trong sắc tướng và tương tục biến hiện theo từng sát-na, ánh chớp lập lòe biến hiện này không phải là ánh chớp của một cái ngã riêng biệt kiên cố, mà là biến hiện rục rờ của sự thể nhập hòa điệu giữa cá thể và ngoại cảnh chung quanh. Đây là điều vị tổ khai sáng tông Tào Động ở Nhật, thiền sư Đạo Nguyên (Dogen Zenji) đã ngụ ý khi bảo rằng sinh và tử chính là mạng sống Phật. Sinh và tử là nhịp đập của Phật mạng.

Ở đâu có một ngàn con người, trong một ngàn lối sống, sẽ có một ngàn vị Phật hiển lộ. Phật ở trong đồi núi, trong thung lũng, cỏ cây, qua muôn vạn hiện tượng khác nhau. Cái tâm thể hiện nơi bất cứ mọi hình tướng trước mắt ta, nơi bất cứ phương hướng chung quanh ta là tâm đáng kính ngưỡng; đó chính là tâm Phật, đó chính là Phật mạng vậy.

Riêng đối với cá nhân tôi, chữ *sinh* và *tử* được hiểu như Đồi Sống Lớn Rộng, đầy năng động và nhạy múa thật linh hoạt. Trong suốt quyển sách này tôi đã nói

chuyện với các bạn về đời sống lớn rộng, nhảy múa thật linh hoạt này và về tiến trình tôi đã trải qua để có được cái nhìn như vậy.

Như tôi đã nói trước đây, khi chấm dứt một bài giảng, tôi thường yêu cầu mọi người hãy quên hết những điều tôi vừa nói. Nhưng mặc dù vậy, tôi cũng tha thiết mong rằng những lời kể vụng về của tôi sẽ là một khích lệ, phần nào giúp cho bạn sống được đời sống của mình – sống với hết tâm ý trong từng giây từng phút, trong ý thức trọn vẹn trước mắt đời sống bao la lớn rộng, đầy năng động và nhảy múa thật linh hoạt.

*

NỘI DUNG

Phần Một: BƯỚC ĐẦU	09
1.Viền ảnh cái chết	11
2.Không có gì chắc chắn	16
3.Cuộc gặp gỡ trong bước đường cùng	22
4.Không có gì là rác	25
5.Chỉ còn biết lau chùi.....	31
6.Lời răn dạy của Khổng Tử.....	34
7.Việc phải lo.....	39
8.“Không thể làm được”	42
9.Giữa thầy và trò	48
10.Chuyện của nó và tôi	53
11.Ba loại đệ tử.....	57
12.Cho tiền mai táng	61
13.Ý nghĩa của sự can đảm.....	66
14.Tôi đang làm gì ở đây?	73
15.Niềm tin vạn năng	76

Phần Hai: RÈN LUYỆN	81
1.Tâm Bất Động	83
2.Biết đến cái ngu của mình	86
3.Đời sống trong thiền viện.....	90
4.Không bao giờ hết tu	109
Phần Ba: NỞ HOA	115
1.Điều gì đây?.....	117
2.Thượng đế ở ngay đây.....	124
3.Cái chết có bí hiểm không?	128
4.Tâm như thủy	131
5.Cái chết của ông tôi	135
6.Pháp Vô Lậu.....	140
7.Chết trong khi đang sống.....	146
8.Buông thả trong cái chết.....	153
9.Mạng sống Phật.....	158

Từ Nụ Đến Hoa

Nguyên tác **Novice To Master**

Tác giả **Soko Morinaga**

Dịch giả **Thuần Bạch và Ngọc Bảo**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Biên tập :

Sửa bản in:

Bìa : Mộc Nhiên

Phụ bản : Hạnh Đạt

Trình bày: Phong Nhuận

□□

Phát hành:
